



THEO DÕI NGHÈO ĐÔ THỊ THEO PHƯƠNG PHÁP CÙNG THAM GIA

Báo cáo Tổng hợp Vòng 2 năm 2009

Tháng 11 năm 2009

THEO DÕI NGHÈO ĐÔ THỊ THEO PHƯƠNG PHÁP CÙNG THAM GIA

Báo cáo Tổng hợp Vòng 2 năm 2009

Tháng 11 năm 2009

MỤC LỤC

LỜI TỰA 5

LỜI CẢM ƠN 7

TỪ VIẾT TẮT 9

TÓM LƯỢC 11

GIỚI THIỆU 15

Mục tiêu của Báo cáo 15

Phương pháp nghiên cứu 15

 Khảo sát lặp lại hàng năm 15

 Địa điểm khảo sát 16

 Nhóm nòng cốt thực hiện theo dõi nghèo 18

 Khung theo dõi nghèo đô thị 18

 Khảo sát thực địa 18

PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ NGHÈO ĐÔ THỊ 21

1.1 Diễn biến nghèo đô thị 21

 1.1.1 Nghèo giảm chậm do tác động của các rủi ro và cú sốc 21

 1.1.2 Tỷ lệ hộ nghèo tại các điểm quan trắc tăng đột biến trong năm 2009 do tăng chuẩn nghèo 21

1.2 Hai nhóm nghèo đô thị: người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư 23

 1.2.1 Người nghèo bản xứ 23

 1.2.2 Người nghèo nhập cư 27

1.3 Các thách thức giảm nghèo đô thị 28

 1.3.1 Cơ sở hạ tầng 28

 1.3.2 Chuyển đổi sinh kế 30

 1.3.3 Vốn xã hội 33

 1.3.4 Tiếp cận các dịch vụ công 35

 1.3.5 Bảo trợ xã hội 42

PHẦN 2. CÁC NHÓM XÃ HỘI ĐẶC THÙ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG 45

2.1 Nhóm công nhân nhập cư 45

 2.1.1 Đặc điểm nhóm 45

 2.1.2 Điều kiện sống và làm việc 48

 2.1.3 Dễ bị tổn thương trong Quan hệ lao động 51

 2.1.4 Dễ bị tổn thương về Thu nhập và Chi tiêu 54

 2.1.5 Phương án chống đỡ 58

 2.1.6 Kế hoạch và nguyện vọng của công nhân nhập cư 61

 2.1.7 Vai trò của Công đoàn 63

2.2 Nhóm buôn bán nhỏ	64
2.2.1 Đặc điểm nhóm	64
2.2.2 Điều kiện sống và hành nghề	64
2.2.3 Tính dễ bị tổn thương	65
2.2.4 Phương án chống đỡ	68
2.3 Nhóm chạy xe ôm	68
2.3.1 Đặc điểm nhóm	68
2.3.2 Điều kiện sống và hành nghề	69
2.3.3 Tính dễ bị tổn thương	70
2.3.4 Phương án chống đỡ	72
2.4 Nhóm xích lô	72
2.4.1 Đặc điểm nhóm	72
2.4.2 Tính dễ bị tổn thương	73
PHẦN 3. KẾT LUẬN: HƯỚNG ĐẾN GIẢM NGHÈO ĐÔ THỊ BỀN VỮNG	75

LỜI TỰA¹

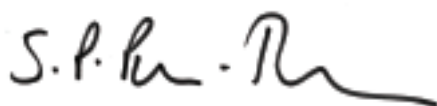
Đầu năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Điều này sẽ mang đến nhiều cơ hội cho Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức, đặc biệt trong việc đảm bảo chia sẻ lợi ích gia nhập WTO tới mọi người dân, bao gồm cả nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương.

Trong bối cảnh này, ActionAid Việt Nam, Oxfam Anh và Oxfam Hồng Kông, những tổ chức làm việc lâu năm hỗ trợ người nghèo và thiệt thòi nhất ở Việt Nam, cùng với các đối tác địa phương, đã tiến hành thực hiện sáng kiến 'Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia' từ đầu năm 2007.

Sáng kiến này nhằm mục đích theo dõi hàng năm các kết quả giảm nghèo, gắn với những thay đổi về sinh kế và tiếp cận thị trường của người nghèo và dễ bị tổn thương tại một số cộng đồng điển hình trên cả nước. Chúng tôi mong muốn đóng góp các khuyến nghị cho thảo luận chính sách tại cấp quốc gia, cũng như cho việc điều chỉnh và thiết kế các chương trình của ActionAid và Oxfam tại Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng Quý vị sẽ tìm thấy những điều bổ ích và thú vị trong báo cáo tổng hợp theo dõi nghèo vòng hai này.

Thay mặt Oxfam Anh



Steve Price Thomas

Giám đốc

Thay mặt Action Aid Việt Nam



Phan Văn Ngọc

Giám đốc

1. Nghiên cứu này có sự đóng góp của nhiều tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, các ý kiến, quan điểm, kết luận, và đề xuất trình bày trong nghiên cứu này không nhất thiết là quan điểm chính sách của Oxfam, AAV hay tổ chức và nhà nghiên cứu nào có tài liệu được trích dẫn trong báo cáo này.

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo tổng hợp về theo dõi nghèo đô thị này là nỗ lực tập thể, và không thể hoàn thành nếu thiếu sự đóng góp quan trọng của rất nhiều người.

Chúng tôi xin cảm ơn lãnh đạo và cán bộ của các tổ chức ActionAid Việt nam (AAV) và Oxfam Anh (OGB) đã cho những ý kiến quý báu trong suốt các bước thiết kế, triển khai thực địa, hội thảo và viết báo cáo. Một số cán bộ của ActionAid và Oxfam đã trực tiếp tham gia các chuyến thực địa, đóng góp những kiến thức và kinh nghiệm hữu ích về phương pháp và nội dung nghiên cứu.

Chúng tôi xin cảm ơn sự cho phép và tạo điều kiện thuận lợi của UBND, các Sở ban ngành liên quan ở cấp thành phố và cấp quận, huyện nơi tiến hành đợt theo dõi nghèo đô thị vòng 2 năm 2009 này. Chúng tôi xin cảm ơn các thành viên Nhóm nòng cốt ở huyện Đông Anh (TP. Hà Nội), quận Kiến An (TP. Hải Phòng) và quận Gò Vấp (TP. Hồ Chí Minh) gồm cán bộ Sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể ở cấp tỉnh và quận, huyện, các cán bộ phường, xã đã phối hợp chặt chẽ, dành nhiều thời gian và nỗ lực để hoàn thành công tác thực địa cũng như viết báo cáo theo dõi nghèo của từng điểm quan trắc. Chúng tôi xin đặc biệt cảm ơn các cán bộ khu phố, tổ dân phố, thôn xóm đã cùng đi và hỗ trợ công tác thực địa. Sự tham gia tích cực và điều phối nhịp nhàng của các đối tác địa phương của ActionAid gồm Trung tâm Hợp tác và phát triển nguồn nhân lực (C&D), Trung tâm vì người lao động nghèo (CWR) trực thuộc LĐLĐ thành phố Hải Phòng và Ban quản lý chương trình phát triển AAV quận Gò Vấp trực thuộc UBND quận Gò Vấp (TP.HCM) là không thể thiếu để đợt theo dõi nghèo đô thị này được thực hiện thành công.

Cuối cùng, chúng tôi xin bày tỏ những lời cảm ơn chân thành nhất tới những người dân nghèo nam và nữ, những công nhân nhập cư, những thanh niên và trẻ em tại các tổ dân phố, thôn xóm đã dành thời gian chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong đời sống, những nhận xét, dự định và mong muốn trong tương lai của mình thông qua các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu. Nếu không có sự tham gia tích cực của họ, đợt theo dõi nghèo này không thể thực hiện được.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của mọi người quan tâm.² Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Nhóm tư vấn công ty Trường Xuân (Ageless)

Hoàng Xuân Thành (Trưởng nhóm)

Đinh Thị Thu Phương

Phạm Việt Sơn

Hà Mỹ Thuận

Đinh Thị Giang

Lưu Trọng Quang

Đặng Thị Thanh Hòa

2. Các ý kiến đóng góp có thể gửi cho: anh Hoàng Xuân Thành, Trưởng nhóm tư vấn, Giám đốc công ty Trường Xuân (Ageless): (04) 39434478 (văn phòng), 091 334 0972 (di động), email: thanhhx@gmail.com; chị Vũ Thị Quỳnh Hoa, Cán bộ chủ đề Quản trị Nhà nước, ActionAid Việt Nam, (04) 39439866, máy lẻ 126, email: hoa.vuthiquynh@actionaid.org; và chị Lê Kim Dung, Điều phối viên Chương trình, Oxfam Anh, (04) 39454362, máy lẻ 141, email: lkdung@oxfam.org.uk.

TỪ VIẾT TẮT

AAV	ActionAid Việt Nam
BHXX	Bảo hiểm Xã hội
BHYT	Bảo hiểm Y tế
C&D	Trung tâm hợp tác và phát triển nguồn nhân lực
CLB	Câu lạc bộ
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CTMTQG	Chương trình Mục tiêu Quốc gia
CWR	Trung tâm vì người lao động nghèo
HĐND	Hội đồng Nhân dân
HP	Hải Phòng
KCN	Khu Công nghiệp
LĐLĐ	Liên đoàn Lao động
LĐ-TBXH	Lao động và Thương binh Xã hội
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách Xã hội
NN-PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia
TH	Tiểu học
THCS	Trung học Cơ sở
THPT	Trung học Phổ thông
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	Ủy ban Nhân dân
VHLSS	Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
XĐGN	Xóa đói Giảm nghèo

TÓM LƯỢC

Sáng kiến theo dõi nghèo đô thị

Sáng kiến theo dõi nghèo đô thị vòng 2 trong năm 2009, tiếp nối vòng 1 trong năm 2008, do ActionAid và Oxfam phối hợp với các đối tác địa phương thực hiện tại 3 phường/xã thuộc thành phố Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 7/2009. Tại mỗi địa phương, một Nhóm nông cốt theo dõi nghèo gồm đại diện các cơ quan ban ngành đã được thành lập. Các thông tin thu được dựa trên thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu với sự tham gia của 431 người (215 nữ) và phỏng vấn phiếu hỏi 180 công nhân nhập cư (116 nữ).

Tổng quan về nghèo đô thị

Xu hướng trên cả nước là tỷ lệ nghèo giảm chậm do tác động của các rủi ro và cú sốc. Tỷ lệ nghèo theo các số liệu chính thức tại các điểm quan trắc thay đổi khác nhau tùy thuộc vào chuẩn nghèo riêng của mỗi thành phố. Thành phố Hải Phòng vẫn áp dụng chuẩn nghèo chung của quốc gia nên tỷ lệ nghèo còn rất thấp và khó giảm thêm. Còn tỷ lệ nghèo tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã tăng đột biến từ đầu năm 2009 do 2 địa phương này tăng chuẩn nghèo áp dụng tại địa phương mình.

Người nghèo bản xứ thuộc nhóm nghèo “lỗi” còn rất ít và có những khó khăn đặc thù. Khi tăng chuẩn nghèo, đã có thêm một số lượng đáng kể những hộ nghèo mới, bao gồm cả những người về hưu, mất sức, thương binh, công chức địa phương không có thu nhập gì khác nhưng đồng người ăn theo. Nhiều hộ bị thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng khu công nghiệp và công trình hạ tầng nhưng không có điều kiện chuyển đổi sinh kế rơi vào diện nghèo. Khoảng cách giàu – nghèo ngày càng doãng rộng tại khu vực đô thị.

Người nghèo nhập cư. Tình trạng nghèo của người nhập cư trầm trọng hơn khi nhìn dưới góc độ “hòa nhập xã hội” (bất lợi, thiệt thòi trong các mối quan hệ xã hội) so với góc độ nghèo về “thu nhập” hoặc “chi tiêu”. Đã xuất hiện sự phân hóa tại những địa bàn có đông công nhân nhập cư, có những nhóm khó khăn hơn, gồm: người có con nhỏ, gia đình ở quê thuộc diện nghèo, người bị mất việc làm trong các doanh nghiệp trụ lại thành phố làm nghề tự do, người vừa học vừa làm, và người chi tiêu quá mức hoặc vướng vào tệ nạn xã hội.

Các thách thức giảm nghèo đô thị. Cơ sở hạ tầng và vệ sinh, môi trường đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên vẫn còn nhiều mặt yếu kém, nhất là tại các địa bàn ven đô thị có các khu công nghiệp. Tổ chức và quản lý các dịch vụ thu gom rác thải còn hạn chế. Người nghèo tại các địa bàn bị thu hồi đất nông nghiệp đang gặp khó khăn trong việc chuyển đổi sinh kế bền vững. Xuất hiện một nhóm chịu nhiều rủi ro trong thời kỳ khủng hoảng tài chính thế giới, đó là những người bị thu hồi đất nay chuyển sang cho thuê nhà trọ và làm dịch vụ phục vụ công nhân nhập cư.

Thiếu “vốn xã hội” (những mối quan hệ và mạng lưới, các nhóm chính thức và phi chính thức và các tổ chức xã hội mà người nghèo tham gia) cản trở những nỗ lực vươn lên của người nghèo. “Nghèo về văn hóa, lối sống” là một vấn đề đang nổi lên gay gắt tại các địa bàn ven đô thị, đông công nhân nhập cư.

Việc tiếp cận các dịch vụ công của cả người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư còn gặp nhiều khó khăn. Các dịch vụ giáo dục, y tế tại các địa bàn ven đô thị đông người nhập cư thường trong tình trạng quá tải, thiếu thốn về cơ sở vật chất. Rất ít người nghèo tham gia các chương trình hỗ trợ học nghề. Việc huy động trẻ vào lớp 1 được thực hiện khá tốt đối với cả nhóm bản xứ và nhóm nhập cư; nhưng việc học lên các cấp cao hơn của trẻ nhập cư còn nhiều khó khăn. Người nhập cư vẫn phải chịu giá điện cao. Người nghèo nhập cư vẫn khó tiếp cận các nguồn vốn chính thức. Đăng ký tạm trú đã đơn giản hơn trước nhiều, tuy nhiên để được

cấp hộ khẩu tại thành phố còn khó khăn với hầu hết người nhập cư do không đủ thủ tục.

Công tác quản trị địa phương tại các địa bàn ven đô đang đứng trước những thách thức lớn về năng lực cán bộ, về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong giai đoạn chuyển đổi theo hướng đô thị hóa. Tình trạng một số "qui hoạch treo" ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội địa phương và đời sống, tâm lý của người dân.

Bảo trợ xã hội. Việc đóng BHXH tự nguyện còn ít được người dân quan tâm. Chính sách hỗ trợ BHYT được triển khai rộng rãi, nhưng nhiều người còn phàn nàn về sự quá tải của các bệnh viện cấp quận/huyện và thành phố, thái độ phục vụ người có thẻ BHYT chưa tận tình. Số người mua thẻ BHYT tự nguyện đã tăng lên, nhưng còn mang tính đối phó. Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 67/CP đã được triển khai hiệu quả. Tuy nhiên, qui định một số nhóm đối tượng phải thuộc hộ nghèo mới được hỗ trợ, ví dụ như nhóm người khuyết tật, chưa thực sự phù hợp.

Tính dễ bị tổn thương của một số nhóm xã hội đặc thù

Công nhân nhập cư đa số còn trẻ, chưa lập gia đình, nữ đông hơn nam, đến từ các gia đình làm nông nghiệp. Mạng lưới xã hội phi chính thức ngày càng quan trọng với công nhân nhập cư trong việc tìm kiếm thông tin về việc làm. Công nhân nhập cư gặp nhiều bất lợi về điều kiện sống, như diện tích nơi ở chật chội, giá điện nước cao, nguồn nước và môi trường kém vệ sinh. Tại các khu dân cư có đông công nhân ở trọ còn quá thiếu các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao, phổ biến về kỹ năng sống, hoạt động đoàn thể và cộng đồng mà họ có thể tham gia.

Dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính-kinh tế giới, đang có một sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động trong các ngành sử dụng nhiều lao động như giày da, may mặc³. Sau giai đoạn khó khăn trong quý 1 năm 2009, đến cuối quý 2 năm 2009 đa số doanh nghiệp đã có sự phục hồi đơn hàng mạnh mẽ, dẫn đến thiếu lao động. Nhưng việc tuyển dụng lao động đang gặp khó khăn, dù doanh nghiệp đã có nhiều chính sách thu hút lao động. Cuộc khủng hoảng đã khiến công nhân thấm thía về độ rủi ro cao của lĩnh vực sản xuất thâm dụng lao động, trong khi đó công việc vất vả, hạn chế trong việc nâng cao học vấn và tay nghề, thu nhập không đủ sống tại các thành phố lớn và để có tiền tiết kiệm, gửi về quê; do đó họ lựa chọn hơn trong tìm kiếm việc làm. Công nhân nhập cư ngày càng có tính lưu động cao, có xu hướng chuyển chỗ làm nhanh chóng để tìm kiếm thu nhập cao hơn.

Phương án chống đỡ của công nhân nhập cư khá đa dạng. Phương án "dễ" nhất là về quê, nhưng đây chỉ là cách chống đỡ tạm thời, sau đó hầu hết lại tìm cơ hội lên thành phố kiếm việc làm (trừ một số người ở lại làm tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp ở gần nhà). Phương án thứ hai là bám trụ lại thành phố làm nhiều nghề khác nhau, như bán hàng rong, phụ hồ, phụ giúp nhà hàng... Trong khi làm các công việc này, công nhân vẫn thông qua mạng lưới đồng hương, bạn trọ của mình để tìm việc trong các doanh nghiệp. Phương án thứ ba là tiếp tục đi học văn hóa và học nghề để hy vọng sau này kiếm được nghề nghiệp ổn định hơn và có mức lương cao hơn. Đây là một phương án tích cực, thực tế tại các điểm quan trắc số lượng công nhân vừa học vừa làm đã tăng lên đáng kể.

Người buôn bán nhỏ đa số là phụ nữ, đã có gia đình. kinh doanh đủ loại mặt hàng với số vốn nhỏ, tiền tiết kiệm hàng tháng không đáng kể. Nhà nghèo, trình độ hạn chế và vốn ít là lý do của đa số người chọn nghề buôn bán nhỏ. Từ đầu năm 2009, xuất hiện thêm một nhóm công nhân nhập cư không có việc làm tạm thời do tác động của khủng hoảng tài chính nên chuyển ra buôn bán nhỏ để có thu nhập trang trải các chi phí cuộc sống ở đô thị. Phần đông người buôn bán nhỏ có thu nhập của họ năm 2009 không tăng, thậm chí giảm. Nhất là trong giai đoạn quý 1/2009 công nhân thất nghiệp về quê nhiều, những mặt hàng thường bán cho công nhân không chạy nữa buộc một số người phải tìm giải pháp đóng cửa, nghỉ bán hàng hoặc chuyển sang bán những mặt hàng khác.

3. Chủ đề tác động của khủng hoảng tài chính-kinh tế thế giới đến đời sống và sinh kế người nghèo ở khu vực đô thị sẽ được tổ chức Oxfam Anh và ActionAid Việt Nam đánh giá nhanh lặp lại 3 tháng 1 lần trong hai năm 2009-2010 tại các điểm quan trắc,

Người chạy xe ôm, xe xích lô hầu hết là nam giới trung niên, đã có gia đình, không có tay nghề, điều kiện kinh tế khó khăn. Năm 2009 thu nhập của nhóm làm nghề xe ôm, xích lô chịu tác động của khủng hoảng tài chính và dư âm của biến động giá cả khiến lượng khách sụt giảm, do cạnh tranh của dịch vụ vận tải cơ giới tăng lên và ngày càng có nhiều người lao động chuyển sang chạy xe ôm. Người chạy xe ôm, xích lô còn gặp khó khăn do những qui định về quản lý đô thị.

Những gợi ý thảo luận chính sách đã nêu trong Báo cáo nghèo đô thị vòng 1 năm 2008 vẫn có ý nghĩa. Một số gợi ý thảo luận chính sách hướng tới giảm nghèo đô thị bền vững trong bối cảnh mới được rút ra từ đợt khảo sát vòng 2 năm 2009 như sau:

1. **Theo dõi chặt chẽ tác động của các rủi ro và cú sốc đến các nhóm nghèo đô thị:** Giảm nghèo đô thị trong bối cảnh có nhiều rủi ro và cú sốc (như giá cả bất lợi, khủng hoảng tài chính thế giới, biến đổi khí hậu toàn cầu, và những thay đổi trong chính sách quản lý đô thị, qui hoạch sử dụng đất ảnh hưởng đến sinh kế người nghèo...) không thể thực hiện hiệu quả nếu không nhận diện đúng những khó khăn của người bản xứ và người nhập cư, không cập nhật các dòng di chuyển lao động và mối liên kết nông thôn – thành thị (ví dụ, tình trạng mất việc làm, giảm thu nhập trong các nhóm công nhân nhập cư và nhóm lao động phi chính thức). Cần cải thiện hệ thống điều tra thống kê về lao động-việc làm, xây dựng các điểm quan trắc liên tục về lao động tại từng địa phương, cải thiện việc báo cáo về tình hình lao động ở các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động, để có thể cập nhật tình hình chính xác, phát hiện nhanh các vấn đề nảy sinh, từ đó ứng phó kịp thời hơn với các rủi ro và cú sốc.
2. **Phân loại người nghèo để tập trung nguồn lực hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn đặc thù khi tăng chuẩn nghèo tại các khu vực đô thị.** Một số lượng lớn hộ gia đình đã rơi vào diện hộ nghèo sau khi các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM tăng chuẩn nghèo của mình từ đầu năm 2009. Trong bối cảnh nguồn lực có hạn, cần có sự phân loại người nghèo thành các nhóm khác nhau để có chính sách phù hợp với từng nhóm đối tượng. Cần tính đến người nhập cư trong việc bình xét nghèo và lập kế hoạch hỗ trợ giảm nghèo tại các khu vực đô thị. Những kinh nghiệm của TP.HCM trong việc đưa nhóm nhập cư tạm trú dài hạn vào diện bình xét nghèo, tách nhóm nghèo nhất (có thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm, so với chuẩn nghèo 12 triệu đồng/người/năm) để có chính sách hỗ trợ mạnh hơn, và tách nhóm người nghèo do lớn tuổi, mất sức lao động, ốm đau bệnh tật không có khả năng làm ăn vượt nghèo ra khỏi để án giảm nghèo của Thành phố để có chính sách bảo trợ xã hội riêng. Điều này rất đáng tham khảo cho các tỉnh, thành phố khác.
3. **Thực hiện các chính sách hỗ trợ đồng bộ cho các xã bị thu hồi nhiều đất nông nghiệp để xây dựng khu công nghiệp.** (ví dụ, bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp), trong đó chú trọng giải quyết những vấn đề nảy sinh về hệ thống thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và rác thải... và các biện pháp hỗ trợ chuyển đổi sinh kế bền vững, bảo đảm an sinh xã hội cho những người bị thu hồi đất, người nghèo tại địa phương. Cần có qui chế rõ ràng để nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư các khu công nghiệp trong các chính sách hỗ trợ nói trên ngay từ khâu qui hoạch sử dụng đất, đánh giá tác động môi trường và tác động xã hội của dự án. Cũng cần đặc biệt lưu ý đến nâng cao năng lực quản trị địa phương (về trình độ cán bộ, lập và thực hiện qui hoạch/kế hoạch, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình) tại các xã ven đô thị đang trong quá trình chuyển đổi, qui hoạch và quản lý các dịch vụ nhà trọ cho thuê và dịch vụ dân sinh tại chỗ, mở rộng cơ sở trường học và y tế (phục vụ cả con em của công nhân nhập cư), xây dựng các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi lành mạnh và phòng chống sự suy thoái về lối sống.
4. **Xây dựng một chương trình bảo trợ xã hội cho người nhập cư tại các khu vực đô thị,** như mở rộng việc đóng các loại bảo hiểm (BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT) một cách linh hoạt đối với lao động nhập cư, hỗ trợ người mất việc làm do các rủi ro và cú sốc, hỗ trợ chi phí học nghề và học văn hóa (với những công nhân nhập cư vừa học vừa làm), tư vấn hướng nghiệp và tư vấn tâm lý, giúp người nhập cư tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội và các

tiện ích hạ tầng (điện, nước) với giá hợp lý, cải thiện "vốn xã hội" của người nhập cư bằng cách tạo cơ hội tham gia nhiều hơn vào các hoạt động đoàn thể, sinh hoạt tổ nhóm, các hoạt động văn hóa, truyền thông về pháp luật và các kỹ năng sống... với sự tham gia tích cực của các bên liên quan (chính quyền, tổ dân phố, các đoàn thể, công đoàn, doanh nghiệp).

5. **Tăng cường vai trò của các nhóm tự quản tại cộng đồng** bao gồm cả người bản xứ và người nhập cư, là một biện pháp hữu hiệu để tăng vốn xã hội, tăng năng lực chống đỡ các rủi ro và cú sốc cho những người dễ bị tổn thương tại các địa bàn đô thị. Các nhóm tự quản có thể đảm đương một hoặc nhiều chức năng, như chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau, tiếp cận các chương trình hỗ trợ của địa phương và các nhà tài trợ/nhà hảo tâm, cải thiện tiếp cận các dịch vụ công, cùng nhau tổ chức thực hiện các dịch vụ phục vụ cộng đồng dân cư ví dụ như thu gom rác thải.

GIỚI THIỆU

Mục tiêu của Báo cáo

Việt Nam đã thay đổi nhanh chóng trong vòng 25 năm qua. Từ chỗ là một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo trong những năm gần đây. Năm 1993, có gần 60% dân số Việt Nam ở diện nghèo. Theo Báo cáo Phát triển Việt Nam năm 2008 thì tỷ lệ này đã giảm xuống còn 16% vào năm 2006.

Trong giai đoạn 2006-2010, Chính phủ Việt Nam sẽ thực hiện hàng loạt các chính sách cải cách nhằm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển và giúp những hộ gia đình nghèo còn lại thoát nghèo. Việc trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào cuối năm 2006 đánh dấu sự hội nhập đầy đủ của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Bối cảnh đang thay đổi rất nhanh sẽ mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức cho người dân Việt Nam, đặc biệt là nhóm người nghèo ở cả khu vực nông thôn và thành thị.

Trước những thay đổi nhanh chóng và sâu sắc mà Việt Nam sẽ trải qua trong một vài năm tới, một nhóm các tổ chức phi chính phủ quốc tế đã có sáng kiến cùng hợp tác trong việc theo dõi những thay đổi này cũng như tác động của chúng. Các tổ chức phi chính phủ này gồm ActionAid Việt Nam, Oxfam Anh và Oxfam Hồng Kông đã phối hợp với các đối tác địa phương tại những tỉnh và thành phố mà các tổ chức có chương trình hỗ trợ để xây dựng một mạng lưới theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia nhằm mục tiêu:

“Tiến hành theo dõi định kỳ tình trạng nghèo của các nhóm dễ bị tổn thương tại một số cộng đồng dân cư điển hình, trong bối cảnh gia nhập WTO cùng với các chính sách cải cách của Chính phủ đến năm 2010, nhằm cung cấp các phân tích và đề xuất cho thảo luận chính sách cũng như việc thực hiện các chương trình, dự án của Oxfam, ActionAid và các đối tác”.

Mục đích của việc theo dõi lặp lại hàng năm tình trạng nghèo tại một số cộng đồng dân cư điển hình theo phương pháp cùng tham gia là:

- Bổ sung các thông tin nghiên cứu định tính hữu ích cho các số liệu thống kê và điều tra đói nghèo của nhà nước;
- Xây dựng một mạng lưới điểm quan trắc “cảnh báo sớm” về những diễn biến (bất lợi) tại cộng đồng nghèo trong bối cảnh gia nhập WTO;
- Nâng cao năng lực địa phương và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào quá trình theo dõi nghèo phục vụ công tác giảm nghèo một cách hiệu quả và công bằng.

Mạng lưới theo dõi nghèo đô thị được triển khai từ năm 2008 tại thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tổng hợp kết quả theo dõi nghèo đô thị vòng 1 trong năm 2008 đã được ấn hành vào tháng 4 năm 2009⁴.

Bước sang năm 2009, mạng lưới theo dõi nghèo đô thị được mở rộng thêm thành phố Hà Nội. Báo cáo này trình bày kết quả theo dõi nghèo đô thị vòng 2 trong năm 2009 tại thành phố Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát lặp lại hàng năm

Điểm khác biệt của sáng kiến theo dõi nghèo này là khảo sát lặp lại hàng năm. Nhóm nòng cốt

4. Xem Báo cáo “Theo dõi nghèo đô thị theo phương pháp cùng tham gia: Báo cáo tổng hợp năm 2008”, Oxfam và ActionAid Việt Nam, tháng 4/2009

sẽ quay trở lại đúng những địa điểm đã khảo sát từ vòng trước, phỏng vấn lặp lại một số hộ gia đình và doanh nghiệp điển hình Duy trì sự tham gia liên tục qua các năm của các thành viên trong Nhóm nông cốt tại từng thành phố cũng giúp cho việc theo dõi những thay đổi về tình trạng nghèo theo thời gian tại các điểm quan trắc thuận lợi hơn.

Địa điểm khảo sát

Tại mỗi thành phố sẽ chọn một (01) phường hoặc xã mang tính điển hình về tình trạng nghèo của người bản xứ và người nhập cư. Dựa vào quan hệ làm việc sẵn có của AAV với đối tác địa phương, sau khi cân nhắc về thời gian và ngân sách khi mở rộng mạng lưới (thêm thành phố Hà Nội), các địa điểm tiến hành theo dõi nghèo đô thị vòng 2 năm 2009 được lựa chọn như sau:

- Thành phố Hà Nội: theo dõi nghèo được tiến hành tại xã Kim Chung thuộc huyện ngoại thành Đông Anh, nơi tập trung các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu công nghiệp Bắc Thăng Long
- Thành phố Hải Phòng: theo dõi nghèo lặp lại được tiến hành tại phường Lãm Hà thuộc quận ven đô thị hóa Kiến An.
- Thành phố Hồ Chí Minh: theo dõi nghèo lặp lại được tiến hành tại phường 6 thuộc quận ven đô thị hóa Gò Vấp.

Trong mỗi phường hoặc xã, hai (02) tổ dân phố hoặc thôn xóm được lựa chọn để tiến hành theo dõi nghèo. Như vậy, tổng cộng có 3 phường/xã và 6 tổ dân phố/thôn xóm tham gia vào đợt khảo sát nghèo đô thị vòng 2 trong năm 2009.

Mục tiêu của mạng lưới theo dõi nghèo không nhằm đưa ra các số liệu thống kê mang tính đại diện, mà nhằm cung cấp các minh chứng định tính và ý kiến chia sẻ của người dân phục vụ cho thảo luận chính sách và xây dựng các chương trình phát triển. Do vậy, các xã, phường được lựa chọn có mục đích, mang tính điển hình về tình trạng nghèo đô thị, đồng thời thể hiện được sự đa dạng giữa các điểm quan trắc (Xem Bảng 1).

BẢNG 1. Các điểm quan trắc nghèo đô thị năm 2009

Phường/xã	Quận/huyện	Thành phố	Vị trí địa lý	Tổng diện tích đất (ha)	Tổng số hộ gia đình thường trú (hộ)	Tổng số nhân khẩu thường trú (người)	Tổng số nhân khẩu tạm trú (người)	Tỷ lệ hộ nghèo tại thời điểm khảo sát 7/2009 (%)
Kim Chung	Đông Anh	Hà Nội	Ngoại thành	395	2.326	9.526	20.474	5,0
Lãm Hà	Kiến An	Hải Phòng	Ngoại vi đô thị hóa	175	2.698	10.868	1.348	0,66
Phường 6	Gò Vấp	TP.HCM	Ngoại vi đô thị hóa	165	1.951	8.648	13.699	8,5

Nguồn: Phiếu thông tin cấp phường/xã, số liệu đến cuối năm 2008

Một số đặc điểm chính của 6 tổ dân phố/thôn xóm là các điểm quan trắc trong đợt theo dõi nghèo đô thị vòng 2 năm 2009 được nêu ở Bảng 2.

BẢNG 2. Một số đặc điểm của 6 tổ dân phố/thôn xóm tham gia đợt theo dõi nghèo đô thị vòng 2 năm 2009

Thành phố	TP. Hà Nội		TP. Hải Phòng		TP. Hồ Chí Minh	
Quận/Huyện	Đông Anh		Kiến An		Gò Vấp	
Phường/Xã	Kim Chung		Lâm Hà		Phường 6	
Tổ dân phố/Thôn xóm	Thôn Nhuế	Thôn Bấu	Tổ 2	Tổ 30	Tổ 25	Tổ 27
Tổng số hộ gia đình thường trú (hộ)	805	896	70	72	51	60
Tổng số nhân khẩu thường trú	3.256	4.000	280	362	238	278
Tổng số nhân khẩu tạm trú	1.982	11.036	170	133	940	480
Tỷ lệ tăng dân số năm 2008 (%)	0,028	0,05	N/A	3.3	N/A	N/A
Tỷ lệ hộ nghèo cuối 2008 (%)	5.3	2,3	2.8	2.7	1.96	35
Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối 2008 (%)	0.5	0	2.8	4.16	-	-
Tỷ lệ hộ sử dụng nước vòi (%)	0	0	100	100	90	5
Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới (%)	100	100	100	100	100	100
Tỷ lệ hộ có hố xí tự hoại/bán tự hoại (%)	95	100	60	100	100	100
Tỷ lệ hộ sống trong nhà tạm (%)	0	0	0	0	0	0.6
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (%)	16,31	5	N/A	N/A	N/A	0
Tổng số người đang nhận trợ giúp BTXH hàng tháng (theo Nghị định 67/CP)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Trong đó:						
Trẻ em mồ côi	0	0	N/A	N/A	0	0
Người cao tuổi cô đơn	0	0	N/A	N/A	0	0
Người tàn tật	17	4	N/A	4	0	2
Người nhiễm HIV/AIDS	N/A	N/A	N/A	N/A	0	0
Người đơn thân nuôi con còn nhỏ	N/A	N/A	N/A	N/A	0	0
Tỷ lệ trẻ nhập học trong độ tuổi tiểu học (%)	N/A	100	N/A	N/A	100	100
Tỷ lệ trẻ nhập học trong độ tuổi trung học cơ sở (%)	N/A	100	N/A	N/A	95,5	95,5%
Tỷ lệ trẻ nhập học trong độ tuổi trung học phổ thông (%)	N/A	100	4	N/A	80	98
Số hộ đang vay các nguồn vốn ưu đãi (hộ/ tương đương % tổng số hộ)	125 (14%)	205 (0,25%)	N/A	N/A	20 (33%)	N/A

Nguồn: Phiếu thông tin cấp tổ dân phố/thôn xóm, số liệu đến cuối năm 2008
(Chú thích: N/A - không có số liệu)

Nhóm nòng cốt thực hiện theo dõi nghèo

Một nhóm nòng cốt về theo dõi nghèo của từng quận/huyện được thành lập bao gồm 15-20 người:

- Đại diện các đối tác địa phương của chương trình ActionAid trên địa bàn, như Trung tâm Hợp tác và phát triển nguồn nhân lực (C&D) tại TP. Hà Nội, Trung tâm vì người lao động nghèo (CWR) tại TP. Hải Phòng và Ban quản lý chương trình phát triển quận Gò Vấp tại TP. HCM.
- Đại diện một số cơ quan cấp thành phố (riêng tại Hải Phòng) như Sở LĐ&TBXH, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động.
- Đại diện các cơ quan cấp quận/huyện như phòng LĐ&TBXH, phòng NN&PTNT, phòng Tài chính-Kế hoạch, phòng Tài nguyên-Môi trường, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động
- Đại diện từ các phường/xã, tổ dân phố/thôn xóm được lựa chọn tiến hành khảo sát.

Nhóm nòng cốt có trách nhiệm trực tiếp tiến hành các công việc theo dõi tình trạng nghèo tại các điểm quan trắc trên địa bàn mình, từ khâu tổ chức, triển khai thu thập thông tin và viết báo cáo thực địa. Nhóm nòng cốt được tập huấn nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật của Nhóm tư vấn công ty Trường Xuân (Ageless) và cán bộ chương trình Oxfam, ActionAid.

Khung theo dõi nghèo đô thị

Vòng theo dõi nghèo đô thị theo phương pháp cùng tham gia lần thứ hai trong năm 2009 gồm 3 chủ đề chính liên kết với nhau.

Chủ đề 1. Tổng quan về nghèo đô thị: diễn biến nghèo đô thị, tính đa dạng và đa chiều của nghèo đô thị; các thách thức giảm nghèo đô thị; phản hồi của người dân về các chính sách, chương trình dự án. Chủ đề này nhằm cập nhật tình hình chung về nghèo đô thị tại các địa bàn khảo sát thông qua tiếng nói của chính người dân và cán bộ cơ sở, qua đó xác định các vấn đề mới nổi lên liên quan đến nghèo đô thị cần lưu ý, giải quyết trong bối cảnh mới.

Chủ đề 2: Các nhóm xã hội đặc thù, dễ bị tổn thương tại khu vực đô thị: tính dễ bị tổn thương là một đặc trưng chủ đạo của nghèo đô thị, liên quan đến các nhóm xã hội đặc thù, làm việc trong khu vực phi chính thức và công nhân nhập cư. Chủ đề này tìm hiểu về đặc điểm, điều kiện sống, kế sinh nhai, tính dễ bị tổn thương của các nhóm đặc thù tại khu vực đô thị. Chủ đề này nhằm cung cấp một số nghiên cứu trường hợp về các vấn đề xã hội liên quan đến nghèo đang đặt ra cho môi trường đô thị hiện nay.

Chủ đề 3: Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới đến sinh kế và đời sống người nghèo đô thị. Cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới đang diễn ra có tác động sâu sắc đến các doanh nghiệp, đến cơ hội việc làm và thu nhập của công nhân nhập cư, người hành nghề tự do và dân cư địa phương. Chủ đề chuyên sâu này sẽ có báo cáo riêng và sẽ được đánh giá nhanh lặp lại 3 tháng 1 lần từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2010 (kết hợp với theo dõi tác động của khủng hoảng tại 2 tỉnh Nghệ An và Trà Vinh thuộc khu vực nông thôn). Do đó trong báo cáo này, các thông tin liên quan thu được từ chủ đề tác động của khủng hoảng được lồng ghép vào 2 chủ đề trên.

Khảo sát thực địa

Vòng theo dõi nghèo đô thị thứ hai này được diễn ra trong tháng 7/2009. Thời gian khảo sát thực địa theo phương pháp cùng tham gia tại mỗi phường/xã trong 1 tuần. Các công cụ thu thập số liệu chính là:

Thảo luận nhóm: với các thông tin viên chính trong phường/xã, tổ dân phố/thôn xóm và với

người dân nam/nữ, trẻ em nghèo và các nhóm xã hội đặc thù trên địa bàn (công nhân nhập cư, người hành nghề xe ôm, buôn bán nhỏ và người lao động tự do) sử dụng các công cụ PRA như phân loại hộ (phân loại giàu-nghèo), đường thời gian, liệt kê và xếp hạng, sơ đồ phân tích sinh kế, biểu đồ di chuyển, sơ đồ nhân quả (cây nhân quả)[] để hiểu hơn diễn biến đời sống, sinh kế, tiếp cận các dịch vụ công, phản hồi của người dân về các chính sách và chương trình dự án. Đã thực hiện được **47** cuộc thảo luận nhóm với sự tham gia của **266** người dân, công nhân nhập cư và cán bộ cơ sở, trong đó có **127** nam giới và **139** phụ nữ, hầu như tất cả là người Kinh.

Phòng vấn sâu ghi lại câu chuyện điển hình: phỏng vấn sâu một số hộ nghèo, cận nghèo điển hình tại mỗi tổ dân phố/thôn xóm và một số người thuộc nhóm xã hội đặc thù tại mỗi phường/xã để hiểu sâu hơn quan niệm về nghèo, điều kiện sống, tình trạng dễ bị tổn thương, cách chống đỡ vượt qua khó khăn và phản hồi về chính sách. Đã thực hiện được **165** cuộc phỏng vấn sâu, trong đó có **79** người là nam giới, **76** người là nữ giới.

Phiếu phỏng vấn nhóm công nhân nhập cư: sử dụng một bảng hỏi dành riêng cho nhóm công nhân nhập cư làm việc trong các doanh nghiệp, tập trung vào tìm hiểu thông tin về đặc điểm nhân khẩu, điều kiện làm việc và mức sống. Địa điểm phỏng vấn (chọn mẫu theo phương pháp bắt gặp ngẫu nhiên) tại một số khu nhà trọ công nhân trên địa bàn. Do đặc điểm công nhân thường thay đổi nơi làm việc và nơi ở trọ, nên mẫu điều tra 2009 không lặp lại mẫu điều tra năm 2008 (do đó, cần thận trọng khi so sánh giữa số liệu 2008 và số liệu 2009 vì dựa trên 2 mẫu ngẫu nhiên khác nhau trên cùng 1 địa bàn). Đã hoàn thành được 180 phiếu phỏng vấn công nhân nhập cư tại Hà Nội, Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM). Trong số **180** người trả lời phiếu phỏng vấn có **64** người là nam giới, **116** người là nữ giới.

Phiếu thông tin: ghi lại các thông tin cơ bản tại thời điểm khảo sát của phường/xã và tổ dân phố/thôn xóm tiến hành khảo sát. Quan sát trực tiếp và chụp ảnh là công cụ cung cấp các thông tin bổ sung.

Phòng vấn doanh nghiệp và các tác nhân thị trường: đã thực hiện **13** cuộc phỏng vấn với đại diện các doanh nghiệp trên địa bàn (chủ yếu trong lĩnh vực giày da và may mặc tại Hải Phòng và TP.HCM), và 7 cuộc phỏng vấn các tác nhân thị trường khác liên quan đến đời sống và sinh kế của người dân và công nhân nhập cư (quầy buôn bán/cửa hàng/đại lý kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, tạp hóa, vật tư nông nghiệp, chủ nhà trọ...).

Phòng vấn cán bộ: Ngoài các công cụ trên đây, chuyển khảo sát còn thực hiện **21** cuộc phỏng vấn cán bộ các ban ngành cấp quận/huyện.

Báo cáo nghèo đô thị vòng 2 này tổng hợp các kết quả khảo sát tại các điểm quan trắc trong tháng 7 năm 2009, nhấn mạnh vào những thay đổi nhận biết được trong vòng 12 tháng qua về tình trạng nghèo đô thị trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đang diễn ra. Bên cạnh việc phân tích sâu thêm một số vấn đề trọng tâm, báo cáo này vẫn nêu lại vắn tắt những khía cạnh cơ bản của diễn biến nghèo và những nhóm đặc thù dễ bị tổn thương để đảm bảo đây là một báo cáo độc lập về nghèo đô thị.

PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ NGHÈO ĐÔ THỊ

1.1 DIỄN BIẾN NGHÈO ĐÔ THỊ

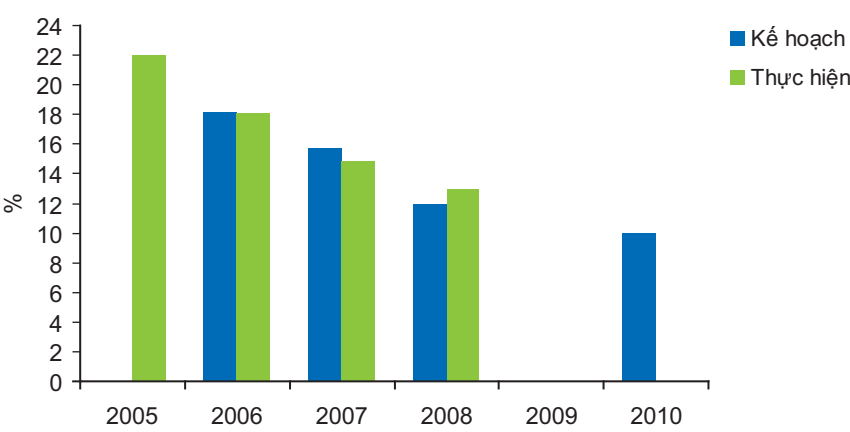
1.1.1 Nghèo giảm chậm do tác động của các rủi ro và cú sốc

Xu hướng chung là tỷ lệ nghèo giảm chậm lại do các rủi ro và cú sốc

Tỷ lệ hộ nghèo trong phạm vi cả nước theo chuẩn nghèo của Chính phủ tiếp tục giảm nhưng với tốc độ chậm dần. Hình 1 cho thấy trong 2 năm đầu 2006-2007 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo (NTP-PR) giai đoạn 2006-2010, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm là 3.6%. Đến cuối năm 2008 tỷ lệ hộ nghèo trên cả nước còn 13%, chỉ giảm 1.8% so với cuối năm 2007⁵.

Nghèo giảm chậm, thậm chí tăng lên tại một số nơi có nhiều nguyên nhân cùng tác động, nhưng chủ yếu do các cú sốc về giá cả bất lợi, thiên tai và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới. Người nghèo ở khu vực đô thị càng chịu ảnh hưởng bất lợi của việc làm bấp bênh, thu nhập thấp, trong khi giá cả lương thực, thực phẩm và các chi tiêu thiết yếu khác vẫn ở mức cao.

HÌNH 1. Diễn biến nghèo trên cả nước theo chuẩn nghèo của Chính phủ



NGUỒN: Báo cáo đánh giá giữa kỳ CTMTQG giảm nghèo, Bộ LĐ-TBXH, 2009

1.1.2 Tỷ lệ hộ nghèo tại các điểm quan trắc tăng đột biến trong năm 2009 do tăng chuẩn nghèo

TP.Hà Nội và TP.HCM tăng chuẩn nghèo, dẫn đến tăng đột biến tỷ lệ nghèo trong năm 2009

Báo cáo theo dõi nghèo đô thị năm 2008 đã đề nghị tăng chuẩn nghèo cho phù hợp với mức lạm phát và chi phí cuộc sống đắt đỏ ở các thành phố. Thực tế tại Hà Nội và TP.HCM, tỷ lệ hộ

5. Tại thời điểm tháng 10/2009, Tổng cục Thống kê (TCTK) vẫn chưa công bố kết quả VHLSS 2008, do đó chưa có số liệu nghèo phân tách nông thôn - thành thị cập nhật cho năm 2008 (theo chuẩn nghèo chi tiêu của TCTK). Số liệu nghèo nông thôn - thành thị của TCTK đến năm 2006 đã được nêu trong Báo cáo nghèo đô thị vòng 1. Số liệu của Bộ LĐ-TBXH (theo chuẩn nghèo quốc gia) có cập nhật tỷ lệ nghèo toàn quốc ở thời điểm cuối năm 2008, nhưng không có số liệu phân tách nông thôn - thành thị. Hơn nữa, do mỗi tỉnh, thành phố có thể áp dụng chuẩn nghèo riêng của mình (không thấp hơn chuẩn nghèo chung của quốc gia).

nghèo đã tăng đột biến ở thời điểm giữa năm 2009 do các địa phương này đã quyết định tăng chuẩn nghèo riêng của mình.

Bảng 3 cho thấy, khi thành phố Hà Nội tăng chuẩn nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của xã Kim Chung đã tăng từ 1,7% lên 5%. Tương tự, khi thành phố Hồ Chí Minh tăng chuẩn nghèo lên gấp đôi, tỷ lệ hộ nghèo của Phường 6 đã tăng từ 0% lên 8,5% (theo chuẩn nghèo cũ thì đến cuối năm 2008, tại Phường 6 không còn hộ nghèo nào). Riêng thành phố Hải Phòng vẫn áp dụng chuẩn nghèo chung của Chính phủ, nên tỷ lệ nghèo của Phường Lãm Hà còn rất thấp là 0,68% và rất khó giảm thêm, nhưng Hải Phòng cũng đang dự kiến xây dựng chuẩn nghèo riêng của mình cao hơn chuẩn nghèo chung từ năm 2010.

BẢNG 3. Tỷ lệ hộ nghèo tại các điểm quan trắc, giai đoạn 2005-2008

	Quận/ huyện	Thành phố	Vị trí địa lý	Tỷ lệ hộ nghèo theo điều tra cuối năm theo chuẩn nghèo cũ (%)				Theo chuẩn nghèo mới
				2005	2006	2007	2008	7/2009
Xã Kim Chung	Đông Anh	Hà Nội	Ngoại thành	-	6,6	3,8	1,7	5,0
Phường Lãm Hà	Kiến An	Hải Phòng	Ngoại vi đô thị hóa	-	1,54	0,93	0,68	-
Phường 6	Gò Vấp	TP.HCM	Ngoại vi đô thị hóa	3,6	2,2	1,26	0	8,5

Nguồn: Số liệu rà soát hộ nghèo 2005-2009 tại các điểm quan trắc

Ghi chú:

- Chuẩn nghèo của TP. Hà Nội áp dụng cho giai đoạn 2005-2008 là thu nhập đầu người dưới 350.000 đồng/tháng ở khu vực thành thị và dưới 270.000 đồng/tháng ở khu vực nông thôn (theo Quyết định số 6673/QĐ-UB ngày 28/9/2005 của UBND thành phố Hà Nội). Chuẩn nghèo mới của TP. Hà Nội áp dụng từ giữa năm 2009 là thu nhập đầu người dưới 500.000 đồng/tháng ở khu vực thành thị và dưới 330.000 đồng/tháng ở khu vực nông thôn (theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 7/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội)
- Chuẩn nghèo hiện hành của TP. Hải Phòng vẫn theo chuẩn nghèo chung của Chính phủ giai đoạn 2006-2010 là thu nhập đầu người dưới 260.000 đồng/tháng ở khu vực thành thị và dưới 200.000 đồng/tháng ở khu vực nông thôn. Sở LĐ-TBXH đang chỉ đạo các quận huyện rà soát thu nhập theo 4 mức dự kiến: nghèo theo chuẩn hiện hành (260.000 đồng thành thị, 200.000 đồng nông thôn), cận nghèo 1 (390.000 đồng, 300.000 đồng), cận nghèo 2 (500.000 đồng, 400.000 đồng), cận nghèo 3 (650.000 đồng, 500.000 đồng), sẽ trình HĐND thành phố trong Quý 4/2009 về phương án nâng chuẩn nghèo của thành phố Hải Phòng.
- Chuẩn nghèo của TP. Hồ Chí Minh áp dụng cho giai đoạn 2005-2008 là thu nhập đầu người dưới 500.000 đồng/tháng. Chuẩn nghèo mới của TP. Hồ Chí Minh áp dụng từ đầu năm 2009 là thu nhập đầu người dưới 1.000.000 đồng/tháng ở khu vực thành thị và dưới 833.000 đồng/tháng ở khu vực nông thôn.
- Bộ LĐ-TBXH đang đề xuất chuẩn nghèo mới giai đoạn 2010-2015 là thu nhập bình quân đầu người dưới 450.000 đồng/tháng ở khu vực thành thị và dưới 350.000 đồng/tháng ở khu vực nông thôn, cao gần gấp đôi mức hiện hành (260.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị và 200.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn). Đáng lưu ý, Bộ LĐ-TBXH cũng đề xuất Chính phủ xem xét điều chỉnh chuẩn nghèo khi mức lạm phát trong năm vượt quá 10%.

Trong bối cảnh chi phí sinh hoạt đắt đỏ ở các đô thị, tăng chuẩn nghèo giúp nhận diện chính xác hơn tình trạng nghèo - hiểu theo nghĩa các chi phí cho nhu cầu tối thiểu về lương thực-thực phẩm và phi lương thực-thực phẩm, và cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc rà soát

Tăng chuẩn nghèo phù hợp với chi phí cuộc sống tối thiểu tăng, và tạo thuận lợi cho việc bình xét nghèo ở địa phương

Tăng chuẩn nghèo đúng vào thời điểm diễn ra khủng hoảng tài chính, càng dẫn đến tỷ lệ nghèo tăng cao

nghèo hàng năm ở từng địa phương.. Chi phí sinh hoạt ở Hải Phòng đắt đỏ không kém gì Hà Nội, nên chuẩn nghèo quá thấp của Hải Phòng không phản ánh được thực tế của tình trạng nghèo tại đây. Cũng cần lưu ý, do mỗi địa phương có thể đặt ra chuẩn nghèo riêng của mình, nên việc so sánh tỷ lệ nghèo giữa các thành phố với nhau không có ý nghĩa. Ví dụ, phường Lãm Hà ở TP. Hải Phòng có tỷ lệ nghèo là 0,68%, điều này không có nghĩa là phường Lãm Hà có đời sống cao hơn so với Phường 6 ở TP.HCM có tỷ lệ nghèo là 8,5%.

Tăng chuẩn nghèo là một quyết định hành chính, giúp cho những hộ trước đây có thu nhập chỉ trên ngưỡng nghèo một chút nay được xếp vào diện hộ nghèo để được hưởng các chính sách hỗ trợ dành cho hộ nghèo. Khái niệm "hộ nghèo" đã thay đổi khi tăng chuẩn nghèo; tuy nhiên đời sống của từng người nghèo cụ thể có được cải thiện thực sự hay không là một vấn đề khác. Nâng chuẩn nghèo trong năm 2009 rơi đúng vào thời điểm việc làm và thu nhập của dân cư đô thị bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới (tiếp theo tác động của giá cả bất lợi trong năm 2008), càng dẫn đến tỷ lệ nghèo tăng cao.

1.2 HAI NHÓM NGHÈO ĐÔ THỊ: NGƯỜI NGHÈO BẢN XỨ VÀ NGƯỜI NGHÈO NHẬP CƯ

Các số liệu nghèo đô thị vẫn chưa tính tới người nhập cư, dù đã có một số chính sách cởi mở hơn

Như báo cáo nghèo đô thị năm 2008 đã nêu, các số liệu điều tra nghèo đô thị nêu tại Bảng 3 cho đến nay thường không tính đến những người nhập cư, mặc dù về nguyên tắc các địa phương (ví dụ như TP.HCM) cho phép bình xét những người nghèo tạm trú dài hạn vào diện nghèo tại địa phương. Các mục sau của Phần 1 này sẽ trình bày những vấn đề chung liên quan về giảm nghèo đối với cả 2 nhóm nghèo bản xứ và nghèo nhập cư. Cập nhật thông tin cụ thể trong năm 2009 về đặc điểm, điều kiện sống và làm việc, tính dễ bị tổn thương của một số nhóm xã hội dễ bị tổn thương điển hình tại khu vực đô thị (công nhân nhập cư, người buôn bán nhỏ, chạy xe ôm, xích lô) trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới được nêu tại Phần 2 của báo cáo này.

1.2.1 Người nghèo bản xứ

Đặc điểm của nhóm nghèo nhất trong năm 2009 không thay đổi so với năm 2008

Kết quả khảo sát năm 2009 cho thấy đặc điểm của nhóm nghèo nhất ("nghèo lõi") trong các cộng đồng dân cư đô thị không có gì khác so với năm 2008. Nhóm nghèo nhất người bản xứ vẫn là những người gặp những khó khăn đặc thù như già cả, tàn tật, ốm đau lâu ngày sống nhờ người thân, phụ nữ đơn thân, đồng con còn nhỏ, học vấn và tay nghề thấp, chủ yếu làm nghề tự do như xe ôm, xích lô, phụ hồ, buôn bán nhỏ, làm thuê lao động phổ thông việc làm bấp bênh, thu nhập không ổn định. Đa số hộ nghèo bản xứ vẫn có các tài sản lâu bền như tivi, xe máy dù giá trị thấp, không gặp phải tình trạng thiếu ăn. Nhiều hộ nghèo đô thị vẫn cố lo cho con cái ăn học, kể cả học đại học và cao đẳng nên càng khó khăn.

Trẻ em có cái nhìn chân thực, sinh động về nghèo

Nhóm trẻ em từ 10-15 tuổi tại các điểm quan trắc trong đợt khảo sát năm 2009 cũng nhận xét đặc điểm của người nghèo không có nhiều khác biệt so với năm 2008. Khi được hỏi "nhà nghèo trong xóm là như thế nào?" hoặc "nhà nghèo khác nhà giàu như thế nào?", các em thường đưa ra các nhận xét sinh động. chân thực về người nghèo liên quan đến thu nhập, tài sản, nhà cửa, bữa ăn và đặc biệt là những khó khăn về việc con em đi học. (Bảng 4).

BẢNG 4. Nhận thức của trẻ em về người nghèo tại địa phương

Nhóm trẻ em ở xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội)	Nhóm trẻ em ở phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng)	Nhóm trẻ em ở Phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM)
- Nhà nghèo không có nhà cho thuê - Nhà nghèo không được ăn ngon mặc đẹp - Nhà nghèo ở nhà lụp xụp - Con nhà nghèo không có tiền nên không đi học thêm - Nhà nghèo không có xe máy, không có đồ đạc nhiều tiền - Con nhà nghèo phải làm việc - Bố mẹ làm xe ôm, bán hàng rong, phải trồng rau để bán cho công nhân lấy tiền.	- Nhà nghèo không có vật dụng - Con nhà nghèo không được đi học, không có tiền đóng học nên phải đóng mượn, bị các bạn chê cười - Nhà nghèo có lúc mưa to, nhà nghèo bị lụt, xây thấp nên bị ô nhiễm - Con nhà nghèo không có xe đạp để đi học toàn đi mượn - Nhà nghèo không được ăn ngon, mặc đẹp, không đủ tiền chữa bệnh. - Nhà nghèo điện kém và chập chờn	- Con nhà nghèo học ít hơn, ăn thì phải khiêm tốn, hạn chế hơn - Nhà nghèo không có đủ tiền để tiêu sài - Nhà nghèo không có tiền cho con ăn sáng ở bên ngoài - Con nhà nghèo thường được học ít hơn, thời gian học ở nhà cũng bị hạn chế. - Con nhà nghèo ít được ba mẹ quan tâm, môi trường ở không sạch sẽ thoải mái - Nhà nghèo không có đủ tiện nghi, thiếu thốn thức ăn, không có điều kiện cho con cái đi học đầy đủ.

Nguồn: Thảo luận nhóm trẻ em tại các điểm quan trắc, tháng 7/2009

Nhóm nghèo nhất thường có khó khăn đặc thù, như già yếu, phụ nữ đơn thân, có người khuyết tật

Những khó khăn đặc thù của nhóm nghèo nhất khiến cho đời sống của họ không có nhiều cải thiện trong năm qua. Tình trạng này thể hiện rõ tại các điểm quan trắc, nhất là tại Hải Phòng – nơi vẫn đang áp dụng chuẩn nghèo chung đã lạc hậu trong bối cảnh lạm phát (do đó có tỷ lệ nghèo rất thấp). Tại phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng), cả phường còn 19 hộ thuộc diện nghèo thì trong đó có 12/19 hộ là phụ nữ đơn thân, 9/19 hộ có người khuyết tật và 8/19 hộ có người già yếu. Lãnh đạo phường Lãm Hà nhận xét "với 19 hộ nghèo hiện nay của phường, có vay vốn cũng không biết làm gì... chỉ khi nào con cái họ lớn lên đi làm thì mới thoát nghèo, hoặc có người già cả ốm đau thì khi người đó chết đi". Toàn phường Lãm Hà có 18 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 0.6% tổng số hộ trong phường), cũng là những hộ khó khăn, như làm nghề xích lô, phụ hồ, buôn bán nhỏ và đông con còn nhỏ.

Tăng chuẩn nghèo khiến nhiều người thu nhập thấp rơi xuống nghèo

Tại TP.HCM, do năm 2009 tăng chuẩn nghèo gấp đôi so với chuẩn cũ, nên bên cạnh một số rất ít hộ nghèo cũ gặp khó khăn đặc thù đã có thêm một số lượng đáng kể những hộ nghèo mới là những hộ có thu nhập thấp làm nghề buôn bán nhỏ, phụ hồ, xe ôm, và bao gồm cả những người về hưu, mất sức, thương binh, làm nghề công chức không có thu nhập gì khác nhưng đông người ăn theo. Nhóm cán bộ Phường 6 chia sẻ "Có những người được hưởng chế độ chính sách như thương binh, nuôi một mình thì được nhưng nuôi con, cháu, vợ thì khó khăn. Số này chiếm khoảng 2-3%. Cả phường thì giáo viên có mấy hộ, công an có 2 hộ, cựu chiến binh có 4 hộ rơi vào hộ nghèo". Hộ nghèo đô thị thường tập trung trong các hẻm sâu, địa bàn tách biệt, sở hữu đất đai bấp bênh, việc làm thu nhập không ổn định. Điển hình về địa bàn tập trung đông hộ nghèo tại Gò Vấp là tổ dân phố 27, Phường 6 (xem Hộp 1).

HỘP 1: “Xóm chùa” tại Phường 6 - nơi tập trung đông người nghèo

Đầu năm 2007, khi Phường 6 (quận Gò Vấp, TP.HCM) được tách ra từ Phường 17 thì 30 hộ thường trú tổ 161 và 30 hộ thường trú tổ 162 (cũ) cũng được sát nhập lại thành tổ 27 (mới). Lúc đó tổ 27 có 7 hộ nghèo theo chuẩn nghèo cũ (thu nhập dưới 6 triệu/người/năm). Năm 2008 nhờ được vay vốn từ Quỹ giảm nghèo cả 7 hộ này đã thoát nghèo. Bước sang năm 2009 khi TP.HCM áp dụng chuẩn nghèo mới (thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm), tổ 27 trở thành địa bàn có tỷ lệ nghèo cao nhất Phường 6 với 21 hộ nghèo, (chiếm 35% số hộ trong tổ), trong đó có 13 hộ có thu nhập ở mức dưới 8 triệu đồng/người/năm và 8 hộ ở mức 8-12 triệu đồng/người/năm. Cả 7 hộ đã thoát nghèo theo chuẩn cũ nay lại trở thành hộ nghèo theo chuẩn mới ở mức dưới 8 triệu đồng/người/năm.

Tất cả 21 hộ nghèo này đều tập trung tại tổ 162 (cũ). Vùng đất này trước giải phóng là căn cứ quân sự, sau giải phóng được bán sang tay giá rẻ cho những người nghèo từ nơi khác đến hoặc những người địa phương nhà nghèo nhưng bố mẹ không có đất. Trước năm 1990, chỉ mất 1-2 chỉ vàng người nghèo cũng mua được hàng trăm m2 đất tại đây. Một phần diện tích đất của tổ 27 được giao cho chùa Phổ Chiếu. Từ nhiều năm trước, nhà sư trụ trì đã cho 5-6 hộ nghèo không có đất được ở nhờ đất của chùa, lâu dần cũng chuyển thành đất ở lâu dài của dân. Cho nên, vùng đất tổ 27 này tập trung hầu hết những người nghèo từ bao năm nay, và người dân gọi là “Xóm Chùa”.

Cơ sở hạ tầng của “Xóm Chùa” còn nhiều khó khăn. Vẫn còn một đoạn đường đất đi vào tổ, thường lầy lội vào mùa mưa. Hầu hết hộ gia đình dùng nước giếng khoan do không có tiền dùng nước máy. Vào mùa mưa, có 2-3 hộ đất trũng, gần sông nên nước thủy triều ở sông dâng lên ngập vào tận nhà. Hiện có khoảng 2/3 số hộ có giấy tờ đất đai hợp lệ và có giấy sang tay, tuy nhiên mới có khoảng 1/3 số hộ có sổ đỏ.

Trong số 21 hộ nghèo của “Xóm Chùa”, có 3 hộ làm xe ôm, 3 hộ trồng rau muống tại Công viên xanh, 1 hộ có người già cả, 5 hộ bán nước mía, hủ tiếu tại cổng công viên, và còn lại là đi làm phu hồ, làm thuê, xe ôm. Do trình độ thấp và thiếu tay nghề, hầu hết các hộ nghèo đều có công việc không ổn định, thu nhập bấp bênh. Đợt khủng hoảng tài chính thế giới vừa qua, nhóm người bán hàng rong, chạy xe ôm cũng bị ảnh hưởng bởi lượng khách hàng công nhân giảm bớt, tiêu thụ của người dân khựng lại, thu nhập nhiều hôm chỉ được 30.000-50.000 ngàn đồng/ngày. Nhóm đi làm phu hồ, làm thuê bốc vác mỗi ngày kiếm được 70.000-80.000 đồng nhưng công việc không đều, và còn phụ thuộc vào thời tiết. Những hộ trồng rau muống trong công viên cũng khó khăn, lúc trời mưa rau muống bị lụt thối hết do nước sông Vàm Thuật dâng lên. Đó là chưa kể khi Công viên xanh tiếp tục được xây dựng thì những hộ trồng rau này cũng có nguy cơ thất nghiệp.

Nhà của những hộ nghèo tại đây lụp xụp, đa số là mái tôn, vách tre hoặc gạch xây tạm bợ không trát vách. Diện tích ngôi nhà nhiều nhất là 30-40m2, thậm chí có nhà chỉ hơn 10 m2. Hộ khó khăn trong nhà đồ đạc chẳng có gì nhiều ngoài xoong chảo và quần áo.

Đời sống của các hộ rất khó khăn do thu nhập thấp, con cái còn nhỏ đang đi học. Những năm trước kia trẻ em trong các gia đình nghèo thường chỉ đi học đến hết cấp 1 hoặc cấp 2. Năm 2008, phường và tổ dân phố 27 có quan tâm đến các cháu như cấp học bổng, giúp đỡ các cháu đi học nên đã hạn chế được tình trạng bỏ học sớm, 100% trẻ đến tuổi lớp 1 đã đến trường.

**TP.HCM chia hộ
nghèo thành 2
nhóm để có chính
sách hỗ trợ phù hợp**

TP.HCM không chia thành một nhóm cận nghèo riêng, mà trong nhóm hộ nghèo chia làm 2 mức: mức thu nhập dưới 8 triệu đồng/năm và mức thu nhập từ 8-12 triệu đồng/năm. Tại phường 6, trong số 287 hộ nghèo có thu nhập dưới 12 triệu đồng/năm, có 213 hộ nghèo thu nhập dưới 8 triệu đồng/năm, và 74 hộ nghèo có thu nhập từ 8-12 triệu đồng/năm. Về thực chất 74 hộ nghèo có thu nhập trong mức 8-12 triệu đồng/năm này (chiếm tỷ lệ 2.2% tổng số

Một số người bị thu hồi đất không có điều kiện chuyển đổi sinh kế rơi xuống nghèo

hộ của phường) được hưởng một số chính sách ưu đãi như hộ cận nghèo - xem tiểu mục Bảo trợ xã hội trong mục 1.3 dưới đây.

Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội) là trường hợp điển hình của một xã ngoại thành đang chuyển đổi do tác động của công nghiệp hóa, có một số lượng lớn người dân bị thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng khu công nghiệp và công trình hạ tầng. Đa số người dân được nhận tiền đền bù đã đầu tư vào nhà trọ cho công nhân nhập cư thuê, một số chuyển sang kinh doanh buôn bán nhỏ. Tiền cho thuê nhà trọ là nguồn thu nhập chủ yếu của các hộ khá và hộ trung bình trong xã. Trong tổng số 117 hộ nghèo còn lại của xã hầu hết là những hộ có khó khăn đặc thù, thiếu đất hoặc thiếu vốn để xây nhà trọ. Toàn xã cũng chỉ có 4 hộ trong danh sách hộ cận nghèo, là những hộ tại thôn Nhuế xa trung tâm vẫn thuần làm nông nghiệp và đông người ăn theo. (xem Hộp 2).

HỘP 2: Cho thuê nhà trọ và làm dịch vụ tại xã Kim Chung

Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội) nằm cạnh đường cao tốc Nội Bài là một trường hợp điển hình của một xã chuyển đổi từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại-dịch vụ. Toàn xã có gần 170 ha đất nông nghiệp đã bị thu hồi để xây dựng Khu công nghiệp và các công trình hạ tầng, chiếm hơn 40% tổng diện tích đất nông nghiệp của xã. Người dân sử dụng tiền đền bù đất nông nghiệp để xây phòng trọ cho thuê như một nguồn sinh kế thay thế. Các dịch vụ buôn bán nhỏ phục vụ công nhân nhập cư cũng phát triển mạnh.

Phong trào xây phòng trọ phát triển mạnh từ năm 2005, khi KCN Thăng Long mở rộng và ngày càng có nhiều công nhân nhập cư. Hiện xã có trên 20.000 người tạm trú (gấp đôi so với số người thường trú của xã), trong đó đến ba phần tư là công nhân nữ. Toàn xã hiện có khoảng 10.000 phòng trọ. Thôn Bàu là thôn trung tâm của xã, trong tổng số 876 hộ thì có trên 90% hộ có phòng trọ cho thuê và gần 30% hộ có người buôn bán nhỏ, tạp phẩm. Thôn Nhuế xa trung tâm còn giữ được nhiều đất nông nghiệp nhất trong xã cũng có khoảng 25% hộ có phòng trọ cho thuê.

Giá thuê phòng trọ trung bình 300.000 đồng/tháng đối với 1 phòng rộng khoảng 16m², thường được 3-4 công nhân chung nhau thuê. Khoảng 10% số phòng trọ có giá cao hơn, từ 450-500.000 đồng/tháng được thuê để ở theo từng gia đình. Nếu tính bình quân 1 người chi phí 150.000 đồng/tháng tiền thuê nhà trọ, thì người dân xã Kim Chung đã có doanh thu tổng cộng 3 tỷ đồng/tháng từ tiền thuê nhà trọ của 20.000 người. Thu nhập của đa số người dân tăng lên nhiều kể từ khi chuyển đổi. Hầu hết những hộ có 3-4 phòng trọ trở lên đều có đời sống từ trung bình đến khá.

Còn lại 117 hộ nghèo trong tổng số hơn 2300 hộ toàn xã là những hộ có khó khăn đặc thù (có 65/117 hộ nghèo đang nhận trợ cấp bảo trợ xã hội theo Nghị định 67/CP), không có phòng trọ cho thuê, vẫn làm nông nghiệp hoặc buôn bán nhỏ, mò cua bắt ốc, làm thuê thu nhập bấp bênh.

Khoảng cách giàu nghèo tại các khu vực đô thị tiếp tục đoãng ra

Khảo sát trong năm 2009 cho thấy khoảng cách giàu nghèo tại các khu vực đô thị tiếp tục đoãng ra. Như tại xã Kim Chung, có sự tương phản ngày càng rõ giữa hộ khá giả có một vài chục phòng trọ cho thuê với hộ nghèo gặp khó khăn đặc thù như bệnh tật, neo đơn, không có phòng trọ cho thuê. Lãnh đạo xã Kim Chung nhận xét "ở đây đã nghèo là nghèo hẳn" và "phân biệt giàu nghèo quá lớn cũng là lo lắng của địa phương, có người thu 5 triệu đồng/tháng từ tiền nhà trọ, có người lao động tự do được 50.000 đồng/ngày bấp bênh".

1.2.2 Người nghèo nhập cư

*TP.HCM đã xét
nghèo cho những
người tạm trú có
nhà ở ổn định*

Người nhập cư dưới dạng tạm trú thường không được xét đến trong rà soát nghèo hàng năm tại các địa bàn đô thị. Tuy nhiên, đợt rà soát nghèo theo chuẩn mới tại thành phố Hồ Chí Minh đầu năm 2009 đã tính đến một số người tạm trú dài hạn, có nhà ở ổn định để đưa vào danh sách nghèo chính thức của thành phố ("nghèo có mã số"). Trong tổng số 287 hộ nghèo mới tại Phường 6 có khoảng 30 hộ là người tạm trú dài hạn. Lãnh đạo Phường 6 nhận xét về việc bình xét nghèo cho người nhập cư "*phải có nhà cửa ổn định, nếu thuê thì là ở nhà họ hàng ổn định có tổ dân phố xác nhận. Cách làm có thoáng hơn, các năm trước không xét*". Riêng tại các điểm khảo sát ở Hà Nội và Hải Phòng vẫn chưa đưa người tạm trú dài hạn vào bình xét danh sách nghèo tại địa phương.

*Các dòng di chuyển
lao động khá đa
dạng nhưng có tính
lựa chọn*

Các dòng di chuyển lao động khá đa dạng nhưng vẫn có tính lựa chọn. Mỗi địa bàn khảo sát thường tập trung những nhóm nhập cư có nguồn gốc khác nhau (do tập tính di chuyển theo nhóm, dựa vào quan hệ xã hội phi chính thức). Tại Đông Anh hầu hết là công nhân nhập cư từ các tỉnh phía Bắc và miền Trung từ Nghệ An đổ ra. Tại Gò Vấp chủ yếu là người nhập cư từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Trung từ Thanh Hóa đổ vào. Tính đa dạng về xuất xứ của lao động nhập cư tại Gò Vấp cũng lớn hơn so với Đông Anh. Có thể dễ dàng gặp lao động từ Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Nam Định, hay Hà Nam tại Gò Vấp, trong khi hầu như không thấy lao động nào từ vùng Tây Nguyên hay các tỉnh phía Nam tại Đông Anh. Riêng người nhập cư ở Hải Phòng lại được hiểu theo nghĩa 'di cư nội bộ', nghĩa là điểm đến là các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp ở nội thành, và điểm đi chủ yếu là các huyện ven đô và một phần từ một vài tỉnh lân cận.

*Tình trạng nghèo
của người nhập cư
trầm trọng hơn khi
nhìn dưới góc độ
"hòa nhập xã hội"*

Kết quả khảo sát năm 2009 cho thấy một người nhập cư dù là công nhân xí nghiệp hay người làm nghề tự do cũng có thu nhập tối thiểu bình quân hàng tháng từ 1,5 đến 2 triệu đồng – vượt xa so với chuẩn nghèo hiện nay. Tuy nhiên, sau khi đã trừ các chi phí thuê nhà trọ, điện nước, tiền gửi về gia đình thì nhiều người nhập cư chỉ còn ngân sách chi tiêu rất tằn tiện cho lương thực, thực phẩm và các khoản thiết yếu khác. Hơn nữa, tình trạng nghèo của người nhập cư trầm trọng hơn khi nhìn dưới góc độ "hòa nhập xã hội" (bất lợi, thiệt thòi trong các mối quan hệ xã hội) so với góc độ nghèo về "thu nhập" hoặc "chi tiêu".

*Trong số công nhân
nhập cư có những
nhóm khó khăn hơn*

Khảo sát tại xã Kim Chung nơi tập trung rất đông công nhân nhập cư cho thấy, ngay trong nhóm công nhân nhập cư cũng có sự phân hóa, có những nhóm khó khăn hơn và có những nhóm thuận lợi hơn. Sự phân tầng trong công nhân nhập cư thể hiện rõ nhất ở 5 nhóm khó khăn sau đây.

*... gồm những người
có con nhỏ*

Thứ nhất là nhóm công nhân có gia đình có con nhỏ. Trong số 20.000 người tạm trú ở xã Kim Chung có khoảng 800 gia đình là công nhân nhập cư có con nhỏ. Nhóm này phải thuê nhà trọ riêng chi phí cao hơn so với thuê chung phòng với các công nhân khác. Họ phải đưa bố mẹ hoặc người thân từ quê lên trông con giúp trong lúc đi làm. Một số phải gửi con cho những người giữ trẻ theo hình thức "nhóm trẻ gia đình". Tiền lương của 2 vợ chồng làm công nhân lại phải chi phí cho con cái, người thân lên trông con và giúp việc nhà nên đời sống rất khó khăn. Số phụ nữ nhập cư có con mà không có chồng còn khó khăn hơn.

*... có gia đình ở quê
nghèo*

Thứ hai là nhóm công nhân có gia đình ở quê thuộc diện nghèo. Người đi làm ăn xa phải tiết kiệm chi tiêu tối đa, chấp nhận ăn uống và sinh hoạt kham khổ để có tiền tiết kiệm và gửi về cho gia đình trang trải các chi phí cuộc sống, cho con em ăn học ở quê.

*... làm nghề tự do
khi bị mất việc làm
trong doanh nghiệp*

Thứ ba là nhóm công nhân bị mất việc làm trong các doanh nghiệp (do khủng hoảng tài chính thế giới và các lý do cá nhân khác), vẫn trụ lại thành phố để làm các công việc bên ngoài như phụ giúp nhà hàng hoặc buôn bán rong. Tuy nhiên nghề buôn bán rong cũng khó cạnh tranh với cư dân bản địa. Nhóm này vẫn chờ cơ hội để xin việc làm trong các doanh nghiệp hy vọng có thu nhập cao hơn.

... vừa học vừa làm

Thứ tư là nhóm công nhân vừa học vừa làm. Ban ngày họ đi làm ở doanh nghiệp, đến tối theo học các trường học nghề, trung cấp, cao đẳng với hy vọng sau khi tốt nghiệp sẽ kiếm được

chỗ làm tốt hơn. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới trong năm 2009, số công nhân vừa học vừa làm có xu hướng tăng lên. Nhóm này vừa phải lo chi phí cuộc sống vừa phải trang trải các chi phí học tập (nhiều khi phải xin thêm tiền của bố mẹ ở quê), thời gian nghỉ ngơi rất hạn chế.

Thứ năm là một số ít công nhân luôn chi tiêu quá mức không có kế hoạch, hoặc vướng vào tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè nên đời sống luôn gặp khó khăn.

... hoặc chi tiêu quá mức, vướng vào tệ nạn xã hội

1.3 CÁC THÁCH THỨC GIẢM NGHÈO ĐÔ THỊ

Báo cáo năm 2008 đã nêu những thách thức về cơ sở hạ tầng yếu kém tại những nơi tập trung đông người nghèo, những khó khăn đặc thù của người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư trong tiếp cận các dịch vụ xã hội và các chính sách hỗ trợ, và những thách thức về quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo. Báo cáo năm 2009 này sẽ cập nhật những vấn đề trên tại các điểm quan trắc, đồng thời phân tích sâu thêm những bất lợi, hạn chế của người nghèo trong tiếp cận dịch vụ công và các chính sách bảo trợ xã hội.

1.3.1 Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng tại những tập trung người nghèo đã cải thiện đáng kể

... nhờ được đầu tư các công trình đường giao thông, đường điện

Các chương trình, dự án đầu tư của Nhà nước được hoàn thành trong năm 2009 đã giúp cải thiện đáng kể điều kiện cơ sở hạ tầng tại các điểm quan trắc ở vùng ven đô thị hóa - những nơi tập trung đông người nghèo, gồm cả người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu tối thiểu của người dân về các mặt cơ sở hạ tầng thì vẫn cần nhiều sự đầu tư đồng bộ hơn nữa.

Điển hình như tổ dân phố 30 tại phường Lãm Hà đã có bước nhảy vọt đáng ngạc nhiên về cải thiện đường giao thông và cấp điện chỉ sau 1 năm. Nếu như năm 2008 ổ cụm nghèo này được mệnh danh là "xóm đảo", đường sá lầy lội và điện giá cao chất lượng thấp, thì năm 2009 đã được đầu tư một trục đường chính trải nhựa và một công trình điện hoàn chỉnh (Hộp 3).

HỘP 3: "Xóm Đảo" đang chuyển mình

Từ năm 2008 trở về trước, tổ dân phố 30 thuộc phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng) được mệnh danh là "xóm đảo" do ở vị trí biệt lập, là nơi tập trung đông người nghèo, cơ sở hạ tầng yếu kém (vì vậy mà giá đất thấp phù hợp với người nghèo).

Đến thời điểm tháng 7/2009 "xóm đảo" đã có sự chuyển mình đáng ngạc nhiên. Quận Kiến An mới đầu tư một con đường lát nhựa khang trang dài hơn 800m, rộng 7m chạy xuyên hết tổ 30. Người dân rất phấn khởi với công trình đường giao thông, toàn bộ những hộ ở dọc đường đã tự nguyện hiến đất để mở rộng mặt đường. Một dự án điện hoàn chỉnh đang được xây dựng tại tổ, dự kiến đến cuối năm 2009 sẽ hoàn thành. Hy vọng đến lúc đó người dân không còn phải chịu cảnh điện chất lượng thấp mà giá cao đến 1800 đồng/số như trước. Ngoài ra, đầu năm 2009 tổ còn được Phường trang bị cho một hệ thống loa phát thanh để phổ biến thông tin cho người dân.

Từ khi con đường nhựa hoàn thành, việc đi lại thuận tiện hơn, một số hộ đã mở quán bán hàng cạnh đường, chi hội Phụ nữ tổ chức cho chị em hàng tuần quét dọn đường. Hàng ngày đã có xe thu gom rác của Công ty Môi trường đô thị thành phố vào thu gom, hiện tượng vứt rác thải tràn lan trong các ngõ xóm như những năm trước không còn, vệ sinh môi trường được cải thiện đáng kể. Việc đóng nộp các khoản thuế và lệ phí, huy động hoạt động phong trào và gây quỹ đoàn thể cũng thuận lợi hơn khi "xóm đảo" được cấp trên quan tâm đầu tư.

Cán bộ cơ sở và người dân chia sẻ về những khía cạnh tích cực của đầu tư như sau:

--- "Trên 20 hộ nằm dọc chiều dài con đường đều tự nguyện hiến đất để làm đường vì đều muốn đường to và đẹp hơn. Mỗi hộ trung bình lùi vào 1m, tính ra trung bình mỗi hộ cũng hiến từ 5-10 m2 đất, có hộ hiến đến 20 m2, nếu tính ra tiền bây giờ thì cũng lớn" (nhóm nòng cốt tổ 30, phường Lãm Hà)

--- "Năm nay có đường nên đi lại thuận tiện hơn, đời sống nâng lên. Bây giờ đi làm xin được vật liệu có thể chở về tận nhà. Lúc trước có xin được thì cũng không chở về được" (nhóm nam nghèo tổ 30, phường Lãm Hà)

--- "Năm nay thì đỡ hơn nhiều rồi vì có xe thu rác vào tận nơi, cả những ngõ xóm các anh chị ấy cũng đưa xe đẩy vào để thu gom cho bà con. Phí thì cũng giống như những chỗ khác, 14.000/hộ/tháng nên bà con đều nộp đầy đủ" (anh N.N.C, tổ 30, phường Lãm Hà).

... hoặc lắp đường cấp nước, xây nhà văn hóa

Tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), năm 2009 đã được đầu tư 3 nhà văn hóa thôn 2 tầng khang trang, cải tạo đường dân sinh nội thôn và xây dựng 3 tuyến đường liên thôn bê tông hóa. Tại Phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM) năm 2009 đang được đầu tư đường cấp nước sạch vào đến từng nhà, hy vọng sẽ cải thiện tình trạng chỉ có ¼ hộ dân dọc các đường lớn được dùng nước sạch như các năm trước.

Nhưng nhiều mặt hạ tầng đô thị còn yếu kém, nhất là về thoát nước

Tuy nhiên, nhiều mặt cơ sở hạ tầng tại các điểm quan trắc còn yếu kém, ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân. Ngay tại "xóm đảo" phường Lãm Hà, mặc dù đường sá, cấp điện, cấp nước đã được cải thiện, việc thoát nước còn rất khó khăn do cống Cành Hẩu bị hỏng (là cửa thoát nước chính ra sông Lạch Chay của 2000 hộ dân, 2 trường học, 1 trạm điện, 50 doanh nghiệp), mương thoát nước bị tắc nghẽn ở một số đoạn khiến cho xóm thường bị ngập lụt nặng mỗi khi trời mưa to. Các đường ngõ của "xóm đảo" vẫn còn rất lầy lội. Sở hữu đất đai tại đây vẫn ở tình trạng bấp bênh, hầu như toàn bộ người dân trong xóm chưa có sổ đỏ. Giá đất dọc con đường mới làm năm 2009 đã tăng gấp đôi so với trước, nhu cầu làm sổ đỏ của người dân tăng lên nhưng thực tế rất khó khăn do đất thiếu nguồn gốc hợp pháp, giấy tờ viết tay, thuế làm sổ đỏ quá cao, và một số hộ có đất phạm vào hành lang an toàn đề điều. Tại Phường 6, mặc dù đường nước đã được lắp đặt đến từng hẻm, nhưng một số hộ nghèo không lắp được đồng hồ nước do giấy tờ nhà không đầy đủ hoặc do sợ thiếu tiền nộp hàng tháng nên vẫn chấp nhận dùng nước giếng khoan.

Sở hữu đất đai của người nghèo còn bấp bênh

Giá điện cao là một khó khăn của người nhập cư

Người nhập cư thuê phòng trọ vẫn phải chịu giá điện cao. Tại Kim Chung và Lãm Hà, người nhập cư thường chịu giá điện 1500-2000 đồng/số. Tại Phường 6, người nhập cư vẫn phải chịu giá điện cao đến 2500-3500 đồng/số do chủ nhà trọ thu (ở mức cao nhất của giá điện lũy tiến). Giá điện tại Lãm Hà rẻ hơn một chút chủ yếu do qui mô phòng trọ của một hộ tại Lãm Hà nhỏ hơn, nên chi phí điện lũy tiến thấp hơn. Giá điện tại Kim Chung rẻ hơn là do vào năm 2006-2007, ngành điện Hà Nội đã thực hiện chủ trương lắp cho mỗi phòng trọ một công tơ điện để giảm chi phí điện lũy tiến cho người thuê trọ (thời điểm đó có nhà được lắp đến 10 công tơ điện, sau đó các phòng trọ phát sinh thêm không có công tơ riêng). Thực hiện chủ trương "hỗ trợ người lao động nhập cư được trả tiền điện theo mức giá quy định của Nhà nước", trong năm 2009 ngành điện thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai các biện pháp nâng định mức điện theo phương thức hộ gia đình dùng chung điện kế hoặc người lao động ký hợp đồng trực tiếp với ngành điện với sự bảo đảm của chủ nhà trọ. Tuy nhiên việc triển khai các biện pháp này còn rất chậm⁶, do những khó khăn về thủ tục và còn do các chủ nhà trọ chưa sẵn sàng.

Điển hình về cơ sở hạ tầng hạn chế tại các địa bàn chuyển đổi trong tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa là xã Kim Chung. Hệ thống hạ tầng của xã chưa được đầu tư tương xứng với sự gia tăng đột biến của qui mô dân số dẫn đến tình trạng quá tải và xuống cấp nghiêm trọng

6. "Trên địa bàn TP.HCM đã có 41 chủ nhà trọ ký bảo lãnh để 343 người lao động được trực tiếp mua điện. Và đây là những điểm sáng hiếm hoi." (nguồn: <http://www.nld.com.vn/20090506112236709POC1010/quyet-liet-dua-dien-dung-gia-den-cn.htm>, ngày 7/5/2009).

Cơ sở hạ tầng tại các xã chuyển đổi còn rất nhiều hạn chế, không tương xứng với qui mô dân số tăng đột biến

(số người nhập cư đã đạt 2 vạn, gấp đôi so với số người thường trú của xã Kim Chung). Mặc dù trên địa bàn xã có nhà máy nước nhưng người dân không có nước sạch để dùng mà vẫn phải dùng nước giếng. Mặt nền của Khu công nghiệp Bắc Thăng Long được đắp cao hơn so với mặt bằng khu dân cư và đồng ruộng, mạng lưới kênh mương hư hỏng, nước ứ đọng dẫn đến diện tích khoảng 50 ha ruộng của xã bị úng ngập sâu không canh tác được, các thôn vùng thấp như thôn Bàu thường xuyên bị ngập lụt khi trời mưa to. Nước thải sinh hoạt chung với nước thải bề mặt gây ô nhiễm, chưa kể nguy cơ về ô nhiễm không khí và ô nhiễm mạch nước ngầm trong khu dân cư gần Khu công nghiệp.

Người dân và cán bộ xã Kim Chung chia sẻ về tình trạng ngập lụt như sau:

--- "Trời mưa nước ngập đến tận đầu gối, các rãnh nước thoát không kịp. Từ đầu làng đến cuối làng chỉ có 5-10m không ngập, còn nước chỗ nào cũng ngập đến đầu gối, xe máy chết liên tục, đành đi bộ thôi" (Thảo luận nhóm dân thôn Bàu, xã Kim Chung)

--- "'Nước thải ở đây rất nguy hiểm, mầm mống dịch bệnh. Trước kia chưa có khu công nghiệp Bắc Thăng Long trời mưa nước thường dẫn từ nơi cao đến nơi thấp sau đấy lại đổ ra sông. Từ khi có khu công nghiệp gần như chặn hết đường thoát nước của dân.. Trận mưa vừa rồi nước tắc nước dồn xuống những chỗ đất trống, cấy lúa thì chết nên chẳng ai cấy được. Đành để bèo tây xanh mướt, lội xuống thì lút sâu 2m. Hệ thống thoát nước rất yếu kém và nguy hiểm" (thảo luận nhóm cán bộ xã Kim Chung).

Thu gom rác thải ở các vùng ngoại vi vẫn là một khó khăn

Dịch vụ thu gom rác thải ở các vùng ngoại vi còn rất khó khăn do Công ty vệ sinh môi trường chưa với tới được các hẻm sâu và địa bàn tách biệt. Mỗi địa phương có cách giải quyết riêng đối với vấn đề rác thải. Tại Kim Chung, 3 HTX tại 3 thôn được giao làm dịch vụ thu gom rác thải của người dân về bãi rác tạm của xã. Cứ 2-3 ngày có xe của Công ty vệ sinh môi trường huyện về chuyển rác đi. Do lượng rác quá lớn, thường tồn đọng lâu ngày, phân hủy gây ô nhiễm cho khu dân cư và cả trạm y tế ngay gần đó. Tiền công thu gom rác quá thấp chỉ 1 triệu đồng/tháng nên ít người muốn làm. Việc thu phí rác thải của người dân theo mức 2000 đồng/người/tháng chậm và không đầy đủ, nhiều nhà khai thấp số người (ví dụ, nhà trọ cho 50 người thuê chỉ khai 40 người), dẫn đến các đơn vị thu gom phải bù lỗ để hoạt động.

... liên quan đến khó quản lý các dịch vụ thu gom rác dân lập

Tại Phường 6, có đến 3 loại hình thu gom rác cùng hoạt động: công ty môi trường công ích hoạt động ở các phố chính, còn ở các hẻm nhỏ là địa bàn của HTX dân lập và các nhóm tư nhân (gọi là "sở thùng"). Phí thu gom rác hàng tháng năm 2009 là 15.000 đồng/hộ - tăng 5.000 đồng/hộ so với năm 2008, ngoài ra còn thu thêm vào các dịp lễ Tết và khi gia đình có nhiều rác (đây cũng là bức xúc của người dân). Từ cuối năm 2008, Quận Gò Vấp đã có chủ trương tập trung việc thu tiền rác về một mối do Phường đứng ra làm, giao cho các tổ dân phố thu của dân, nhưng việc triển khai còn rất lúng túng.

"Qui hoạch treo" ảnh hưởng đến đời sống, tâm lý người dân

Tình trạng một số "qui hoạch treo" tại các điểm quan trắc ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội địa phương và đời sống, tâm lý của người dân đến giữa năm 2009 vẫn chưa có những chuyển biến đáng kể so với năm 2008. Điển hình là qui hoạch khu "công viên văn hóa" tại Phường 6 hoặc qui hoạch "chợ Lãm Hà" tại phường Lãm Hà. Lãnh đạo phường Lãm Hà nhận xét "chợ Lãm Hà do thành phố đầu tư, mười mấy năm nay chưa thi công được do không có đối tác đầu tư, đền bù phức tạp... năm nào phường cũng nói "phần đầu xây dựng chợ Lãm Hà", năm nay chúng tôi bỏ ra khỏi báo cáo của phường, vì nói mãi không làm được cũng nhảm".

1.3.2 Chuyển đổi sinh kế

Người bị thu hồi đất nông nghiệp chuyển sang cho thuê nhà trọ và làm dịch vụ phục vụ người nhập cư

Chuyển đổi sinh kế bền vững là chủ đề nổi lên khá gay gắt ở những địa bàn ven đô thị trong tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Khi người dân bị mất đất nông nghiệp để dành cho xây dựng các khu công nghiệp hoặc các công trình hạ tầng, và có nhiều người nhập cư đến ở trọ, đã hình thành một xu hướng chuyển đổi nghề nghiệp từ làm nông sang mở nhà trọ cho thuê và làm các dịch vụ phục vụ người nhập cư. Thôn Bàu ở xã Kim Chung là một trường hợp điển hình, với trên 90% hộ dân có nhà trọ cho thuê, gần 30% làm buôn bán dịch vụ. Thu nhập từ

Chủ nhà trọ và người làm dịch vụ phục vụ người nhập cư gặp khó khăn khi khủng hoảng tài chính xảy ra

nhà trọ cho thuê rất đáng kể, ví dụ một nhà có 4-5 phòng trọ, mỗi phòng tiền thuê 400.000 đồng/tháng, vị chi là có thu nhập 1,5-2 triệu đồng/tháng, chưa kể những nhà có nhiều đất có thể xây đến vài chục phòng trọ.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới, nhiều công nhân nhập cư không có việc làm phải về quê hoặc đi tìm việc ở nơi khác, nên trong các tháng đầu năm 2009 các chủ phòng trọ lao đao vì thu nhập giảm mạnh. Tại xã Kim Chung, trong 3-4 tháng đầu năm 2009 nhất là tháng Tết nguyên đán, số công nhân nghỉ việc về quê rất đông dẫn đến nhiều phòng bị bỏ trống. Tại thôn Bàu (gần trung tâm, gần chợ) có 20-30% số phòng bị bỏ trống; còn tại thôn Nhuế (xa trung tâm) có đến 40-50% số phòng bị bỏ trống. Một số chủ nhà trọ đã phải giảm mức tiền cho thuê phòng 30-50.000 đồng/tháng vì có ít người thuê. May mắn là giai đoạn thiếu khách thuê trọ không kéo dài, đến thời điểm tháng 7/2009 khi các doanh nghiệp bước vào giai đoạn phục hồi, các nhà trọ đã đông trở lại, tiền thuê phòng cũng có xu hướng tăng 10-20% so với cuối năm 2008. Có thể nói, chủ nhà trọ cho thuê và những người cung cấp dịch vụ cho công nhân nhập cư là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương mới nổi lên do tác động của khủng hoảng tài chính thế giới.

Người dân và cán bộ cơ sở chia sẻ về những khó khăn của nghề chủ nhà trọ thời khủng hoảng như sau:

--- “Chưa có năm nào tháng Tết vắng người như năm vừa rồi. Khi chưa xảy ra khủng hoảng công nhân đông kinh khủng, không đi được xe máy, làng Bàu người dân cứ quen gọi là “phố” Bàu. Lúc ấy giảm phải đến một phần ba công nhân” (Nhóm cán bộ xã Kim Chung, huyện Đông Anh)

--- “Trong thời gian khủng hoảng có lúc trống phòng, trống 2 phòng gần 1 tháng trời. Một phòng có 3-4 người, khi bọn nó nghỉ thì 1 phòng có 1-2 người, bọn nó lại xin giảm tiền phòng, giảm 30.000 – 50.000 đồng/1 phòng” (L.T.M, chủ nhà trọ tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh).

--- “Cách đây 1 năm nhà trọ của chợ có 5 phòng trọ chật kín, sau đó chỉ còn lại sinh viên, người lao động ở nữa, do họ thất nghiệp, phải về quê hoặc chuyển đi nơi khác làm việc, hiện nay chỉ còn 2 phòng có người ở còn 3 phòng bỏ trống do không có người thuê trọ và phòng trọ xuống cấp. Từ khi công nhân không thuê nhà trọ, mỗi tháng gia đình mất đi 600.000 đ tiền thuê nhà trọ, gia đình gặp khó khăn hơn. Anh chị phải giảm chi phí bằng cách mua sắm ít, sinh hoạt điện nước tiết kiệm ...” (Đ.X.L, chủ nhà trọ tại phường Lãm Hà, quận Kiến An).

Có ít người ở địa bàn bị thu hồi đất được tuyển dụng vào các doanh nghiệp

Việc tuyển dụng và tiếp tục sử dụng lao động tại địa phương bị thu hồi đất vào làm trong các doanh nghiệp vẫn là một vấn đề khó khăn. Tại xã Kim Chung, số người được nhận vào làm tại các nhà máy trong Khu công nghiệp Thăng Long rất ít. Cán bộ xã ước tính có không quá 150 thanh niên của Kim Chung đang làm việc tại Khu công nghiệp, một con số quá ít so với tổng số 9000 nhân khẩu của xã. Người lao động Kim Chung dường như còn bị phân biệt đối xử khi xin vào làm việc tại một số công ty trong Khu công nghiệp, do doanh nghiệp có định kiến với một số thanh niên Kim Chung từng có thái độ quá khích trong quan hệ lao động và quan hệ với công nhân nhập cư. Nhóm xe ôm xã Kim Chung cho biết “Con sâu làm rầu nồi canh. Có người thế này, có người thế kia, nhưng nói thật có một số thanh niên cầm đầu đánh nhau nên bị mất uy tín của thanh niên Kim Chung, nên giờ thanh niên ở đây xin việc trong khu công nghiệp Bắc Thăng Long cũng khó”.

Hộ nghèo bị thu hồi đất không có điều kiện xây phòng trọ, làm nghề tự do trở thành những người khó khăn nhất

Những gia đình nghèo bị thu hồi đất nông nghiệp nhưng không có nhiều đất thổ cư hoặc không có điều kiện để xây phòng trọ cho thuê trở thành những người khó khăn nhất tại các vùng ven đô thị hóa. Nhiều người kiếm sống bằng nghề lao động tự do, bán hàng rong, xe ôm, chăn nuôi bò, mò cua bắt ốc... thu nhập bấp bênh. Một số hộ nghèo vẫn làm lúa trên phần diện tích chưa bị thu hồi, nhưng làm lúa cũng khó khăn do tuổi tiêu kém vì ảnh hưởng của các công trình xây dựng trên địa bàn (Hộp 4).

HỘP 4: Khó khăn của hộ bị thu hồi đất

Đến thăm bác gái H.T.H ở thôn Bấu, xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội) mới hiểu thêm về nỗi vất vả của một gia đình nghèo bị thu hồi đất nông nghiệp. Gia đình hiện có 12 người cùng sinh hoạt chung trong ngôi nhà ngói 3 gian cũ đã xuống cấp. Gia đình có 3 sào đất nằm trong quy hoạch KCN, sau khi thu hồi được bồi thường 36 triệu. Số tiền này gia đình đầu tư vào trang trại trồng bưởi. Dự kiến trang trại khi hoàn thành sẽ cho thu 2 triệu đồng/tháng, nhưng lại gặp nguy cơ bị mất trắng do ngập lụt. Bác H. cho biết nguyên nhân do các đường thoát nước bị tắc nghẽn, nước mưa không thoát được lưu lại vườn khiến cây bị úng, hoa rụng. Bác muốn chuyển sang làm chăn nuôi thì không có vốn và dịch bệnh nhiều, xây nhà trọ thì không có tiền, hơn nữa đất còn lại chật không đủ xây 1 phòng trọ.

Hiện nay con trai lớn đi bán hàng rong, bán quà ăn sáng. Chồng ở nhà chăn bò, làm vườn và trông cháu. Con trai út đang học cấp 3 phải nghỉ học vì bị bệnh viêm dạ dày, sức khỏe yếu trong khi chi phí chữa bệnh tốn kém, đã xin vào làm trong KCN 8 lần nhưng không được, hiện ở nhà vá xe và bán hàng nước. Con dâu thứ 2 trước bán bánh mì rong, nay nghỉ ở nhà vì sắp có thêm con. Con gái lấy chồng xa nay cả hai vợ chồng quay về sống với bố mẹ. Con dâu, rể chỉ học hết cấp II, khó xin được việc.

Chi tiêu hàng ngày là mối lo của cả nhà. Chi ăn uống cho 12 người mỗi bữa chỉ dám tiêu hết 30 ngàn đồng, không ăn sáng để tiết kiệm. Chi phí hiếu hỉ phải đi vay mượn thêm. Bác H. rất lo cho cuộc sống hiện tại vì mọi thứ đều bấp bênh, các con chưa tìm được công việc ổn định, chồng ốm yếu, con út lại bệnh tật tốn kém mất nhiều tiền. Bác là người đứng ra gánh vác công việc và mọi chi tiêu trong nhà, nhiều khi cảm thấy vất vả quá sức chịu đựng.

Do công việc của các thành viên chủ yếu là bán hàng rong và lao động tự do nên cũng gián tiếp chịu ảnh hưởng nhiều của đợt khủng hoảng kinh tế. Bác H. cho biết *"mấy tháng đầu năm bị ảnh hưởng của khó khăn, công nhân thất nghiệp nhiều, đi bán hàng cũng không kiếm được bao nhiêu nữa. Lúc đó quá chật vật, cảm thấy không thể sống được nữa vì không kiếm đâu ra tiền chi tiêu trong gia đình"*.

Cải thiện cơ sở hạ tầng không gắn với chuyển đổi sinh kế chưa giúp người dân thoát nghèo

Tại tổ 30 phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng), con đường nhựa đẹp mới mở trong năm 2009 tương phản với nghề xích lô của đa số hộ gia đình. Xích lô là nghề truyền thống của bà con nơi đây, những năm đầu 90 để chở gạch, đến cuối những năm 90 chuyển sang chở khách, và mấy năm gần đây chở vật liệu, phế liệu xây dựng. Có khoảng 20 nhà cả vợ lẫn chồng đều làm nghề xích lô, cuộc sống giờ khó khăn hơn vì công việc giảm do có nhiều dịch vụ xe vận tải, xích lô đi vào thành phố bị cấm ban ngày, phải đi vào buổi đêm rất vất vả. Cơ sở hạ tầng được cải thiện chưa giúp người dân tổ 30 thoát nghèo, vì chuyển đổi sinh kế vẫn là một câu hỏi hóc búa với những người đã lớn tuổi, học vấn thấp và không có kỹ năng gì khác.

Chính sách hỗ trợ người nghèo chuyển đổi xe tự chế khó triển khai

Tại quận Gò Vấp, khi có quyết định cấm xe 3-4 bánh tự chế, đã có chính sách hỗ trợ người nghèo thuộc diện "có mã số" để chuyển sang nghề khác như lái xe tải (cấp không 7 triệu, cho vay ưu đãi 30 triệu từ quỹ giảm nghèo, có thể vay thêm từ NHCSXH). Trong số hơn 600 hộ có xe tự chế ở Gò Vấp có 90 hộ thuộc diện nghèo, nhưng đến tháng 7/2009 toàn quận mới làm được 3 hồ sơ để hỗ trợ người nghèo mua xe tải nhẹ. Thực tế người nghèo không đủ năng lực để chuyển sang nghề lái xe tải (đã nhiều tuổi, không có bằng lái xe), mà chuyển sang nghề xe ôm là nhiều.

Rất ít người nghèo tiếp cận với chính sách hỗ trợ học nghề

Các chính sách hỗ trợ người nghèo học nghề để chuyển đổi sinh kế được triển khai rộng rãi, nhưng thực tế có rất ít người nghèo tiếp cận với các hỗ trợ này. Quận Gò Vấp hàng năm được cấp 50 triệu đồng tiền hỗ trợ hộ nghèo học nghề, nhưng hầu như không dùng đến vì có rất ít hộ nghèo tham gia chương trình học nghề. Thành phố Hà Nội đã thành lập "Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho hộ dân bị thu hồi hơn 30 phần trăm diện tích đất sản xuất nông nghiệp" sau 1/7/2008. Mức hỗ trợ học nghề không quá 6 triệu

đồng/người. Ngoài ra, thành phố hỗ trợ bảo hiểm cho người hết tuổi lao động, trợ cấp khó khăn cho người già, cô đơn... Để được hưởng hỗ trợ, nông dân phải trình quyết định thu hồi đất, xác định chính xác diện tích, tỷ lệ đất và thời điểm bị thu hồi; trong khi nhiều hộ thất lạc những giấy tờ đó, cán bộ xã cũng không giữ (do thay đổi người). Ngoài ra, còn cần một số giấy tờ khác như giấy khai sinh, giấy xác nhận của cơ sở dạy nghề... Khảo sát cho thấy rất ít người đi học nghề, và cũng khó hoàn chỉnh thủ tục giấy tờ như qui định để được xét hỗ trợ. Hơn nữa, trên thực tế nông dân ở xã Kim Chung đã bị thu hồi đất từ những năm trước nên cũng không được hưởng chính sách này.

1.3.3 Vốn xã hội

Vốn xã hội rất quan trọng với người nghèo

Bên cạnh những khó khăn thường thấy về nguồn nhân lực và tài sản vật chất, người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư còn gặp nhiều khó khăn về "vốn xã hội" – được hiểu là những mối quan hệ và mạng lưới, các nhóm chính thức và phi chính thức và các tổ chức xã hội mà người nghèo tham gia. Cải thiện vốn xã hội của người nghèo thường được coi là cách làm hiệu quả để đem đến cho họ những cơ hội và lợi ích để cải thiện đời sống, giúp họ chống đỡ tốt hơn với rủi ro và cú sốc.

Người nghèo thường có tâm lý ngại tiếp xúc, ngại phát biểu

Người nghèo bản xứ ở khu vực đô thị nhìn chung thiếu các mối quan hệ xã hội. Tâm lý ngại tiếp xúc với những nhóm có điều kiện kinh tế khá đang hình thành một bức tường ngăn cách vô hình giữa người nghèo và người giàu. Người nghèo càng khó hòa nhập hơn với người giàu do khoảng cách về trình độ, thu nhập và vị thế trong xã hội. Do mãi lo "cơm áo gạo tiền" hàng ngày nên người nghèo thường ít tham gia các sinh hoạt cộng đồng. Trong các cuộc họp, hầu như họ không đưa ra ý kiến hoặc nếu có đưa ra ý kiến thì chỉ khi các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ. Tại những địa bàn nông thôn đang trong quá trình đô thị hóa như Kim Chung, lối sống cộng đồng làng xã trước đây đang dần được thay bằng lối sống đô thị biệt lập "ai biết nhà nấy". Nếu trước đây người dân thường gặp gỡ nhau bàn chuyện mùa vụ, lúc cấy hái cả làng cùng nhau ra đồng, thì nay không còn ruộng thay bằng phòng trọ cho thuê, thu nhập cũng khá lên nên ai cũng "kín cổng cao tường".

Tại các vùng ngoại vi đô thị hóa, lối sống cộng đồng làng xã đang có nguy cơ phai nhạt dần

Người nghèo ở xã Kim Chung chia sẻ về quan hệ cộng đồng của họ như sau:

--- “Ngày xưa tình cảm làng xóm láng giềng gắn kết hơn bây giờ. Nhiều người trước nghèo thì thân thiện, giờ có tiền thì khác. Mình thấy người ta giàu cũng ngại đến, kéo lại bảo thấy người sang bắt quàng làm họ” (nhóm buôn bán nhỏ thôn Bấu).

--- “Lúc khó khăn vay người nghèo thì không có chỉ có đi vay lãi ngoài là nhanh nhất còn người giàu thì mình không dám vay. Mình nghèo đi vay họ nói cho vay lấy gì mà trả” (nhóm nữ nghèo thôn Bấu).

Khi được quan tâm và hỗ trợ, người nghèo có thể tham gia tích cực vào các sinh hoạt cộng đồng

Những người nghèo "có mã số" tại Gò Vấp được chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể quan tâm hỗ trợ khá toàn diện, từ vay vốn ưu đãi đến cải tạo nhà ở, cấp học bổng cho con em đi học, đến huy động vốn góp tự nguyện của các đoàn thể để hỗ trợ thêm khi gặp khó khăn. Có nhiều trường hợp điển hình ở Gò Vấp về những người nghèo được quan tâm hỗ trợ, và họ đã nhiệt tình tham gia vào các công tác xã hội ở cộng đồng dân cư (Hộp 5).

Vai trò của khu phố, tổ dân phố ngày càng quan trọng khi nâng chuẩn nghèo

Năm 2009 thành phố Hồ Chí Minh tăng gấp đôi chuẩn nghèo dẫn đến số lượng hộ nghèo tăng đột biến. Ví dụ, Phường 6 năm 2007 có 40 hộ nghèo theo chuẩn cũ, năm 2008 không còn hộ nghèo nào, nhưng sang năm 2009 tăng lên 297 hộ nghèo. Cán bộ phụ trách giảm nghèo của Phường và các ban ngành không còn có thể nắm chắc, theo sát hỗ trợ từng hộ nghèo như trước nữa, mà việc này được giao lại cho các khu phố/tổ dân phố. Vai trò của khu phố/tổ dân phố tại các khu vực đô thị ngày càng quan trọng để có thể trở thành một điểm tựa cho người nghèo vươn lên.

HỘP 5: Phụ nữ đơn thân nghèo tích cực tham gia các hoạt động xã hội

Cô L.T.L ở khu phố 4, Phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM) là một người nghèo tham gia công tác xã hội rất nhiệt tình. Cô hiện sống cùng với hai đứa con: con trai lớn 20 tuổi đã đi làm, con gái út 17 tuổi đang học lớp 12. Chồng cô bỏ đi khi con gái út mới 3 tuổi, để lại món nợ mấy chục triệu đồng. Cách đây 10 năm cô phải đi mổ 5 lần do bị tai nạn đã ảnh hưởng đến sức khoẻ và mang thêm nợ nần đến tận bây giờ. Năm 2007 cô đã thử đầu tư vào mô hình nuôi dế nhưng cũng không thành công do mãi chăm sóc đứa con gái nằm bệnh viện. Tháng 2/2009 lại đến lượt con trai lớn đi xe đạp phải người ta gây tai nạn, nên phải lo chi phí bệnh viện và các thủ tục khác rất tốn kém.

Cô kể "cô được mọi người giúp đỡ nhiệt tình. Năm 2004, nhà ở xuống cấp quá, mọi người bảo "làm đơn xin chống dột đi". Cô cũng làm đơn xin chống dột được 7 triệu, Liên đoàn lao động quân hỗ trợ được 3 triệu, bạn bè hàng xóm giúp được khoảng 2 triệu, vay Quỹ XĐGN 10 triệu, vay ở ngoài được 4 triệu, với số tiền trên cũng giúp cho cô sửa được cái nhà, làm thêm cái gác cho con ở". Năm 2008, thấy hoàn cảnh của cô khó khăn, chi ủy khu phố tham mưu cho cô ngăn phòng ra cho thuê. Phường hỗ trợ 3 triệu từ quỹ chống dột, vay quỹ giảm nghèo được 10 triệu, chi ủy góp tiền hỗ trợ 4,9 triệu, có cả người dân góp tiền giúp cô người thì 500 nghìn người thì 1,5 triệu, và một người thuê phòng trọ nhà cô tạm ứng trước 7 triệu, cộng thêm cô vay mượn ở ngoài, tổng chi phí hết khoảng 30 triệu đồng. Hiện giờ, cô có 2 phòng cho thuê, đời sống đỡ hơn so với trước, có dư chút đỉnh để trả nợ dần.

Cuộc sống của cô đầy những biến động và trắc trở. Nhưng hỗ trợ của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng đã giúp cô vượt lên số phận, trở thành một người cán bộ cộng đồng gương mẫu và tích cực. Tuy phải vất vả kiếm sống nhưng cô vẫn tham gia làm phó khu phố 4 và tổ phó tổ dân cư 27, được bầu vào cấp uỷ khu phố. Gần như không có hoạt động nào của khu phố thiếu sự có mặt của cô, từ hoạt động của các cháu thiếu nhi đến hoạt động của các cụ. Ngoài ra, cô còn là một người tham gia bắt trộm cướp rất giỏi.

Mong muốn hiện nay của cô là "các con cô khoẻ mạnh, thành đạt. Khỏe mạnh là làm nên tất cả". Cô khuyến khích các con tham gia các hoạt động xã hội nhiệt tình, cô chia sẻ "ngày xưa cô cũng khó khăn quá, mọi người cũng giúp đỡ nhiều. Cô bảo các con tham gia để đến đáp công ơn mà mọi người giúp đỡ".

Người nhập cư thường dựa vào mạng lưới xã hội phi chính thức như đồng hương, bạn trọ

Người nhập cư tại các thành phố lớn thường dựa vào mạng lưới xã hội phi chính thức để tìm kiếm cơ hội việc làm và chống đỡ rủi ro, như các nhóm đồng hương, bạn cùng thuê nhà trọ và bạn cùng làm trong công ty. Sự hòa nhập của người nhập cư với cộng đồng dân cư nơi họ thuê nhà trọ rất hạn chế. Cán bộ tổ dân phố cũng ít khi mời họ tham gia vào các sinh hoạt cộng đồng. Một số dân bản địa cũng có thái độ phân biệt và không muốn giao lưu với những người nhập cư nghèo.

Người nhập cư gặp nhiều hạn chế trong việc phát triển vốn xã hội ở thành phố

Đời sống văn hóa nghèo nàn theo thời gian biểu hàng ngày "đi làm, ngủ và tán gẫu" rất phổ biến trong các nhóm nhập cư. Qua phỏng vấn có nhiều người nhập cư ở quận Gò Vấp đã 5-6 năm nay nhưng chưa từng bước chân vào Quận 1 ở trung tâm thành phố. Bản thân những người lao động nhập cư trên địa bàn kể cả những người đã ở nhiều năm vẫn tự coi mình là "khách trọ ở thành phố", tư thu hẹp quan hệ xã hội với cộng đồng dân cư xung quanh; một số người thường xuyên di chuyển chỗ ở trọ hoặc chuyển việc làm từ nơi này sang nơi khác với hy vọng có thu nhập cao hơn. Phải hạn chế chi tiêu để dành tiền tiết kiệm và gửi về nhà trong bối cảnh việc làm và thu nhập bấp bênh từ cuối năm 2008 là nguyên nhân quan trọng khiến cho người lao động nhập cư càng thiếu động cơ tham gia các hoạt động văn hóa xã hội tại địa phương.

Lãnh đạo huyện Đông Anh (Hà Nội) khi nói về tình trạng nghèo tại xã Kim Chung đã đề nghị cần quan tâm không chỉ khía cạnh "nghèo về kinh tế", mà cần đặc biệt quan tâm đến khía

Nghèo về văn hóa, lối sống cần được đặc biệt quan tâm

Tại các địa bàn đông người nhập cư có nhiều vấn đề nổi cộm về văn hóa, lối sống

cạnh "nghèo về văn hóa, lối sống" của cả người bản xứ và công nhân nhập cư. Cán bộ và người dân xã Kim Chung cũng thường nhận xét về tình trạng "3 không" của công nhân nhập cư trên địa bàn (không tổ chức đoàn thể, không sinh hoạt văn hóa, không sinh hoạt cộng đồng). Những vấn đề nổi cộm về văn hóa, lối sống ở xã Kim Chung là sự suy giảm các tập quán cộng đồng khi người dân chuyển từ làm nông sang cho thuê phòng trọ; sự pha tạp về tập quán sinh hoạt, cách ứng xử khi có hàng vạn người từ hàng chục tỉnh thành khác nhau đến cư trú; là sự lo lắng về an ninh trật tự, sự bất an về thuần phong mỹ tục; là tình trạng trẻ em ham chơi, bỏ bê học hành, thậm chí vướng vào cờ bạc, nghiện hút; là biểu hiện gia tăng các vụ ly hôn; là hiểu biết còn hạn chế về pháp luật lao động và kiến thức về sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS trong nhóm công nhân; là tình trạng nạo phá thai đáng báo động trong nhóm nữ công nhân; là nguy cơ gia tăng các hành vi mại dâm và mua bán người. Các công nhân trẻ, đa số là nữ giới làm việc trong các doanh nghiệp may mặc, giày da, lắp ráp điện tử... gặp cuộc khủng hoảng tài chính bị mất việc làm thấy mình thật khó khăn để duy trì cuộc mưu sinh lành mạnh ở thành phố, vì họ thiếu tay nghề, thiếu vốn, thiếu hiểu biết và thiếu quan hệ xã hội. Khắc phục những hạn chế về văn hóa và lối sống tại các địa bàn chuyển đổi trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa như Kim Chung là một thách thức rất lớn, cần được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn để có chính sách và biện pháp phù hợp trong thời gian tới⁷.

1.3.4 Tiếp cận các dịch vụ công

Tiếp cận dịch vụ công rất quan trọng với người nghèo

Người nghèo đô thị rất quan tâm đến giáo dục cho con cái

Huy động trẻ đến trường đúng độ tuổi được thực hiện tốt, kể cả với trẻ nhập cư

Trường lớp bị quá tải ảnh hưởng đến cơ hội đến trường của trẻ nhập cư

Đợt theo dõi nghèo đô thị năm 2008 đã ghi nhận một số hạn chế, bất lợi của người nghèo trong tiếp cận các dịch vụ xã hội và chính sách hỗ trợ, cũng như một số thách thức về quản trị địa phương hướng đến giảm nghèo đô thị. Đợt theo dõi nghèo đô thị năm 2009 này sẽ tìm hiểu kỹ hơn về tiếp cận các dịch vụ công của người nghèo bao gồm cả người bản xứ và người nhập cư.

Giáo dục được người dân ở các điểm quan trắc đặt ưu tiên hàng đầu. Hầu hết người nghèo đô thị được phỏng vấn đều thể hiện quyết tâm cho con em ăn học đến mức cao nhất có thể, kể cả phải đi vay mượn hay bán tài sản để trang trải chi phí học tập. Một trong những mục đích chính của người lao động di cư ra thành phố cũng là để gửi tiền về trang trải chi phí học tập cho con em ở quê nhà.

Việc huy động trẻ đi học đúng độ tuổi vẫn được các địa phương thực hiện khá tốt. Trẻ đến tuổi đi học lớp 1 đều được sự quan tâm của nhà trường, các đoàn thể, cán bộ khu phố/tổ dân phố để đưa trẻ đến trường, không phân biệt trẻ em có hộ khẩu thường trú và trẻ em nhập cư. Thủ tục nhập học của trẻ nhập cư tương đối đơn giản, chỉ cần giấy khai sinh và giấy tạm trú có xác nhận của chính quyền địa phương.

--- "Khuyến khích, vận động được trẻ đi học được là mừng rồi, đâu cần biết trẻ nhập cư hay trẻ thành phố." (giáo viên trường Hoàng Văn Thụ, Phường 6)

--- "Trước khi nghỉ hè 2 tháng thì khu phố rà soát xem những hộ nào có con đến tuổi đi học, để vào năm học cho cháu đi học. Không để cho một cháu nào đến tuổi đi học mà không được đi học" (nhóm cán bộ tổ dân phố 27, Phường 6)

Vấn đề bức xúc nhất hiện nay về giáo dục tại các điểm quan trắc là trường lớp bị quá tải, do không được xây dựng đồng bộ với mức tăng dân số cơ học rất cao trong các năm qua tại các địa bàn đang đô thị hóa, làm giảm cơ hội của trẻ nhập cư trong việc theo học tại các trường chính qui. Năm học 2009-2010 còn có khó khăn đặc thù là số học sinh vào lớp 1 tăng đột biến, do các gia đình chọn sinh con có tuổi đẹp vào năm 2003 (năm Quý Mùi tức "dê vàng"), đến 2009 là các em đủ tuổi vào lớp 1. Tại Gò Vấp, các trường phải đưa ra phương án hạn chế số lớp học bán trú, tăng số lớp học 1 buổi nhằm tạo điều kiện cho mọi trẻ em kể cả trẻ em nhập cư được đi học.

7. Xem thêm báo cáo "Tác động của khủng hoảng tài chính ÷ kinh tế đối với công nhân nữ nhập cư và những rủi ro về mua bán người" của Trung tâm C&D và ActionAid, tháng 7/2009.

Khó khăn về học mẫu giáo và cấp tiểu học đối với trẻ nhập cư tại những địa bàn có đông người nhập cư

Xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội) là một điển hình về tình trạng quá tải trường mẫu giáo do con em công nhân nhập cư ngày càng nhiều. Tại 3 thôn của xã Kim Chung đều có trường mầm non riêng xây kiên cố nhưng không đạt chuẩn quốc gia vì số lượng học sinh trên một lớp quá đông. Riêng trường mầm non bán công thôn Bấu năm 2009 đã có gần 700 cháu. Do số trẻ em quá đông, sau khi đã nhận hết trẻ người địa phương, các thầy cô mới nhận đến trẻ nhập cư. Hiện tượng thiếu lớp học không chỉ xảy ra ở các lớp mẫu giáo mà còn ở cấp tiểu học. Trường tiểu học Kim Chung đang mượn thêm nhà văn hoá thôn để thầy cô giảng dạy. Trong một vài năm tới số lượng học sinh tiểu học sẽ còn tăng mạnh do con em công nhân bắt đầu chuyển từ mẫu giáo lên. Nắm bắt được khó khăn của xã Kim Chung, phòng giáo dục huyện đã có chủ trương cho xây thêm các phòng học mẫu giáo và phòng học cấp 1 để giải quyết vấn đề thiếu phòng học cho trẻ em nhập cư; tuy nhiên cho đến giữa năm 2009 dự án vẫn chưa được triển khai.

Học tại các trường ngoài công lập là một giải pháp cho trẻ nhập cư, nhưng chất lượng của các trường này cần được cải thiện

Một giải pháp phổ biến của trẻ nhập cư là học tại các trường ngoài công lập. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục mầm non của các cơ sở ngoài công lập là vấn đề quan tâm. Trên địa bàn phường Lâm Hà (Kiến An, Hải Phòng) hiện có nhiều lớp mầm non tư thục và "nhóm trẻ gia đình" có chi phí gửi trẻ rẻ hơn khoảng 30% so với cơ sở công lập, thời gian gửi và đón trẻ không gò bó, thường linh hoạt trong các khoản đóng nộp (như nghỉ học trên 10 buổi thì được hoàn lại một phần ba học phí, tiền ăn tính theo ngày thực tế đến lớp của trẻ). Ngược lại, các cơ sở này gặp nhiều bất lợi về phòng học chật chội (16-20m²), thiếu chỗ cho các cháu tập thể dục và vui chơi ngoài trời, các nhóm trẻ gia đình quản lý chung các cháu không phân theo từng độ tuổi, một số cơ sở thiên về "giữ trẻ" hơn là "dạy trẻ"... Phường Lâm Hà hiện có 8 lớp tư thục có đăng ký, còn lại tất cả các nhóm trẻ gia đình không có sự đăng ký và quản lý chất lượng của phòng giáo dục quận. Lãnh đạo trường mầm non công lập Hương Sen nhận xét "*phòng giáo dục chỉ có thể kiểm tra về chất lượng chuyên môn còn về dinh dưỡng hay chất lượng bữa ăn hầu như không kiểm soát được*".

Các lớp phổ cập là địa chỉ của trẻ khó khăn, trẻ nhập cư quá tuổi, nhưng cũng cần nâng cao tính chuyên cần và chất lượng học tập

Nhóm trẻ hoàn cảnh khó khăn, trẻ quá tuổi có thể theo học tại các lớp phổ cập. Phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM) là địa bàn triển khai mạnh các lớp phổ cập. Đa số học sinh học lớp phổ cập ở Phường 6 là trẻ nhập cư nghèo. Các em được ưu tiên hỗ trợ của trường cấp 1, các chùa, các nhà hảo tâm và chương trình ActionAid, như được miễn học phí và các khoản đóng góp, hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập, tổ chức thăm quan vào dịp hè, tặng học bổng, mua thẻ BHYT miễn phí. Tuy nhiên, chất lượng học tập của trẻ em tại các lớp phổ cập còn hạn chế, do đa số trẻ vừa đi học, vừa phải đi bán vé số, đi làm muốn kiếm tiền phụ giúp gia đình nên tỷ lệ chuyên cần không cao.

--- "*Năm học 2008-2009 có 116 em học lớp phổ cập cấp 1 của trường Hoàng Văn Thụ, đa số là trẻ thuê mượn nhà, chỉ khoảng 20 trẻ là người địa phương. Địa điểm học tại chùa Kỳ Quang vì bên đó rộng rãi còn giáo viên vẫn là giáo viên của trường Hoàng Văn Thụ. Ở đây không có sự phân biệt là dạy lớp phổ cập chỉ cần giáo viên dạy đỡ đầu mà có khi còn phải chọn giáo viên dạy tốt nhất. Chỉ cần chất lượng dạy không tốt là đổi giáo viên liền. Tất cả để tạo điều kiện cho trẻ đi học thoải mái nhất. Thậm chí dành tất cả những gì ưu tiên nhất cho lớp này như đầu năm cho sách vở học phí, AAV cũng mua bảo hiểm y tế cho trẻ học phổ cập. Trường còn thuê cả giáo viên nước ngoài trực tiếp dạy Anh văn cho các em 3 buổi/tuần từ 2h – 4h30 chiều. Rồi ngày 1/6 cũng được đi chơi miễn phí...*"

"...Được hỗ trợ như thế nhưng tỷ lệ chuyên cần không cao, có trường hợp do trẻ làm biếng nhưng cũng có trường hợp bố mẹ không cho đi học, trẻ phải đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình. Mấy trường hợp này chủ yếu là mấy gia đình muốn nhà người miễn Tây, bố mẹ nghèo làm nghề lao động tự do. Có khi đầu năm, tất cả các đoàn thể phối hợp đi vận động được khoảng 200 em nhưng cuối năm chỉ còn hơn 100 em đi học." (cô N.H.H, trường Hoàng Văn Thụ, Phường 6).

Tình trạng khám chữa bệnh vượt tuyến khá phổ biến

Y tế được người dân nghèo rất quan tâm, vì sức khỏe là vốn quý nhất của họ để mưu sinh. Tình trạng khám chữa bệnh vượt tuyến khá phổ biến. Đa số người dân đô thị được phỏng vấn cho biết họ thường sử dụng dịch vụ y tế ở các bệnh viện quận/huyện, thành phố hoặc sử dụng dịch

vụ tư nhân thay vì đến trạm y tế phường, xã. Trong trường hợp này, điều kiện kinh tế và các mối quen biết sẽ quyết định cách khám chữa bệnh của từng hộ gia đình.

Số người mua BHYT tự nguyện tăng, nhưng còn mang tính đối phó

Số lượng người mua thẻ BHYT tự nguyện đã tăng mạnh trong năm 2009 so với năm 2008 do những cải tiến trong chính sách mua thẻ BHYT (có thể mua cho từng người, thay vì phải mua cho cả gia đình như trước đây), và do người dân đã thấm thía về chi phí khám chữa bệnh cao khi không có thẻ BHYT. Tuy nhiên người dân mới chủ yếu quan tâm đến mua BHYT cho những thành viên gia đình hay đau yếu, người già để giảm nhẹ chi phí khi nếu phải điều trị dài ngày tại bệnh viện. Cán bộ Hội phụ nữ phụ trách BHYT phường Lâm Hà cho biết *"năm 2008 toàn phường Lâm Hà có 212 người mua BHYT tự nguyện thì chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2009 đã có 268 người mua, nhưng toàn là người có bệnh mới mua"*.

Các bệnh viện quận/huyện và thành phố quá tải, người dân còn phản nản về cung cách phục vụ người có thẻ BHYT

Các bệnh viện cấp quận/huyện và thành phố luôn ở trong tình trạng quá tải bệnh nhân. Người dân thường phản ánh về thái độ phục vụ chưa tốt, thời gian chờ đợi kéo dài khi đến bệnh viện khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT. Tình trạng quá tải của các bệnh viện cấp quận/huyện ngày càng trầm trọng dẫn đến giảm chất lượng dịch vụ, nhất là từ ngày 1/7/2009 thực hiện Luật BHYT quy định người có thẻ BHYT đăng ký khám chữa bệnh trước hết ở tuyến quận/huyện (hoặc phường/xã). Tình trạng quá tải của bệnh viện nếu không được cải thiện, lại làm giảm động cơ mua thẻ BHYT tự nguyện của người dân.

--- *"Tôi có mua BHYT năm nay nhưng năm sau là không mua nữa. Có đợt lên bệnh viện 3 lần nhưng ngồi chờ danh sách phải nửa buổi, thuốc uống thì không khỏi. Không chỉ có mình tôi mà tất cả mọi người có BHYT chờ ít nhất là 3 tiếng, gặp bác sĩ ngồi kể 1 hồi sau đó đi thử máu, chiếu hoặc 2-3 hôm có kết quả. Nếu mà lấy thuốc miễn phí chờ không được, sáng hôm sau qua lấy... BHYT nhức nhối lắm, đó là còn đi khám đúng tuyến"* (N.T.S, nam giới nghèo tổ dân phố 25, phường 6, quận Gò Vấp).

Người đến khám tại trạm y tế cơ sở chủ yếu là trẻ em và người già có thẻ BHYT

Những người đến khám ở trạm y tế phường, xã chủ yếu là trẻ em và người già có thẻ BHYT. Tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), người dân địa phương đánh giá khá cao cơ sở vật chất và chất lượng khám bệnh của trạm y tế xã, số người đến khám khá đồng (bình quân khoảng 40 ca/ngày).

Có rất ít người dân tại các khu vực đô thị kể cả người nghèo đến khám tại trạm y tế phường. Cơ sở vật chất quá thiếu thốn là một lý do quan trọng khiến người dân không mấy tin tưởng vào trạm y tế phường, dù các trạm đã có bác sĩ. Trạm y tế phường Lâm Hà (Kiến An, Hải Phòng) hiện tại vẫn phải mượn địa điểm tại Nhà văn hóa khu dân cư (dù phường đã tách riêng từ năm 2005). Trạm chỉ có 1 giường bệnh, không có buồng bệnh riêng, không có khu vệ sinh, trang thiết bị nghèo nàn nên việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân rất hạn chế, chủ yếu thực hiện việc tiêm chủng cho trẻ em dưới 6 tuổi. Trạm y tế của phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM) hiện vẫn dùng chung một trạm y tế Phường 17 trên diện tích chật hẹp (từ khi chia tách 2 phường đầu năm 2007, mặc dù con người và trang bị đã tách riêng). Số người đến khám tại trạm y tế phường 6 bình quân chỉ đạt khoảng 40 ca/tháng.

Rất ít người đến khám tại trạm y tế cơ sở, một lý do quan trọng là cơ sở vật chất kém

Người nhập cư làm nghề lao động tự do chưa quan tâm đến mua thẻ BHYT

Người nhập cư làm nghề lao động tự do hầu hết không mua BHYT. Khi bị bệnh nhẹ họ tự mua thuốc, khi bệnh nặng họ thường đến bệnh viện khám chữa theo dạng dịch vụ hoặc về quê. Tại Phường 6, khoảng một nửa trong số 40 người hàng tháng đến thăm khám tại trạm y tế phường là người nhập cư nghèo thuê nhà trọ ở gần trạm, vì trạm thu phí mỗi lần khám bệnh rất rẻ, chỉ có 3.000 đồng. Số còn lại đến khám tại trạm y tế phường là trẻ em địa phương có thẻ BHYT. Việc khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ nhập cư dưới 6 tuổi tại trạm y tế phường vẫn gặp khó khăn về thủ tục. Hàng năm các trạm có 2 đợt khám bệnh miễn phí cho người nghèo, người cao tuổi, nhưng do định mức mỗi đợt chỉ có khoảng 70-80 suất khám nên trạm dành ưu tiên khám miễn phí cho người bản xứ.

--- *"Hiện nay việc khám miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi chủ yếu vẫn khám cho người địa phương. Từ tháng 6 năm 2008, trẻ nhập cư gặp khó khăn vì có quy định trẻ khám bệnh tại nơi đăng ký trên thẻ, mà thẻ thì được cấp từ quê. Cũng có thể cầm giấy tạm trú đến phường đổi thẻ lại nhưng ít người làm lắm, họ ngại các thủ tục phường xã..."*.

--- "...Bệnh nhân hình như không tin tưởng trạm y tế hay sao đó, họ tự vượt tuyến luôn. Nhiều trường hợp đến khám, mình phát thuốc miễn phí họ còn không nhận, họ kêu là thuốc rẻ tiền, không chữa được bệnh. Ngoài mấy đợt khám miễn phí định kỳ, bệnh nhân của trạm thường là mấy người nghèo, nhất là mấy người thuê mướn nhà trọ. Thu của họ có 3,000 đồng tiền khám thôi. Đa số họ không mua thuốc đâu vì một đợt điều trị mình kê cho họ từ 5-7 ngày mới đủ liều, mà họ không mua, họ chỉ uống một ngày thuốc thôi là họ nói họ khỏi rồi" (chị P.B.T, cán bộ trạm y tế Phường 6).

Công nhân nhập cư có xu hướng thay đổi việc làm thường xuyên cũng ít quan tâm đến BHXH và BHYT

Công nhân nhập cư có hợp đồng chính thức tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp ngoài quốc doanh lớn được mua BHYT tại các bệnh viện quận huyện hoặc thành phố. Tuy nhiên, do các bệnh viện khá xa nên nếu bệnh nhẹ đa số công nhân thường tự ra hiệu thuốc mua cho tiện. Còn công nhân làm ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh qui mô nhỏ, có xu hướng thay đổi việc làm thường xuyên và ít quan tâm đến BHYT (cũng như BHXH).

Nhóm nghèo lõi gặp khó khăn đặc thù, hầu hết không có nhu cầu vay vốn

Vay vốn. Sự tiếp cận của người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư với nguồn vốn ưu đãi tùy thuộc vào cách triển khai các chương trình hỗ trợ ở từng địa bàn. Tại phường Lâm Hà, số hộ nghèo trong danh sách chính thức đều gặp những khó khăn đặc thù và hầu hết không có nhu cầu vay vốn. Chỉ có 1/19 hộ nghèo của phường có vay vốn ưu đãi, nhưng là để mua sắm đồ dùng trong gia đình và trang trải chi phí sinh hoạt. Người nhập cư thường không được đưa vào diện bình xét hộ nghèo, nên không tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi cũng như các chính sách hộ nghèo khác.

Có nhiều nguồn vốn tín dụng mà người nghèo có thể tiếp cận

Tại xã Kim Chung, người nghèo có thể vay vốn từ nhiều nguồn vốn, như từ Quỹ tín dụng của xã hoặc từ NHCSXH. Nguồn vốn vay thường được sử dụng để chăn nuôi, chuyển đổi cây trồng (chủ yếu là chuyển từ cây lúa sang cây bưởi diêm và từ lúa sang rau màu để phục vụ nhu cầu của công nhân nhập cư). Ngoài ra, nhiều hộ gia đình còn sử dụng nguồn vốn vay để xây nhà trọ cho thuê.

TP.HCM chia người nghèo thành 2 nhóm với chính sách tín dụng ưu đãi khác nhau

Tại Gò Vấp, hầu hết người nghèo "có mã số" đều được vay vốn ưu đãi từ các nguồn khác nhau. Từ đầu năm 2009, khi nâng chuẩn nghèo lên 12 triệu đồng/người/năm ở khu vực thành thị, thành phố Hồ Chí Minh đã chia ra 2 mức hỗ trợ để phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố: những hộ có mức thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm được vay vốn từ Quỹ giảm nghèo và được trợ cấp 100% thẻ BHYT, còn những hộ có mức thu nhập từ 8 đến 12 triệu đồng/người/năm sẽ vay vốn từ NHCSXH, và được trợ cấp 50% thẻ BHYT (giống như chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo ở các địa phương khác). Sự tích cực của cán bộ giảm nghèo chuyên trách của Phường, sự quan tâm hỗ trợ của tổ dân phố và các ban ngành đoàn thể đã giúp việc tiếp cận vốn ưu đãi của hộ nghèo thuận lợi hơn.

Phát triển các hoạt động tổ nhóm là cách tăng vốn xã hội cho người nghèo, giúp họ tiếp cận tín dụng hơn

Phát triển các hoạt động theo tổ nhóm là một cách tăng cường vốn xã hội của người nghèo. Tiếp cận vốn vay nên được coi là một lợi ích lồng ghép trong nhiều lợi ích quan trọng khác về nâng cao nhận thức và chia sẻ cộng đồng khi hoạt động theo tổ nhóm. Các loại hình tổ nhóm cho người bản xứ và người nhập cư ở quận Gò Vấp, trong đó một số hoạt động có sự hỗ trợ của chương trình ActionAid, đã từng bước phát huy hiệu quả (Bảng 5). Một số phụ nữ nhập cư được vay vốn đã bớt khó khăn trong đời sống vì không phải vay nặng lãi bên ngoài, có thêm vốn để buôn bán nhỏ (Hộp 6). Tuy nhiên, số người hưởng lợi từ những mô hình này còn thấp. Quản lý nhóm đang là khó khăn của hầu hết các tổ nhóm, CLB của người nhập cư do một số người thường xuyên thay đổi nơi ở, gây rủi ro trong quá trình thu hồi vốn.

HỘP 6: Phụ nữ nhập cư vay vốn

Chị H.T.C sinh năm 1961 tuổi quê ở Quảng Ngãi lên thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp đến nay đã trên 10 năm. Thời gian đầu, cuộc sống của 2 vợ chồng và 5 người con tại thành phố gặp nhiều khó khăn vì cả hai vợ chồng đều không có việc làm ổn định. Nguồn sinh kế chính

của gia đình là từ gánh sữa đậu nành, hột vịt bán rong hàng ngày với vốn xoay vòng vào khoảng 300,000 đồng. Buôn bán nhỏ, nhà đông người, con cái còn đi học, *“ăn uống kham khổ, nhiều khi còn không có gì ăn”*, chị thường xuyên phải vay nặng lãi để trang trải cuộc sống.

Biết hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, Ban quản lý chương trình phát triển AAV quận Gò Vấp cùng với Hội Phụ nữ đã mời chị tham gia tổ nhóm tiết kiệm tín dụng dành cho phụ nữ nghèo nhập cư. Sau khi vào nhóm, chị được vay vốn với định mức từ 1,5 - 2 triệu/ đợt, mỗi đợt vay trong 3 tháng với lãi suất 1,5%. Theo quy định của nhóm, tiền vốn và lãi sẽ được nộp cho nhóm trưởng theo ngày, định mức từ 20.000 - 30.000 đồng/ngày, ngoài ra còn khuyến khích các chị gửi tiền tiết kiệm cá nhân từ 2.000 - 10.000 đồng/ngày tùy theo mức thu nhập của từng thành viên. Nhờ có vốn vay từ dự án tiết kiệm tín dụng do AAV hỗ trợ, đời sống của gia đình chị C. đã được cải thiện hơn.

Các đoàn thể có thể giúp người nghèo thông qua các hoạt động tổ nhóm tiết kiệm-tiết kiệm của mình

Các hội đoàn thể như Hội Phụ nữ cũng tổ chức góp vốn quỹ để cho vay xoay vòng. Nguồn vốn cho vay từ chương trình này không lớn, nhưng cả phụ nữ nghèo và không nghèo, có hộ khẩu hay không có hộ khẩu đều có thể tiếp cận để phục vụ buôn bán nhỏ hoặc chăn nuôi. Như tại tổ 30, phường Lâm Hà (Kiến An, Hải Phòng), từ năm 2008 đã thành lập "tổ phụ nữ giúp nhau làm kinh tế" với sự tham gia của 50 chị, mỗi người góp 10.000 đồng/tháng. Sang năm 2009 số thành viên tham gia tăng lên 80 chị, chiếm hầu như toàn bộ hội viên Phụ nữ trong tổ, gồm cả các chị thường trú và tạm trú, số tiền góp quỹ cũng tăng lên 20.000 đồng/tháng. Mỗi đợt tổ cho 2-3 người vay với mức vay 1 triệu đồng trong 6 tháng, trả lãi 1%/ tháng. Sự quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng cho tổ 30 trong năm 2009 cũng góp phần thúc đẩy các phong trào đoàn thể sôi nổi hơn các năm trước.

Chính sách cho sinh viên nghèo vay vốn rất có tác dụng

Chương trình cho sinh viên học sinh các gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình gặp khó khăn vay vốn ưu đãi tiếp tục được triển khai rộng rãi trong năm 2009 và được người dân đánh giá cao. Tại các điểm quan trắc có nhiều trường hợp hộ nghèo vẫn cố lo cho con học đại học; nguồn vốn vay từ chương trình sinh viên, học sinh thực sự là một hỗ trợ thiết thực đối với họ. Tâm lý vay vốn sinh viên, học sinh của người dân cũng như cán bộ tín dụng cũng thoải mái hơn so với vay vốn để đầu tư vào sản xuất, vì việc sử dụng vốn linh hoạt và không phải chịu áp lực hoàn trả vốn vay trong ngắn hạn.

Bảng 5: Một số mô hình tổ nhóm trên địa bàn Phường 6 (Gò Vấp, TP. HCM)

	Tổ tự quản giảm nghèo	CLB vươn lên	CLB vượt khó	CLB Đồng cảm	CLB Phát triển Cộng đồng
Đối tượng tham gia	Tất cả hộ nghèo có mã số	PN nhập cư, PN nghèo. Có 15 thành viên nữ	Công nhân nhập cư. Có 18 thành viên nữ	Các bà mẹ có con em nghiện ma túy. Có 6 thành viên	Các nhóm sinh hoạt tại cộng đồng
Nguồn hỗ trợ	Quỹ giảm nghèo Thành phố	AAV	AAV	Hội Phụ nữ Quận	AAV
Cách thức hoạt động	Cho vay vốn	Tổ chức nhóm, họp nhóm định kỳ 1tháng/lần Cho vay vốn	Tổ chức nhóm, họp định kỳ 1 tháng/lần. Tổ chức tập huấn Tổ chức hội thi “Tiếng hát công nhân”	Tổ chức nhóm, họp chuyên đề/tháng/lần	Họp nhóm định kỳ 1 tháng/lần Giải quyết những bức xúc của các nhóm đưa lên Phân tích ngân sách
Lợi ích kinh tế	Các hộ nghèo được quan tâm và hướng mọi quyền lợi về Y tế, Giáo dục. Giúp hộ nghèo giảm bớt khó khăn, nâng cao đời sống		Trao quà tết cho CN. Hỗ trợ đóng học phí, quần áo, sách vở cho con em các thành viên		
Lợi ích xã hội		Phổ biến các chính sách, pháp luật. Chia sẻ, giúp đỡ về tinh thần	Nâng cao nhận thức cho CN. Được tập huấn các kỹ năng sống, giúp tổ chức cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Giảm nguy cơ BLGD	Chia sẻ thông tin giữa các thành viên. Truyền đạt kiến thức chăm sóc người có H	Giúp lãnh đạo phường nắm bắt và giải quyết kịp thời những bức xúc của cộng đồng thông qua các nhóm sinh hoạt chủ chốt
Khó khăn	Một số hộ nghèo có tính ỷ lại: khi mức sống đã khác nhưng không chịu ra chương trình. Nhiều hộ không chịu trả vốn, mặc dù thu nhập có khá hơn	Đối tượng chủ yếu là lao động nặng nhọc, CN nhập cư nên việc họp và duy trì sinh hoạt không đều. Chỗ ở các thành viên thay đổi liên tục		Ít người tham gia Không có kinh phí để duy trì hoạt động Tập họp khó	
Thuận lợi	Tổ tự quản phối hợp chặt chẽ với Ban XĐGN Phường, từ đó có những đề xuất kịp thời giải quyết các hộ nghèo bớt phần khó khăn	Được hỗ trợ kinh phí sinh hoạt nhóm Các chi tự tin trao đổi thông tin	Các thành viên ở gần nhau nên dễ kêu gọi tham gia		Trao đổi thông tin liên tục về các chính sách của địa phương xuống người dân

Nguồn: Ban Quản lý dự án AAV quận Gò Vấp, 7/2009

Các thủ tục hành chính ở cấp phường được thực hiện khá tốt	Thủ tục hành chính. Giống như năm 2008, người dân địa phương khá hài lòng với các thủ tục hành chính tại cấp phường, xã trong năm 2009. Các phường, xã vẫn tổ chức tốt "dịch vụ một cửa" cho người dân. Phường Lâm Hà (Kiến An, Hải Phòng) và Phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM) mới chia tách được vài năm nay, dân số của phường giảm đi nhiều so với lúc chưa chia tách, nên cũng giúp việc tiếp dân và làm thủ tục nhanh gọn hơn.
Thiếu trụ sở gây khó khăn về thủ tục hành chính	Riêng phường Lâm Hà chưa có trụ sở phường, đang phải nhờ nhà văn hóa của khu dân cư và thuê nhà dân với diện tích nhỏ hẹp, gây khó khăn cho việc bố trí chỗ tiếp dân, bố trí chỗ làm việc của cán bộ và công tác lưu trữ hồ sơ của phường.
Sổ đăng ký tạm trú ("sổ xanh") có nhiều tác dụng, như nhập học cho trẻ em, mua thẻ BHYT...	Đối với nhóm người nhập cư rất ít làm các thủ tục hành chính, chủ yếu chỉ khai báo tạm trú, tạm vắng thông qua chủ nhà trọ. Trước đây, khi đăng ký tạm trú thì cứ 6 tháng (sổ vàng) thì người dân phải lên đăng ký lại 1 lần. Nhưng từ đầu năm 2009, thành phố Hồ Chí Minh đã cho phép đăng ký tạm trú dài hạn, khi người nhập cư làm sổ đăng ký tạm trú mới (sổ xanh). Người dân nhập cư có thể sử dụng sổ xanh như "sổ hộ khẩu tạm thời" để làm các thủ tục hành chính tại địa bàn như thủ tục nhập học cho con, mua thẻ BHYT (còn khi mua bán tài sản có giá trị thì không được). Đây thực sự là một chính sách thuận lợi cho người nhập cư.
... và là một căn cứ để làm hộ khẩu tại thành phố	--- "Sổ xanh có tác dụng xin học cho các cháu, các cháu đi học có đầy đủ giấy tờ. Còn nếu như mua xe thì không có tác dụng, mà vẫn phải lấy tên người khác, chỉ có giấy tờ sang xe là tên mình. Còn giấy tờ chính vẫn là của người ta, nếu muốn xe mang tên chính của mình thì phải về quê có hộ khẩu" (nhóm nam nữ nghèo, tổ dân phố 27, phường 6, quận Gò Vấp). Sổ xanh cũng được dùng làm căn cứ để tính thời hạn tạm trú trên 12 tháng – một điều kiện để người nhập cư có thể làm hộ khẩu tại thành phố. Tuy nhiên, việc đăng ký hộ khẩu cho người nhập cư trong năm 2009 chưa có nhiều chuyển biến so với năm 2008, vì vướng mắc chính vẫn là chủ nhà trọ không muốn ký giấy xác nhận cho người thuê nhà để làm hộ khẩu có địa chỉ tại nhà mình.
Bỏ cấp khu phố, chuyển sang mô hình 2 cấp là một bước cải cách hành chính mới đây ở Hải Phòng	Mô hình quản lý 2 cấp. Báo cáo nghèo đô thị năm 2008 đã nêu một số hạn chế của mô hình quản lý ở cấp cơ sở khu vực đô thị theo 3 cấp (phường, khu dân cư và tổ dân phố). Năm 2009 tại Hải Phòng đang chuyển sang mô hình quản lý 2 cấp (phường, tổ dân phố) theo quyết định của UBND thành phố. Hiện nay phường Lâm Hà đã kiện toàn xong bộ máy để chuẩn bị chính thức áp dụng mô hình hai cấp. Phường Lâm Hà sẽ xóa bỏ 5 khu dân cư, dự kiến từ 46 tổ dân phố cũ sẽ hợp nhất thành 25 tổ dân phố mới, mỗi tổ dân phố sẽ gồm 100 - 200 hộ gia đình sống liền kề. Mô hình hai cấp sẽ giúp cải thiện luồng thông tin 2 chiều từ phường đến người dân và từ người dân đến phường. Tuy nhiên việc thực hiện mô hình 2 cấp cũng sẽ làm tăng ngân sách cho địa phương (phụ cấp cho các tổ trưởng dự kiến tương đương trưởng khu dân cư trước đây). Các năm trước có phong trào xây dựng "khu dân cư văn hóa", có nơi người dân đã góp hàng tỷ đồng để xây nhà văn hóa khu dân cư, nay không còn cấp khu dân cư nữa sẽ phải có qui chế sử dụng chung nhà văn hóa.
Tổ trưởng tổ dân phố đóng vai trò quan trọng về truyền tải thông tin trong mô hình 2 cấp	Trong mô hình 2 cấp, vai trò của tổ trưởng tổ dân phố rất quan trọng. Tổ trưởng tổ dân phố là "cánh tay nối dài" của phường trong việc triển khai mọi chính sách, chương trình, dự án ở cơ sở. Tổ trưởng tổ dân phố là đại diện cho tiếng nói của người dân, nắm cụ thể hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của từng người dân trong tổ để đưa ra những đề xuất, kiến nghị đến cấp trên. Thực tế, nơi nào tổ trưởng tổ dân phố năng động tích cực và được sự tín nhiệm của người dân sẽ đẩy mạnh được các hoạt động cộng đồng, tạo thuận lợi cho việc triển khai các chính sách và chương trình, dự án (Hộp 7).

HỢP 7: Một người tổ trưởng dân phố được bà con tín nhiệm

Anh N.N.C, tổ trưởng tổ dân phố 30 phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng) là một trong những người tổ trưởng nhận được sự tín nhiệm cao của người dân. Anh đã phối hợp cùng trưởng Khu dân cư số 4 và lãnh đạo phường Lãm Hà bàn bạc, tìm hướng giải quyết các khó khăn, tồn tại để giúp nâng cao đời sống người dân trong tổ. Từ năm 2008 đến năm 2009, các công trình đường sá, cấp điện, hệ thống loa truyền thanh của tổ 30 đã được đầu tư nâng cấp, trong đó có một phần công sức nhỏ bé của anh. Kể từ khi anh làm tổ trưởng, việc thu nộp các khoản thuế và lệ phí, huy động người dân tham gia các hoạt động phong trào mang tính cộng đồng trong tổ đã có nhiều khởi sắc.

Anh luôn nhiệt tình với mọi công việc chung của tổ. Anh thường đến từng hộ gia đình để tìm hiểu cụ thể hoàn cảnh sống, họ đều cảm mến anh bởi tinh thần cởi mở của một người hàng xóm chân tình. Một số trường hợp gia đình neo đơn, tàn tật đã được anh quan tâm để nhận được sự hỗ trợ từ cộng đồng và chính quyền đoàn thể. Anh tâm sự *"các anh chị ấy đã tín nhiệm bầu mình thì mình phải hết lòng với công việc, mình có phải hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của tập thể thì cũng là việc nên làm"*. Chính vì vậy anh luôn nhận được sự yêu quý của người dân trong tổ, mọi người đều coi anh như là một người thân, là người tổ trưởng làm việc hết mình vì dân.

Sáng kiến thành lập tổ bảo vệ dân phố được người dân hoan nghênh ở TP.HCM

Đảm bảo an ninh trật tự. Trong 3 điểm quan trắc nghèo đô thị, công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn khu dân cư tại Phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM) có sự tiến triển rõ rệt trong năm 2009 so với năm 2008 nhờ việc thành lập các "Tổ bảo vệ dân phố" (cấp tổ dân phố) và "Ban bảo vệ dân phố" (cấp phường) theo chủ trương chung của Thành phố. Ban bảo vệ dân phố Phường 6 gồm 24 thành viên, chia thành 6 chốt canh gác 24/24h, lấy địa điểm dân phòng làm chỗ quản lý. Chế độ chính sách của thành viên Ban Bảo vệ dân phố được Thành phố chi trả, gồm phụ cấp 900.000 đồng/tháng, được đóng BHYT, được cấp một năm 2 bộ quần áo và được trang bị phương tiện làm việc (sổ sách, gậy nghiệp vụ, sấp tới có bộ đàm), được huấn luyện hàng năm và hưởng trợ cấp thêm tiền những ngày đi học. Ngoài ra, mỗi tổ dân phố còn chi phụ cấp thêm 300.000 - 500.000 đồng/tháng cho thành viên tổ bảo vệ của tổ dân phố mình từ tiền quỹ của tổ dân phố.

Tổ bảo vệ dân phố hỗ trợ đăng ký tạm trú tạm vắng, xử lý ban đầu các vụ việc về an ninh trật tự trên địa bàn

Từ năm 2008 trở về trước, việc tổ chức đảm bảo an ninh trật tự do các Tổ dân phòng của từng khu dân cư tự quản, năm 2009 được thay bằng lực lượng bảo vệ dân phố. Ưu điểm của mô hình kết nối các Tổ bảo vệ dân phố của từng khu dân cư/tổ dân phố trong Ban bảo vệ dân phố cấp Phường là khi có vụ việc gì xảy ra trên địa bàn Phường là có thể huy động rất nhanh toàn bộ các thành viên trong Ban, *"chỉ cần 1 cú điện thoại thì cán bộ ở các tổ khác đến liền"*. Tổ bảo vệ dân phố hỗ trợ rất đắc lực cho cảnh sát khu vực trong công việc quản lý tạm trú tạm vắng, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý ban đầu các vụ việc như trộm cắp, đập độ xe, đánh nhau... trên địa bàn. Qua phỏng vấn, người dân đều khá hài lòng về hoạt động tuần tra canh gác của lực lượng bảo vệ dân phố.

1.3.5 Bảo trợ xã hội

Người dân chưa quan tâm đến đóng BHXH tự nguyện BHYT theo cách hiện nay

Tại cả 3 điểm quan trắc, cho đến giữa năm 2009 chưa có người dân nào đóng BHXH tự nguyện. Thời gian đóng BHXH để được hưởng lương hưu khá dài (20 năm), trong khi đó cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn trước mắt. Thiếu hiểu biết về tác dụng của BHXH cũng là lý do cản trở họ tham gia BHXH tự nguyện. Nhóm cán bộ xã Kim Chung cho biết *"Cán bộ xã thì có tham gia BHXH bắt buộc nhưng người dân thì không tham gia BHXH tự nguyện. Khi có chỉ thị ở bên trên xuống là đài truyền thanh đã phát và tuyên truyền trên đài nhưng mọi người vẫn chưa hiểu được tác dụng của việc đóng BHXH nên chẳng ai mua"*.

Công nhân nhập cư ít quan tâm đến BHXH, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng ít quan tâm đến đóng bảo hiểm cho công nhân

Công nhân nhập cư được phỏng vấn thường ít quan tâm đến BHXH và kể cả bảo hiểm thất nghiệp (áp dụng từ 1/1/2009). Công nhân nhập cư thường có tâm lý coi đi làm công nhân là công việc ngắn hạn, có thể thay đổi chỗ làm thường xuyên (do công ty cho nghỉ việc hoặc công nhân chủ động xin nghỉ để tìm chỗ làm khác có thu nhập cao hơn), nên họ quan tâm hơn đến thu nhập nhận được hàng tháng ngay để trang trải các chi phí cuộc sống ở đô thị và có phần tiết kiệm, gửi về nhà giúp đỡ gia đình. Một số doanh nghiệp vừa và nhỏ còn ít quan tâm đến việc đóng BHXH và bảo hiểm thất nghiệp cho công nhân. Nhóm cán bộ quận Gò Vấp chia sẻ *“Hàng năm quận đã thống kê những doanh nghiệp, đặc biệt là may mặc. Những doanh nghiệp lớn có tiếng, có chế độ cho người lao động, còn một số doanh nghiệp có 200 lao động đổ lại, thường trốn. Mình phải chủ động trước, mình phải hỏi số lượng công nhân anh mua bảo hiểm được, hỏi tại sao không mua và tác động vô thì họ mới tham gia mua cho người lao động, Mình cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp mua bảo hiểm cho người lao động. Một số doanh nghiệp nhỏ không ký hợp đồng lao động”*.

Hộ cận nghèo được hỗ trợ 50% thẻ BHYT, tùy từng địa phương hỗ trợ phần còn lại

Chính sách hỗ trợ BHYT đã được triển khai rộng khắp (cho các đối tượng người nghèo, người có công, trẻ em dưới 6 tuổi, người thuộc diện trợ cấp bảo trợ xã hội, người hưởng lương hưu...). Một số hạn chế về BHYT đã nêu ở mục Y tế trong phần Tiếp cận dịch vụ công ở trên. Năm 2009 có thêm chính sách hỗ trợ người cận nghèo về BHYT: người cận nghèo được Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí BHYT tự nguyện, các địa phương có thể hỗ trợ thêm, phần còn lại do người dân tự đóng. Thực tế tại xã Kim Chung, do số người cận nghèo quá ít (cả xã chỉ có 4 hộ cận nghèo), chính quyền xã đã mạnh dạn xuất quỹ của xã để hỗ trợ 100% tiền mua thẻ BHYT cho các hộ cận nghèo này.

TP.HCM chia người nghèo thành các nhóm để có chính sách bảo trợ xã hội riêng

Riêng thành phố Hồ Chí Minh có cách làm khác: từ đầu năm 2009 khi tăng chuẩn nghèo lên mức 12 triệu đồng/người/năm ở khu vực thành thị, thành phố đã chia thành 2 nhóm nghèo: nhóm nghèo dưới 8 triệu đồng/người/năm được hỗ trợ 100% thẻ BHYT, còn nhóm nghèo từ 8 đến 12 triệu đồng/người/năm được hỗ trợ 50% thẻ BHYT (giống như chính sách cho người cận nghèo ở các nơi khác). Việc cho vay vốn ưu đãi cũng có sự phân biệt: nhóm dưới 8 triệu được ưu tiên vay vốn từ Quỹ Giảm nghèo của thành phố (thủ tục nhanh gọn hơn), còn nhóm từ 8-12 triệu được vay vốn từ NHCSXH và các nguồn khác. Thành phố Hồ Chí Minh còn có chủ trương đưa người nghèo do lớn tuổi, mất sức lao động, ốm đau bệnh tật... không có khả năng làm ăn vượt nghèo ra khỏi để án giảm nghèo của Thành phố để có chính sách bảo trợ xã hội riêng. Chủ trương này được cán bộ cơ sở rất hoan nghênh, vì những người nghèo không có khả năng làm ăn thực sự cần có chính sách hỗ trợ riêng, và áp lực ở cơ sở về phần đầu hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm sẽ giảm nhẹ đáng kể. Cách làm của thành phố Hồ Chí Minh gợi mở về một hướng tiếp cận hơi khác với các chính sách giảm nghèo chung hiện nay, đó là cần có sự phân loại trong bản thân nhóm hộ nghèo để có chính sách hỗ trợ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Xóa nhà tạm ở đô thị ngày càng khó khăn vì còn ít nhà tạm và giấy tờ nhà đất không đầy đủ

Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về xóa nhà tạm, chống dột tại các khu vực đô thị rất được người nghèo hoan nghênh, nhưng ngày càng khó khăn vì số nhà tạm ngày càng ít và vì yếu tố nguồn gốc đất không rõ ràng. Nhiều hộ nghèo không có giấy tờ đất đai đầy đủ do đất mượn ở tạm, đất lấn chiếm, đất đang tranh chấp hoặc vướng qui hoạch... Quận Gò Vấp thừa nhận sách hỗ trợ chống dột trong năm 2009 không giải ngân hết. Nhóm nòng cốt tổ dân phố 25, Phường 6 cho biết *“Tìm được hộ nào làm nhà tình thương chống dột cũng khó, ví dụ như có hộ nhà rách nát, nhưng đất lấn chiếm, không có giấy tờ... Cả khu phố có 2-3 hộ nằm trong tiêu chuẩn chống dột”*.

Mức hỗ trợ BHXH chưa theo kịp mức lạm phát hàng năm

Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 67/CP đã được triển khai tại các điểm quan trắc, có ít trường hợp sai sót. Tuy nhiên qui định một số nhóm đối tượng phải thuộc hộ nghèo mới được hỗ trợ, ví dụ như nhóm người khuyết tật, cũng chưa thực sự phù hợp. Mức hỗ trợ tối thiểu 150.000 đồng/tháng ở Hà Nội và TP.HCM cũng quá thấp, chưa theo kịp tình hình lạm phát trong 2 năm qua. Riêng TP.HCM đã hỗ trợ trượt giá thêm cho các đối tượng chính sách 50.000 đồng/tháng từ tháng 7/2008, và tiếp tục thực hiện chính sách này đến hết năm 2009 (trích từ nguồn Quỹ Giảm nghèo của Thành phố). Các cụ ông cụ bà phải trên 85 tuổi mới được nhận hỗ trợ, trong khi số này rất ít. Các địa phương đề xuất nên giảm tuổi hỗ trợ xuống, ví dụ là 80 tuổi.

Ít người nghèo bản xứ theo chương trình học nghề, trong khi chưa có chính sách hỗ trợ học nghề cho người nhập cư

Hỗ trợ học nghề và giải quyết việc làm cho người nghèo đô thị rất được các địa phương quan tâm, dành ngân sách để thực hiện. Công tác tuyên truyền vận động cũng được thực hiện nhiều. Nhưng thực tế có rất ít người nghèo tham gia các chương trình này, vì họ còn phải lo cuộc sống trước mắt chưa tính được lâu dài, một số người nghèo tham gia học nghề sau đó cũng không tìm được việc làm. Đối với người lao động nhập cư, còn thiếu các chính sách hỗ trợ học nghề cho nhóm này.

--- "Có ít hộ nghèo học nghề lắm. Là do học không tiếp thu và chỉ muốn kiếm tiền nhanh không muốn đầu tư học lâu. Ở phường cũng có trung tâm dạy nghề Quang Trung, có dán các thông báo ở tổ khu phố, cũng có tổ chức tuyên truyền nhiều nhưng mà họ không đi" (nhóm cán bộ Phường 6, quận Gò Vấp, TP.HCM).

--- "Cách đây 3 năm, Hội phụ nữ xã đã mời được 3 em theo học nấu ăn tham gia học nghề nấu ăn, 1 em học nghề sửa xe nhưng cuối cùng chỉ có 1 em theo học nghề nấu ăn theo đến cùng nên được thầy giáo giới thiệu làm khách sạn. Còn lại 3 em kia không kiên nhẫn được nên bỏ học. Năm ngoái thì chẳng có ai. Mỗi em học được hỗ trợ 1.500.000 đồng" (nhóm cán bộ xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội).

Sự thành công của các vận động đóng góp ủng hộ người nghèo, người khó khăn tùy thuộc vào cách làm sáng tạo ở từng địa phương

Các hình thức hỗ trợ tại cộng đồng cho người nghèo, người hoàn cảnh khó khăn, gia đình thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng... khá đa dạng tại các điểm quan trắc. Ví dụ như tại xã Kim Chung, Hội Nông dân huyện hàng năm phát cho hộ nghèo 10kg lúa giống và 1 bao phân bón. Các phong trào vận động quyên góp hỗ trợ người nghèo, ủng hộ vùng bị thiên tai, giúp trẻ em nghèo vượt khó diễn ra khá sôi nổi với nhiều cách làm phong phú. Quận Gò Vấp- TP.HCM vẫn duy trì tốt các cuộc vận động đóng góp cho "Quỹ nghĩa tình Gò Vấp". Thực tế, các phong trào vận động quyên góp trong các doanh nghiệp và trong các trường học sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi có cách làm sáng tạo, như kinh nghiệm ở quận Kiến An- Hải Phòng (Hộp 8).

Hộp 8. Doanh nghiệp và học sinh ủng hộ người có hoàn cảnh khó khăn

Phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng) khá thành công trong việc huy động sự hỗ trợ của các doanh nghiệp trên địa bàn. Lãnh đạo phường Lãm Hà chia sẻ kinh nghiệm khi vận động doanh nghiệp "Làm trọng điểm, theo đợt hàng năm, không xin nhỏ lẻ cho các hoạt động thường xuyên của phường để gây phản cảm. Như đợt 27/7 năm 2008, phường huy động được 75 suất quà trị giá 300.000 đồng/xuất, 5 sổ tiết kiệm trị giá 1 triệu đồng/sổ cho các đối tượng thương binh liệt sỹ, gia đình có công. Mời doanh nghiệp đóng logo vào gói quà, mời truyền hình về làm phóng sự. Doanh nghiệp thấy mình bạch, quảng bá được hình ảnh. Năm 2009 có doanh nghiệp đến hỏi "năm nay có làm không?".

Nhằm giúp cho bạn nghèo vượt khó, từ năm 2005 tại các trường TH và THCS trên địa bàn quận Kiến An đã vận động các em học sinh "nuôi lợn siêu trọng" bằng cách tiết kiệm tiền cho vào lợn đất, lợn nhựa trong 15 - 20 ngày sau tết. Kết thúc cuộc vận động các trường tổ chức cuộc thi mổ lợn của trường xem lợn nào to, lợn nào béo. Nhiều trường đã thu được một mức tiền nhất định từ 2 - 7 triệu (trong năm 2009 toàn quận đã thu được 72 triệu). Mục đích của hoạt động đó là dành 25% nộp vào quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, những người gặp rủi ro, bất hạnh. Số còn lại được các trường giữ lại làm quỹ trường để tặng quà cho con các gia đình bị nhiễm chất độc màu da cam tại địa phương, cho học sinh giỏi, các em có gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn. Những món quà ý nghĩa thường bằng tiền mặt hay hiện vật được hỗ trợ trực tiếp trong ngày hội. Phong trào này giúp học sinh hình thành tinh thần tiết kiệm. và nâng cao ý thức làm những việc có ý nghĩa "lá lành đùm lá rách".

PHẦN 2.

CÁC NHÓM XÃ HỘI ĐẶC THÙ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

Hai cú sốc liên tiếp: giá cả bất lợi và khủng hoảng tài chính thế giới

Tính dễ bị tổn thương là một đặc trưng chủ đạo của nghèo đô thị, liên quan đến các nhóm xã hội đặc thù. Đợt theo dõi nghèo đô thị vòng 2 năm 2009 tiếp tục cập nhật diễn biến sinh kế và đời sống của một số nhóm xã hội đặc thù tại các điểm khảo sát, gồm nhóm công nhân nhập cư (khu vực chính thức) và nhóm lao động tự do (khu vực phi chính thức) như người buôn bán nhỏ, chạy xe ôm và xích lô. Sau cú sốc về giá cả trong năm 2008, các nhóm đặc thù này tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đang diễn ra trong năm 2009. Hỗ trợ các nhóm đặc thù dễ bị tổn thương nhằm hướng đến giảm nghèo bền vững ngày càng đặt ra cấp bách.

2.1 NHÓM CÔNG NHÂN NHẬP CƯ

Do đặc điểm nhóm công nhân nhập cư thường xuyên thay đổi nơi ở, và do mở rộng điểm khảo sát tại Hà Nội, nên mẫu khảo sát 180 công nhân nhập cư tại Hà Nội, Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) trong năm 2009 khác với mẫu khảo sát 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) trong năm 2008. Do đó việc so sánh số liệu khảo sát giữa 2 năm 2008 và 2009 như nêu ở một số bảng dưới đây cần được diễn giải thận trọng. Các nhận xét được rút ra từ số liệu phiếu hỏi kết hợp với các thông tin định tính thu thập qua các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, có lưu ý đến sự khác biệt giữa nam công nhân và nữ công nhân dưới lăng kính giới.

2.1.1 Đặc điểm nhóm

Công nhân nhập cư đa số còn trẻ, có trình độ văn hóa THCS trở lên, chưa lập gia đình, nữ đông hơn nam, đến từ các gia đình làm nông nghiệp

Đặc điểm nhân khẩu của nhóm công nhân nhập cư trong mẫu khảo sát năm 2009 không có khác biệt lớn so với mẫu khảo sát năm 2008. Trong số 180 công nhân trả lời phỏng vấn, có hai phần ba là nữ, tất cả là người Kinh.

Hình 2 cho thấy hơn bốn phần năm số công nhân nhập cư trong độ tuổi 18-30. Có ba phần tư số công nhân chưa lập gia đình. Hầu hết trong số họ có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học cơ sở (cấp 2) trở lên. Công nhân nhập cư tại Đông Anh (Hà Nội) có trình độ văn hóa cao hơn công nhân nhập cư tại Kiến An (Hải Phòng) và Gò Vấp (TP.HCM), có thể lý giải là do công nhân nhập cư thuộc diện khảo sát ở Đông Anh hầu hết đang làm việc tại Khu công nghiệp Thăng Long – nơi tập trung đông các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chủ yếu từ Nhật Bản) có yêu cầu học vấn của công nhân khá cao.

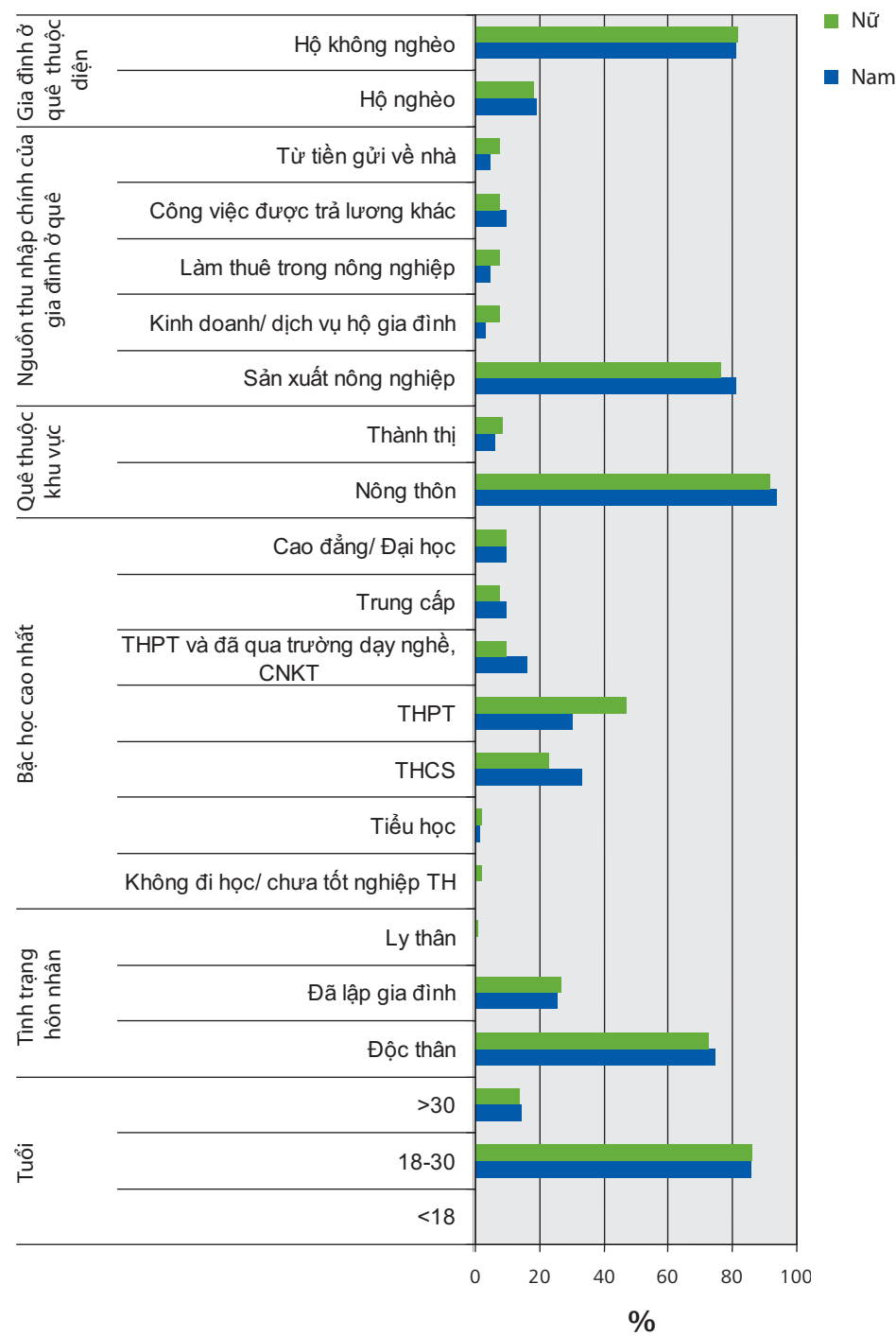
Nhóm nghèo nhất ở nông thôn ít có điều kiện ra thành phố làm công nhân

Hầu hết công nhân nhập cư đến từ các gia đình làm nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Xuất xứ công nhân có sự khác nhau giữa 3 điểm quan trắc: công nhân tại Đông Anh (Hà Nội) chủ yếu đến từ các tỉnh đồng bằng sông Hồng và các tỉnh miền Trung từ Nghệ An đổ ra; công nhân ở Kiến An (Hải Phòng) chủ yếu đến từ các huyện ngoại thành và một số tỉnh lân cận; còn công nhân tại Gò Vấp (TP.HCM) chủ yếu đến từ các tỉnh miền Tây Nam bộ và Bắc Trung bộ từ Thanh Hóa đổ vào.

Gần một nửa số công nhân được phỏng vấn làm nông nghiệp hoặc làm nghề khác ở quê, và

một phần năm là học sinh, sinh viên trước khi ra thành phố tìm việc. Gần một phần năm số công nhân được phỏng vấn thuộc diện hộ nghèo ở nông thôn theo chuẩn nghèo hiện hành của Chính phủ. Tuy nhiên, chỉ có chưa đến một phần mười số công nhân nhập cư cho rằng tiền gửi về nhà của mình là một nguồn thu nhập chính của gia đình ở quê.

HÌNH 2. Đặc điểm của nhóm công nhân nhập cư, 2009



Nguồn: Phỏng vấn công nhân nhập cư, tháng 7/2009

Chỉ một phần công nhân được doanh nghiệp cho học lớp đào tạo nghề

Hầu hết công nhân trong mẫu khảo sát tại Đông Anh làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu công nghiệp Thăng Long. Đa số công nhân tại Kiến An làm trong các doanh nghiệp lớn về đóng tàu, da giày, may mặc, chế biến thực phẩm... Đa số công nhân tại Gò Vấp làm việc trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh qui mô nhỏ trong ngành may mặc, cơ khí... Trên một phần ba số công nhân trong mẫu khảo sát cho biết họ đã tham dự lớp đào tạo nghề của doanh nghiệp (số còn lại học nghề chủ yếu thông qua kèm cặp tại chỗ, vừa học vừa làm). Giữa các thành phố có sự khác biệt: trên dưới một nửa công nhân tại Đông Anh (Hà Nội) và Kiến An (Hải Phòng) có qua đào tạo của doanh nghiệp, trong khi đó chỉ có khoảng một phần mười công nhân tại Gò Vấp(TP.HCM) có qua đào tạo.

Mạng lưới xã hội phi chính thức rất quan trọng đối với công nhân nhập cư trong tìm kiếm thông tin việc làm

Bảng 6 cho thấy trong năm 2009 gần bốn phần năm công nhân nhập cư biết đến công việc hiện tại qua bạn bè/người quen đang làm việc tại doanh nghiệp giới thiệu hoặc có quen biết với doanh nghiệp giúp đỡ. Tỷ lệ này tại Kiến An và Gò Vấp trong năm 2009 đã tăng mạnh so với năm 2008, gợi ý rằng mạng lưới xã hội phi chính thức dường như ngày càng quan trọng hơn đối với quá trình tìm việc làm tại thành phố của công nhân nhập cư trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới.

Công nhân nhập cư không qua các cơ quan dịch vụ/môi giới việc làm, nhưng một số phải qua môi giới cá nhân

Hầu như công nhân không thông qua các cơ quan hay đơn vị dịch vụ/môi giới việc làm, mặc dù trên thực tế các hình thức môi giới cá nhân không chính thức vẫn có thể tồn tại. Như tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), một số người dân cho biết từ 2-3 năm về trước, khi các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp còn làm ăn phát đạt, có tình trạng công nhân nhập cư phải trả tiền môi giới lên đến vài triệu đồng để xin được việc làm trong các công ty có vốn đầu tư nước ngoài có chế độ lương thưởng khá hơn các doanh nghiệp khác (người môi giới thường có quan hệ với người Việt Nam làm quản lý trong doanh nghiệp). Tuy nhiên, từ cuối năm 2008 cuộc khủng hoảng tài chính thế giới lan đến các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp khiến số lao động giảm mạnh, các hoạt động môi giới không chính thức này hầu như không còn nữa.

BẢNG 6. Kênh thông tin về chỗ làm hiện tại (%)

	Đông Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Người thân/ bạn bè đang làm việc tại đó giới thiệu	-	72	48	58	47	65	48	65
Nhờ bạn bè/họ hàng có quen biết với doanh nghiệp giúp đỡ	-	2	8	17	7	25	8	14
Qua thông báo tuyển người trên các phương tiện thông tin đại chúng	-	17	12	13	2	8	7	13
Qua thông báo tuyển người treo/ dán tại cổng nhà máy	-	48	10	10	47	20	28	26
Qua cơ quan/dịch vụ giới thiệu/môi giới việc làm	-	2	3	2	0	0	2	1
Người của doanh nghiệp về quê/nơi làm việc trước tuyển	-	2	8	3	0	0	4	2
Không biết/không nhớ	-	0	10	0	0	0	5	0

Nguồn: Phỏng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Công nhân nhập cư có tập tính di động rất cao, có xu hướng chuyển chỗ làm việc nhanh chóng

Khảo sát năm 2009 cho thấy một phần ba số công nhân làm việc tại doanh nghiệp hiện tại chưa được 1 năm, và gần một phần ba làm việc tại doanh nghiệp hiện tại từ 1 đến 2 năm. Tỷ lệ công nhân nhập cư đã làm việc trong doanh nghiệp trên 3 năm tại Kiến An và Gò Vấp trong năm 2009 đã giảm mạnh so với năm 2008. Sự thay đổi này gợi ý tập tính di động rất cao, tâm lý làm việc ngắn hạn của lực lượng lao động trong các doanh nghiệp thâm dụng lao động ở các thành phố. Một số doanh nghiệp trong lĩnh vực giày da và may mặc được phỏng vấn đã khẳng định, sự luân chuyển lao động đang diễn ra hàng ngày, gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp.

--- “Chúng tôi ngày nào cũng tuyển và ngày nào cũng có công nhân nghỉ việc, cứ lĩnh lương xong là nghỉ. Hôm nay, chúng tôi vừa tuyển thêm được vài chục lao động, ngày mai lĩnh lương xong chúng tôi dự kiến có đến 300 lao động nghỉ việc” (đại diện một công ty giày da tại Hải Phòng).

--- “Hiện nay đang thiếu khoảng 150 nhân công, là vấn đề lớn. Tuyển 150 người vào và duy trì 150 lao động là khó, nhưng khó khăn nhất vẫn là tình trạng công nhân ra và vào. Đang có tình trạng công nhân mới vào, làm được 1 thời gian hoặc học nghề được vài ngày thì tự động nghỉ không thông báo gì. Từ lúc thành lập công ty năm 2007 đến nay (mới được hơn 2 năm), số lượng công nhân làm từ lúc thành lập nay chỉ còn 15% so với tổng. Công nhân được đào tạo miễn phí, được hưởng chế độ phụ cấp và các chế độ khác, làm được 1-2 tháng thì chuyển đi” (đại diện một công ty may mặc tại Hải Phòng).

2.1.2 Điều kiện sống và làm việc

Công nhân nhập cư thường thuê chung phòng trọ với tiện nghi tối thiểu...

Hầu hết công nhân nhập cư thuê phòng trọ gần doanh nghiệp, đa số ở chung với 2-3 người khác. Giá thuê phòng trọ ở thời điểm giữa năm 2009 đã tăng khoảng 10-20% so với giữa năm 2008 tại cả 3 điểm khảo sát. Giá thuê phòng trọ tại Gò Vấp (TP HCM) cao hơn so với tại Đông Anh (Hà Nội) và Kiến An (Hải Phòng) bình quân khoảng 200.000 – 300.000 đồng/tháng⁸. Tiện nghi sinh hoạt trong phòng trọ của công nhân nhập cư rất đơn giản, hầu hết chỉ có giường, tủ và quạt điện. Rất ít phòng trọ có ti vi để xem tin tức và các chương trình giải trí.

...phải trả tiền điện giá cao

Công nhân tại Đông Anh và Kiến An thường phải trả tiền điện cho chủ nhà trọ theo giá 1500-2000 đồng/số, còn công nhân tại Gò Vấp thường phải trả tiền điện cho chủ nhà trọ theo giá 2500 – 3000 đồng/số. Tiền nước (hầu hết là bơm giếng khoan), tiền thu rác, tiền bảo vệ dân phố... thường được chủ nhà trọ thu theo mức khoán cố định hàng tháng. Tình trạng đa số công nhân nhập cư phải chịu giá điện cao tại Gò Vấp ở thời điểm giữa năm 2009 vẫn chưa có chuyển biến so với thời điểm giữa năm 2008.

...và chịu nhiều khó khăn về diện tích ở, vệ sinh môi trường, xa nơi vui chơi giải trí

Bảng 7 cho thấy công nhân nhập cư còn nhiều vấn đề băn khoăn, lo lắng, muốn cải thiện thêm về nơi ở hiện tại, nhất về diện tích nhà ở chật chội, nguồn nước sinh hoạt kém, môi trường ô nhiễm/kém vệ sinh và nơi ở xa nơi vui chơi giải trí. Tỷ lệ công nhân trong năm 2009 có ý kiến băn khoăn, lo lắng về điều kiện sống đã tăng lên khá mạnh ở hầu hết các khía cạnh so với năm 2008. Thực tế, từ đầu năm 2009 các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới nên thu nhập của công nhân bị giảm sút mạnh, trong khi đó giá thuê phòng trọ không giảm hoặc giảm không đáng kể, dẫn đến nhiều công nhân lựa chọn những phòng trọ có điều kiện kém hơn hoặc ở chung nhiều người hơn để giảm chi phí thuê phòng trọ.

8. Tại Đông Anh (Hà Nội): Số ít công nhân có mức lương cao thường thuê phòng trọ khép kín, nhà tầng, mức giá từ 700-800 ngàn đồng/phòng, không gian rộng rãi, sạch sẽ và phần đông là sống một mình hoặc sống cùng một bạn; phần đông nhóm thu nhập thấp hơn thuê phòng giá từ 200-400 ngàn đồng/phòng/tháng. Tại Kiến An (Hải Phòng): các phòng trọ có giá từ 350 □ 500 ngàn/tháng. Tại Gò Vấp (TP.HCM): phòng trọ thường có hai loại: phòng thuê nguyên căn, có công trình phụ khép kín, có gác xếp giá từ 1-1,2 triệu đồng/tháng; phòng thuê không khép kín, 3-5 phòng chung một khu vệ sinh có giá từ 600.000 □ 800.000 đồng/tháng.

BẢNG 7. Những vấn đề tồn tại về nơi ở (%)

	Đông Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Diện tích nhà ở chật chội	-	52	13	40	17	58	15	50
Nhà ở lụp xụp, tạm bợ	-	12	0	17	2	7	1	12
Nguồn nước sinh hoạt kém	-	48	12	13	23	55	18	39
Nhà bếp, điều kiện nấu ăn kém	-	15	5	23	0	8	3	16
Nhà tắm/nhà vệ sinh kém	-	25	8	18	3	13	6	19
An ninh trật tự kém	-	33	8	8	5	10	7	17
Tệ nạn xã hội	-	52	5	8	7	7	6	22
Nguồn điện kém	-	28	8	5	0	0	4	11
Đường đi lại khó khăn	-	35	3	18	18	23	11	26
Môi trường ô nhiễm/kém vệ sinh	-	80	0	8	40	25	20	38
Xa chợ/xa cửa hàng	-	3	2	2	3	2	3	2
Xa nơi vui chơi giải trí	-	42	5	33	7	17	6	31
Quan hệ với hàng xóm không tốt	-	7	0	2	0	2	0	3
Chính quyền ĐF ít quan tâm	-	27	5	7	0	13	3	16
Vấn đề khác	-	3	0	2	0	5	0	3

Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Sự pha tạp về văn hóa, lối sống là một vấn đề bức xúc tại những nơi có đông người nhập cư ở trọ

Tại Đông Anh, tỷ lệ công nhân trong diện khảo sát bản khoán, lo lắng về nơi ở hiện tại cao hơn so với 2 địa bàn còn lại về hầu hết các khía cạnh, nhất là về an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, nguồn nước sinh hoạt và môi trường ô nhiễm/ kém vệ sinh. Qua khảo sát thực tế tại xã Kim Chung, những vấn đề nêu trên cũng là những khó khăn chung được người dân địa phương và cán bộ cơ sở nhắc đến (xem tiểu mục Cơ sở hạ tầng trong mục 1.3 Các thách thức giảm nghèo đô thị). Sự pha tạp về văn hóa, lối sống tại một trong những địa bàn có mật độ công nhân nhập cư (đa số là thanh niên trẻ, chưa có gia đình, mới thoát ly nông thôn, muốn trải nghiệm môi trường mới ở đô thị) thuộc loại cao trong cả nước đang đặt ra gay gắt.

Nữ công nhân quan tâm hơn đến nguy cơ tệ nạn xã hội, điều kiện vệ sinh, môi trường tại nơi ở trọ

Khi xem xét dưới lăng kính giới các ý kiến của công nhân nhập cư trong năm 2009 về những bản khoán, lo lắng, muốn cải thiện thêm về nơi ở hiện tại. Chênh lệch ý kiến của nhóm nam công nhân và nhóm nữ công nhân giữa các điểm quan trắc, gợi ý nhu cầu giới vừa có tính phổ quát vừa có tính địa phương. Tại cả 3 điểm khảo sát, nhóm nam công nhân thường có nhận xét khắt khe hơn nhóm nữ công nhân về nhà ở lụp xụp, tạm bợ; còn nhóm nữ công nhân thường có nhận xét khắt khe hơn về tệ nạn xã hội. Cụ thể hơn, tại Đông Anh, nhóm nam quan tâm đến đường đi lại khó khăn, xa nơi vui chơi giải trí; còn nhóm nữ đặc biệt quan tâm về môi trường ô nhiễm/kém vệ sinh. Tại Kiến An, nhóm nam quan tâm hơn đến xa nơi vui chơi, giải trí; còn nhóm nữ quan tâm hơn đến diện tích nhà ở chật chội, nhà bếp, nhà vệ sinh kém. Tại Gò Vấp, nhóm nam quan tâm hơn đến nguồn nước sinh hoạt kém; còn nhóm nữ quan tâm hơn về diện tích nhà ở chật chội và môi trường ô nhiễm/kém vệ sinh, đường đi lại khó khăn.

Công nhân nhập cư ít có điều kiện giải trí lành mạnh hoặc tiếp cận thông tin thời sự, kiến thức xã hội

Đa số công nhân nhập cư được hỏi cho biết họ làm việc theo ca, phương tiện đi lại không sẵn có nên việc đi ra ngoài vui chơi, giải trí lành mạnh cũng rất hạn chế. Phần lớn thời gian rảnh rỗi sau khi đi làm về, công nhân nhập cư thường ngủ hoặc nói chuyện phiếm với bạn bè cùng phòng, cùng xóm trọ. Phòng trọ của công nhân hầu hết không có tivi nên việc tiếp cận các thông tin thời sự, kiến thức xã hội cũng bị hạn chế (muốn xem ti vi phải đi xem nhờ). Hơn nữa, việc ra ngoài đi chơi với bạn bè cũng giảm trong năm 2009 so với năm 2008 do công nhân bị giảm thu nhập mạnh, một số mất việc làm trong các tháng đầu năm 2009 dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới.

Có quá ít các hoạt động cộng đồng tạo cơ hội tham gia cho công nhân nhập cư

Công nhân nhập cư khi được hỏi cho biết, bản thân họ cũng muốn được tham gia các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao, phổ biến về kỹ năng sống, hoạt động đoàn thể và sinh hoạt cộng đồng tại khu dân cư, nhưng tại nơi họ ở trọ còn quá thiếu những hoạt động như vậy. Tại các điểm khảo sát, trong năm 2009 cũng có một số đợt tuyên truyền cho công nhân nhập cư về pháp luật lao động, sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS... do các đoàn thể của xã, huyện hoặc do chương trình ActionAid hỗ trợ, nhưng số lượng công nhân tham gia còn thấp.

Công nhân nhập cư ngày càng lo lắng về điều kiện làm việc bất lợi

Về điều kiện làm việc, Bảng 8 cho thấy công nhân nhập cư băn khoăn, lo lắng, muốn cải thiện thêm nhất là về ảnh hưởng bất lợi về nhiệt độ, hơi hóa chất, khói bụi, ánh sáng, tiếng ồn; ngày làm việc quá dài; công việc nhàm chán/căng thẳng/không có điều kiện vui chơi giải trí; và thiếu thông tin về quyền và nghĩa vụ của người lao động/người sử dụng lao động. Nếu so sánh với đợt khảo sát giữa năm 2008, đợt khảo sát giữa năm 2009 cho thấy tỷ lệ công nhân trong mẫu khảo sát có ý kiến băn khoăn, lo lắng về điều kiện làm việc đã tăng lên khá mạnh ở tất cả các khía cạnh. Tại Đông Anh, tỷ lệ công nhân trong mẫu khảo sát có ý kiến băn khoăn, lo lắng về điều kiện làm việc hiện tại cao hơn nhiều so với 2 địa bàn còn lại về đa số khía cạnh. Khảo sát tại Kim Chung cho thấy, công nhân làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu công nghiệp Thăng long thường phải chịu áp lực cao về nội qui lao động rất khắt khe, ngày làm việc căng thẳng, tăng ca tăng giờ nhiều (những khi có nhiều đơn hàng).

BẢNG 8. Những vấn đề tồn tại về điều kiện làm việc (%)

	Đông Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Quá đông công nhân so với không gian làm việc	-	48	0	7	2	2	1	19
Ảnh hưởng bất lợi về nhiệt độ, hơi hóa chất, khói bụi, ánh sáng, tiếng ồn	-	73	7	42	25	65	16	60
Trang thiết bị, nhà xưởng còn chưa đảm bảo an toàn	-	17	3	13	15	32	9	21
Nước uống không đủ/không hợp vệ sinh	-	7	0	8	5	17	3	11
Điều kiện vệ sinh cá nhân (tắm, rửa)/nhà vệ sinh còn hạn chế	-	15	5	8	7	23	6	16
Ngày làm việc quá dài	-	50	3	18	17	12	10	27
Công việc nhàm chán/căng thẳng/không có điều kiện vui chơi giải trí	-	45	7	8	20	18	13	24
Thiếu thông tin về quyền và nghĩa vụ của người lao động/người sử dụng lao động	-	35	3	5	12	30	8	23
Khác	-	5	2	0	5	13	3	6

Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Nữ công nhân quan tâm hơn đến những bất lợi về thời gian và tính chất công việc

Công nhân ngày càng nhạy cảm hơn với những bất lợi về điều kiện sống và làm việc trong bối cảnh khủng hoảng tài chính

Làm việc không ký hợp đồng thường xảy ra trong các doanh nghiệp tư nhân

Tại cả 3 điểm khảo sát, nhóm nam công nhân thường có nhận xét khắt khe hơn nhóm nữ công nhân về nhiệt độ, hơi hóa chất, khói bụi, ánh sáng, tiếng ồn, và về trang thiết bị, nhà xưởng chưa đảm bảo an toàn; còn nhóm nữ công nhân thường có nhận xét khắt khe hơn hầu hết các khía cạnh còn lại, như về ngày làm việc quá dài, công việc nhàm chán/căng thẳng, điều kiện vệ sinh cá nhân hạn chế và thiếu thông tin về quyền lợi/nghĩa vụ.

Lưu ý rằng các số liệu nêu trên là ý kiến chủ quan của công nhân trong mẫu khảo sát ở từng địa phương về điều kiện sống và điều kiện làm việc so với mong muốn của chính họ, không có nghĩa tuyệt đối là điều kiện sống và làm việc thực tế tại Đông Anh kém hơn so với Kiến An và Gò Vấp hoặc ngược lại. Diễn giải một cách thận trọng kết quả khảo sát cho phép nhận xét rằng, trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới năm 2009, sự nhạy cảm của công nhân nhập cư với những bất lợi về điều kiện sống và làm việc đã tăng lên đáng kể so với năm 2008. Công nhân nhập cư ở Đông Anh dường như nhạy cảm hơn với những bất lợi về điều kiện sống và làm việc so với 2 địa bàn còn lại.

2.1.3 Dễ bị tổn thương trong Quan hệ lao động

Việc ký kết hợp đồng lao động và thực hiện các chế độ xã hội cơ bản đối với người lao động tại Đông Anh dường như được thực hiện tốt hơn hẳn so với tại Kiến An và Gò Vấp. Có thể lý giải là công nhân ở Đông Anh hầu hết làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, mà các doanh nghiệp này thường bám sát các quy định tối thiểu của pháp luật lao động Việt Nam. Bảng 9 cho thấy, tất cả số công nhân trong mẫu khảo sát năm 2009 ở Đông Anh đều được ký hợp đồng lao động chính thức. Ngược lại, có đến một phần tư công nhân trong mẫu khảo sát ở Kiến An và gần một phần ba công nhân trong mẫu khảo sát ở Gò Vấp chưa được ký hợp đồng lao động chính thức, trong đó chủ yếu là công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân.

BẢNG 9. Hợp đồng lao động và chế độ được hưởng tại doanh nghiệp (%)

	Đông Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Loại hợp đồng lao động								
Không thời hạn	-	7	33	40	20	23	27	23
Có thời hạn (1-3 năm)	-	85	62	30	33	8	48	41
Ngắn hạn (dưới 1 năm)	-	8	3	5	5	35	4	16
Không ký hợp đồng	-	0	0	25	38	32	19	19
Khác	-	0	2	0	3	2	3	1
Chế độ xã hội cơ bản								
Bảo hiểm xã hội	-	98	93	60	58	65	76	74
Bảo hiểm y tế	-	85	90	73	52	45	71	68
Nghỉ phép	-	97	92	42	55	47	73	62
Nghỉ ốm	-	98	98	43	35	67	67	69
Nghỉ thai sản	-	38	40	20	30	23	35	27
Khác	-	7	2	2	0	8	1	6

	Đồng Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Các khoản trợ cấp, tiền thưởng								
Tiền ăn trưa, ăn giữa ca	-	67	88	53	73	53	81	58
Tiền thưởng dịp lễ, Tết	-	92	88	47	83	68	86	69
Hỗ trợ tiền thuê nhà	-	48	25	8	5	10	15	22
Hỗ trợ tiền đi lại	-	53	15	10	0	18	8	27
Hỗ trợ tiền quần áo	-	30	63	32	38	10	51	24
Khoản khác	-	0	2	0	0	2	1	1

Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Về mặt hình thức không có sự phân biệt đối xử có tính hệ thống giữa nam và nữ

Tỷ lệ công nhân ký hợp đồng thời hạn 1-3 năm giảm mạnh

...
... và chế độ phúc lợi của công nhân cũng bị giảm trong cơn khủng hoảng

Bản thân công nhân nhập cư chú trọng lợi ích ngắn hạn, ít quan tâm đến bảo hiểm

Đang có một sự mất cân đối cung cầu lao động trong các ngành thâm dụng lao động

Khi so sánh sự khác biệt về tỷ lệ công nhân nam và nữ được ký các loại hợp đồng và được nhận các chế độ phúc lợi gợi ý rằng (về mặt hình thức) không có dấu hiệu của sự phân biệt đối xử có tính hệ thống giữa nam và nữ công nhân trong mẫu khảo sát tại 3 địa bàn khảo sát.

Tỷ lệ công nhân nhập cư ký hợp đồng lao động có thời hạn (từ 1 đến 3 năm) tại 2 địa bàn Kiến An và Gò Vấp đã giảm mạnh trong năm 2009 so với năm 2008. Số liệu khảo sát này khẳng định phương án chống đỡ của doanh nghiệp đối với tác động của khủng hoảng tài chính thế giới trong năm 2009: các công ty gặp phải tình trạng biến động lớn về đơn hàng lao động nên có nhiều lao động mới tuyển dụng; và/hoặc trong bối cảnh sản xuất kinh doanh có nhiều rủi ro nên một số công ty không muốn ký hợp đồng lao động có thời hạn với người lao động để dễ xử lý các quan hệ lao động khi cần thiết.

Tỷ lệ công nhân tại Kiến An và Gò Vấp nhận được các chế độ xã hội cơ bản (như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...) và các khoản trợ cấp, tiền thưởng khác (như tiền thưởng các dịp lễ Tết, hỗ trợ tiền quần áo...) trong năm 2009 đã giảm đi đáng kể so với năm 2008. Điều này cũng tương thích với chiến lược chung của các doanh nghiệp là tiết giảm chi phí trong năm 2009. Chế độ phúc lợi của công nhân dường như đã bị ảnh hưởng xấu trong cơn khủng hoảng tài chính thế giới.

Có một thực tế là nhiều công nhân nhập cư mới chỉ nghĩ tới thu nhập trước mắt mà chưa hiểu hết lợi ích lâu dài của việc đóng bảo hiểm xã hội. Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính trong năm 2009, tính lưu động của công nhân càng cao, sự gắn bó với doanh nghiệp giảm đi, thì tâm lý chú trọng lợi ích ngắn hạn của công nhân càng có nguy cơ tăng lên. Ý kiến sau đây của một công nhân nhập cư ở Kiến An - Hải Phòng là khá điển hình "*Công ty có cho đóng bảo hiểm nhưng mình không đóng, cũng biết là đi xa có đóng bảo hiểm sẽ có lợi nhưng mình không đóng vì mình không có ý định làm ở đây lâu dài*".

Kết quả khảo sát ở thời điểm tháng 7/2009 cho thấy, dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, đang có một sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động trong các ngành sử dụng nhiều lao động như giày da, may mặc.

Tại thời điểm tháng 7/2009, đa số doanh nghiệp giày da, may mặc được phỏng vấn đã có dấu hiệu phục hồi đơn hàng đáng kể, dù một số mới hoạt động hết 50% công suất, thấp hơn nhiều so với cùng thời điểm năm 2008. Hiện nay, các khách hàng truyền thống đã quay trở lại, đơn giá gia công cũng tăng lên một chút so với thời điểm khó khăn nhất từ tháng 10-11/2008 đến tháng 3/2009. Các doanh nghiệp điện, điện tử, cơ khí có tốc độ phục hồi đơn hàng chậm hơn, nhưng các đơn hàng có xu hướng đang tăng lên dẫn đến cuối năm 2009.

Khi đơn hàng phục hồi, doanh nghiệp thiếu lao động

Vào giai đoạn khó khăn cuối 2008 và đầu 2009, nhiều doanh nghiệp đã phải áp dụng các biện pháp cắt giảm lao động. Công nhân thấy việc làm bấp bênh, thu nhập giảm không trụ lại được ở thành phố nên trở về quê hoặc đi tìm công việc khác. Nay khi đơn hàng phục hồi, các doanh nghiệp đang ở trong tình trạng thiếu lao động và mức độ luân chuyển lao động cao.

Trong khi đó, công nhân càng nhận rõ tính dễ bị tổn thương trong các ngành thâm dụng lao động

Tình trạng thiếu lao động và luân chuyển lao động cao có nhiều nguyên nhân. Ngành may mặc và da giày chuyên sử dụng lao động phổ thông dễ đến, dễ đi, gây xáo trộn lực lượng lao động và kế hoạch sản xuất. Nhiều công nhân mới vào làm việc một thời gian ngắn sẵn sàng chuyển ngay sang nơi khác, nếu chỗ làm mới có thu nhập cao hơn dù chỉ vài chục nghìn đồng một tháng.

Cuộc khủng hoảng tài chính đã khiến một số công nhân thấm thía về độ rủi ro cao của lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu sử dụng lao động phổ thông, trong khi đó công việc vất vả, hạn chế trong việc nâng cao học vấn và tay nghề, thu nhập không đủ sống tại các thành phố lớn và để có tiền tiết kiệm, gửi về quê. Các doanh nghiệp đã áp dụng nhiều cách, nhưng việc thu hút đủ lao động vẫn hạn chế, mức độ biến động lao động vẫn cao.

Các doanh nghiệp chia sẻ về sự mất cân đối lao động này như sau.

--- “Hiện nay tuyển lao động trẻ cũng khó khăn nên phải tuyển cả lao động từ 30-35 tuổi do tình thế bắt buộc. Doanh nghiệp phải thay đổi cơ cấu tuyển dụng, tận dụng nguồn lao động tại địa phương. Đồng thời doanh nghiệp tăng lương để thu hút lao động, sau khi khủng hoảng doanh nghiệp quan tâm đến công nhân hơn bằng cách tăng lương, mua nước đá cho công nhân uống, nếu công nhân không ăn cơm trưa ở nhà máy thì được nhận tiền cơm” (đại diện một công ty da giày lớn ở Hải Phòng)

--- “Lương bây giờ có trả các em 2 triệu cũng không đủ sống, tối thiểu phải 2,5 triệu. Thêm vào đó, cuối năm 2008 thì nghe khủng hoảng nên các em về quê không quay lại làm việc và 1 số khác thì chuyển nghề. Các em làm ở quê gần nhà không mất chi phí ăn ở” (đại diện một công ty may mặc ở TP.HCM).

--- “Khi đơn giá không tăng, lương công nhân vẫn thấp. Các nhà hàng ăn uống hút một lượng lao động lớn. Làm ở đây 1 triệu ngồi mỗi cả lưng còn làm nơi khác thì lương cao hơn, mà cũng thoải mái hơn” (đại diện một công ty cổ phần may mặc ở TP.HCM).

Một số doanh nghiệp tìm cách thu hút lao động bằng cách hạ chuẩn tuyển dụng, hướng về các tỉnh xa hơn...

Các doanh nghiệp thường có 2 cách để chống đỡ với tình trạng thiếu lao động hiện nay. Thứ nhất, nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp ở Gò Vấp (TP.HCM) và Hải Phòng, phát triển mạnh các chính sách thu hút lao động, chấp nhận tăng độ tuổi tuyển dụng tối đa từ 25 lên 35, thậm chí trên 40, và hạ yêu cầu về trình độ học vấn đối với những công việc đơn giản. Một số doanh nghiệp có kế hoạch hướng vào các nhóm dân ở các địa phương còn thuần nông, sống ở vị trí không gần khu công nghiệp địa phương. Một số doanh nghiệp khác khuyến khích nhân viên về quê tìm lao động, kết hợp với các trung tâm dạy nghề của tỉnh, và có chế độ hoa hồng cho cán bộ địa phương giúp thu hút lao động.

... và quan tâm hơn đến một số chế độ phúc lợi cho công nhân

Trong giai đoạn khủng hoảng, nhiều doanh nghiệp trong ngành da giày và may mặc đã tự nhìn nhận lại chính sách phúc lợi đối với công nhân. Các công ty đưa ra thêm nhiều chính sách để giữ và thu hút công nhân nhằm đảm bảo đơn hàng hiện có và có khả năng nhận trong thời gian tới. Các chế độ khuyến khích mới gồm tăng lương, tăng mức thưởng chuyên cần, trợ cấp đi lại, giảm nhẹ việc trừ lương khi vi phạm nội quy, cải thiện điều kiện làm việc (như lắp thêm quạt thông gió, quét vôi mới trang trí lại nhà xưởng). Một vài quan tâm khác tuy nhỏ nhưng cũng đang chú ý, như mua chanh đá, mua sữa cho công nhân uống giữa ca, cho phép công nhân chọn ăn cơm trưa trong nhà máy hoặc nhận tiền, cho phép có một khu nam giới trong ký túc xá và nói lỏng quy định tiếp khách, cho các gia đình đến ở trong ký túc xá... Một số doanh nghiệp cho biết phải chấp nhận giảm lợi nhuận, thậm chí lỗ để bù lương công nhân để giữ được lao động có tay nghề.

Các doanh nghiệp chia sẻ về những biện pháp thu hút công nhân như sau.

--- “Trong giai đoạn khủng hoảng, doanh nghiệp có thời gian xem lại mình, củng cố, hoàn thiện để tốt hơn. Trong lúc khó khăn phải giữ lấy công nhân, người lao động được quan tâm, chăm lo đời sống, an toàn lao động để người lao động gắn bó với doanh nghiệp. Vẫn giữ nguyên tiền lương, tiền chuyên cần để giữ lao động. Phải lấy từ lợi nhuận trước đây để bù vào, vì lợi ích lâu dài” (đại diện một công ty giày ở Hải Phòng)

--- “Cũng có hạ mức chuẩn tuyển dụng xuống, nếu trước đây chỉ tuyển lao động trẻ dưới 30 tuổi thì bây giờ tuyển cả lao động trên 40 tuổi, tuy nhiên chỉ là những công việc không đòi hỏi trình độ” (đại diện một công ty may mặc ở Hải Phòng).

--- “Doanh nghiệp hỗ trợ tiền nhà trọ cho lao động 40.000 đ/tháng. Số lượng công nhân được hỗ trợ khoảng hơn 30%” (đại diện một công ty giày ở Hải Phòng)

... dẫn đến nguy cơ tái diễn căng thẳng trong quan hệ lao động

Thứ hai, các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp ở Khu công nghiệp Thăng Long (Hà Nội), tìm cách tận dụng số lao động hiện có. Các doanh nghiệp này thường không hạ chuẩn tuyển dụng, mà tìm cách gọi lại số công nhân cũ, tuyển thêm công nhân mới, và tăng thêm một chút lương cơ bản (thường bám sát mức lương cơ bản do Nhà nước qui định) và tăng một chút các chế độ phúc lợi. Tại thời điểm tháng 7/2009, một số doanh nghiệp đã phải tăng ca, tăng giờ kịch trần, dẫn đến nguy cơ tái diễn những căng thẳng trong quan hệ chủ thợ nếu kéo dài lâu ngày (những căng thẳng này thường xảy ra ở thời điểm trước khủng hoảng, nhưng hầu như không còn trong giai đoạn khó khăn nhất cuối 2008 và đầu 2009).

Khi các chính sách thu hút công nhân chưa được thể chế hóa, quan hệ lao động còn tiềm ẩn nhiều rủi ro

Nhiều chính sách thu hút công nhân nêu trên mới chỉ 5 năm trước đây công nhân không thể đòi hỏi. Tuy nhiên, tính khả thi và bền vững của các biện pháp đãi ngộ công nhân của các doanh nghiệp vẫn là một câu hỏi, và cần được tiếp tục theo dõi trong các vòng nghiên cứu tiếp theo. Theo cán bộ LĐ-TBXH quận Kiến An (Hải Phòng), để các chính sách đãi ngộ công nhân có tính bền vững, doanh nghiệp phải đưa vào quy chế hoạt động hay thỏa ước lao động tập thể (để nếu xảy ra tranh chấp Công đoàn và cơ quan chức năng dựa vào các quy định đó để giải quyết). Khi các biện pháp này chưa được thể chế hóa và không có chế tài kèm theo, thì quan hệ lao động trong các doanh nghiệp vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho công nhân nhập cư.

2.1.4 Dễ bị tổn thương về Thu nhập và Chi tiêu

Cuối 2008 và đầu 2009, thu nhập của công nhân sụt giảm mạnh

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới, các doanh nghiệp gặp khó khăn, việc làm và thu nhập của công nhân nhập cư trong năm 2009 tại các điểm khảo sát đã bị ảnh hưởng rất lớn. Đặc biệt, trong giai đoạn quý 4/2008 đến đầu quý 2/2009, không những không có tiền tăng ca, nhiều công nhân chỉ được nhận 50-70% lương cơ bản do phải nghỉ dân việc, luân phiên chờ việc.

--- “Hồi năm trước tăng ca từ thứ hai đến thứ sáu, hôm nào cũng làm đến tận 8 giờ tối nhưng từ đầu năm (sau Tết) không còn tăng ca nữa. Tháng 3 còn phải nghỉ hai tuần, 6 xưởng trong công ty thay phiên nhau nghỉ. Bình thường lĩnh lương được 1,2 triệu đồng/ tháng cộng với tiền tăng ca, thế mà tháng đó lĩnh được có 800 nghìn đồng” (nhóm công nhân nhập cư phường 6, quận Gò Vấp, TP.HCM)

--- “Tháng 1, 2 sau tết công ty không có việc cho công nhân hưởng lương 70% nếu nghỉ ở nhà mà đến làm việc thì lương được 100% nhưng cũng chỉ đến dọn dẹp khu nhà sản phẩm, không phải sản xuất. Tháng không có việc các khoản trợ cấp bị cắt hết, lương thấp nên một số chán quá nên bỏ” (L.T.Đ, công nhân nhập cư tại xã Kim Chung, Hà Nội)

--- “Năm 2008 trung bình thu nhập được 1,2 – 1,4 triệu/tháng với cả tiền tăng ca. Đầu năm 2009 ít việc nên thu nhập giảm, từ tháng 2 đến tháng 4 chỉ thu nhập được 1 triệu/tháng và không có giờ làm tăng ca” (L.T.L, công nhân nhập cư tại phường Lâm Hà, Hải Phòng).

Một số tháng đầu năm 2009 thu nhập giảm đột xuất, tỷ lệ nữ công nhân bị giảm thu nhập cao hơn nam công nhân

Đặc biệt, có 32% công nhân nhập cư được phỏng vấn cho biết trong 12 tháng qua, đã có tháng thu nhập của họ bị giảm sút đột xuất so với bình thường, với mức giảm thu nhập bình quân khoảng 20% trong khoảng thời gian phổ biến từ 2-4 tháng. Lý do chính của việc giảm thu nhập đột xuất là do nhà máy thiếu việc làm.

Bảng 10 cho thấy, tỷ lệ công nhân nữ có thu nhập giảm trong 12 tháng qua cao hơn so với nhóm công nhân nam (40% đối với nữ và 15% đối với nam). Số tháng bình quân giảm thu nhập của nữ công nhân cao hơn so với nam công nhân (3,3 tháng đối với nữ và 2,2 tháng đối với nam). Số liệu này khẳng định thêm một thực tế, nữ công nhân là nhóm dễ bị tổn thương hơn so với nam công nhân trong bối cảnh khủng hoảng. Nữ giới thường tập trung trong các ngành thâm dụng lao động không yêu cầu trình độ và tay nghề cao như may mặc, giày da, lắp ráp điện tử – những ngành nhạy cảm hơn với biến động của thị trường xuất khẩu khi gặp khủng hoảng. Hơn nữa, công nhân nữ còn gặp những bất lợi đặc thù như có bầu, sinh con nên dễ bị mất việc làm hơn so với công nhân nam.

BẢNG 10. Thu nhập giảm sút đột xuất trong 12 tháng qua, 2009 (%)

	Đông Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Tỷ lệ công nhân có thu nhập giảm	23	55	8	38	18	22	15	40
Số tháng công nhân có thu nhập giảm (tháng)	3	4	2	2	2	2	2	3
Các lý do giảm thu nhập								
Nhà máy thiếu việc làm	100	85	100	69	75	75	89	79
Bị ốm	67	19	0	46	25	25	33	28
Khác	33	4	0	0	0	0	11	2

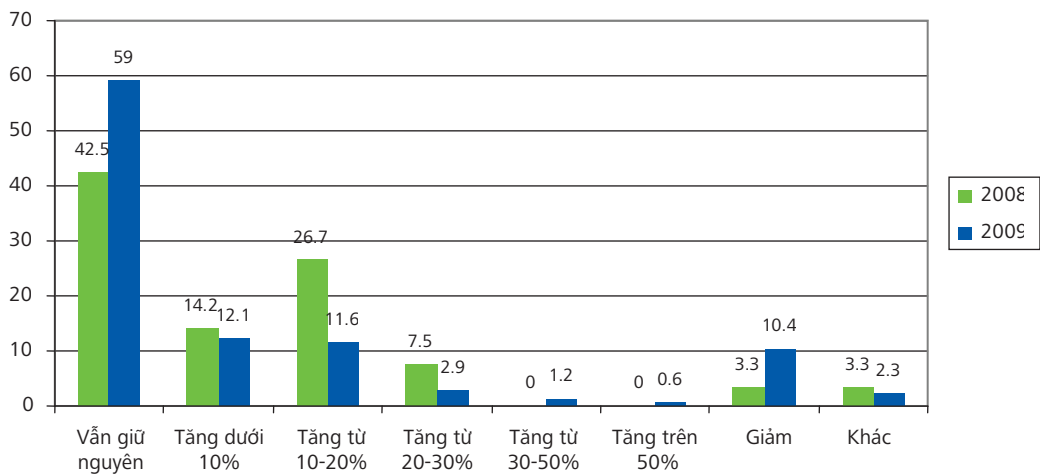
Nguồn: Phỏng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Từ quý 2/2009 thu nhập của đa số công nhân đã phục hồi, nhưng tăng không đáng kể hoặc vẫn giảm chút ít so với trước khủng hoảng

Từ quý 2/2009, khi các doanh nghiệp có dấu hiệu phục hồi, cùng với một số chính sách ưu đãi của doanh nghiệp, thu nhập hàng tháng của đa số công nhân đã được cải thiện nên đã bớt khó khăn hơn trước, nhưng không tăng đáng kể so với giai đoạn trước khủng hoảng. Số liệu của mẫu khảo sát công nhân nhập cư ở Đông Anh, Kiến An và Gò Vấp cho thấy, tổng thu nhập (gồm lương cơ bản, lương tăng ca/tăng giờ, thưởng chuyên cần, phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm...) của nhóm công nhân nhập cư tại thời điểm tháng 6/2009 bình quân đạt 1,86 triệu đồng/tháng, chỉ cao hơn chút ít so với con số thu nhập bình quân 1,67 triệu đồng/tháng trong mẫu khảo sát công nhân nhập cư ở Kiến An và Gò Vấp tại thời điểm tháng 5/2008.

Hình 3 cho thấy, thu nhập hàng tháng của trên một nửa (59%) công nhân nhập cư vào thời điểm tháng 7/2009 không thay đổi so với cùng kỳ năm 2008. Tỷ lệ công nhân có thu nhập hàng tháng trong năm 2009 giảm cao hơn so với năm 2008 (tương ứng với tỷ lệ 10% và 3%). Việc nhận lương đúng hạn của nhóm công nhân nhập cư cũng bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế trong các tháng đầu năm 2009.

HÌNH 3. Thay đổi thu nhập bình quân tháng so với 12 tháng trước (%)

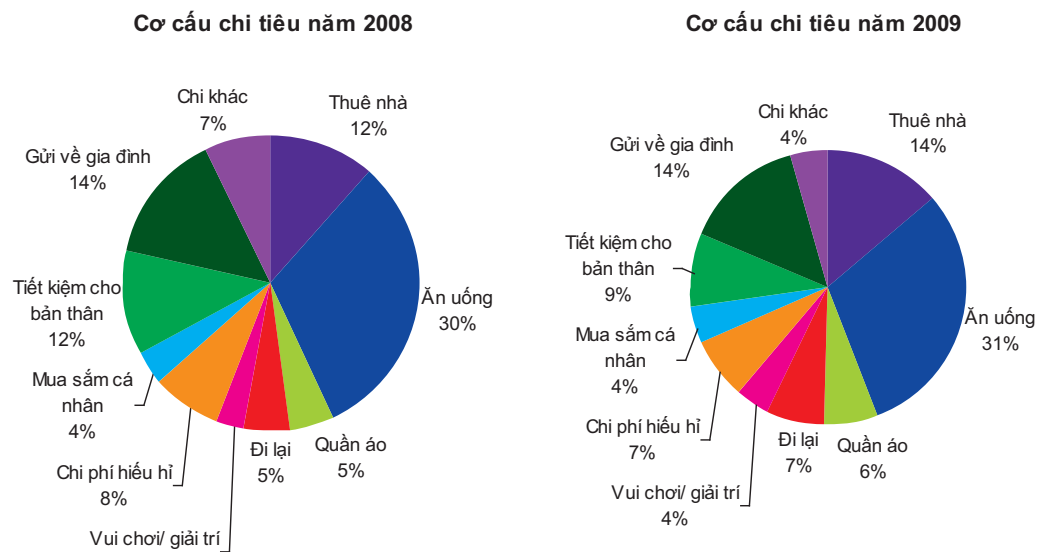


Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Ăn uống, thuê nhà và tiền gửi về gia đình là các khoản chi lớn nhất

Hình 4 so sánh cơ cấu chi tiêu trong 1 tháng của công nhân nhập cư ở 2 thời điểm tháng 5/2008 và tháng 6/2009, cho thấy dù mức tuyệt đối của chi tiêu có thay đổi nhưng cơ cấu chi tiêu của công nhân vẫn tương đối ổn định cho các khoản mục. Khoản chi lớn nhất là ăn uống, tiếp theo là tiền thuê nhà, tiền gửi về gia đình.... Tỷ lệ tiền tiết kiệm cho bản thân đã giảm chút ít trong năm 2009 so với năm 2008.

HÌNH 4. Cơ cấu chi tiêu trung bình trong một tháng (%)



Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Nam công nhân chi tiêu nhiều hơn cho đi lại và giải trí; nữ công nhân chi tiêu nhiều hơn cho mua sắm cá nhân và làm đẹp

Khi so sánh cơ cấu chi tiêu của nam công nhân và nữ công nhân trong năm 2009 cho thấy cũng có sự khác nhau chút ít. Ngoài các khoản chi tiêu bắt buộc như ăn uống, thuê nhà, chi phí hiếu hỉ..., nhóm nam công nhân thường thích đi lại, giao lưu, quan hệ bạn bè nên số tiền dành cho việc đi lại và vui chơi giải trí chiếm 13% thu nhập hàng tháng trong khi nữ chỉ dành

Cách đối phó phổ biến là cắt giảm chi tiêu

9% tổng thu nhập cho khoản này. Nhưng nữ giới lại có nhiều quan tâm tới việc làm đẹp cho bản thân hơn nam giới nên khoản chi phí dành cho việc mua quần áo, giày dép, mỹ phẩm, làm tóc hoặc mua sắm cá nhân lại nhiều hơn của nhóm nam (12% của nữ và 8% của nam).

Bảng 11 cho thấy, để đối phó với sự sụt giảm về thu nhập và sự tăng giá trong sinh hoạt hàng ngày, hầu hết công nhân đều cố gắng cắt giảm các khoản chi tiêu, như giảm mua sắm quần áo (66%), tiết kiệm chi phí ăn uống hàng ngày (59%), chi phí đi lại (57%). Đáng chú ý là có 44% công nhân trong mẫu khảo sát năm 2009 phải giảm tiền tiết kiệm cho bản thân, tỷ lệ này cao hơn hẳn so với năm 2008 (26%). Khi so sánh phương án cắt giảm chi tiêu giữa nam công nhân và nữ công nhân cho thấy, đa số nam công nhân cắt giảm chi phí đi chơi, giải trí (60% ý kiến); còn đa số nữ công nhân cắt giảm tiền mua sắm quần áo (74% ý kiến) và giảm mức chi tiêu cho ăn uống hàng ngày (66% ý kiến).

BẢNG 11. Cách đối phó của công nhân nhập cư với khó khăn (%)

	Đông Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Giảm tiền thuê nhà	-	7	17	3	5	13	10	8
Giảm khoản tiết kiệm cho bản thân	-	50	21	35	29	47	26	44
Giảm các khoản mua sắm quần áo	-	67	79	52	63	80	69	66
Giảm chi phí đi chơi/ giải trí	-	48	69	40	73	82	71	57
Giảm chi phí hiếu hỉ	-	22	33	3	22	17	27	14
Giảm mức chi tiêu cho ăn uống hàng ngày	-	73	33	35	64	68	52	59
Giảm mua sắm cá nhân khác	-	57	67	40	31	42	46	46
Giảm tiền gửi về nhà	-	27	29	58	21	2	25	29

Nguồn: Phỏng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

--- “Năm ngoái giá tăng cao nhưng lương mình vẫn ổn, chỉ là chi tiêu nhiều hơn một chút. Còn bây giờ lương thì ít đi mà cái gì cũng tăng, từ tiền nhà, tiền điện, tiền ăn,.. nên khó khăn hơn nhiều” (nhóm công nhân nhập cư tại Phường 6, quận Gò Vấp)

--- “Năm nay lương ít, tiền chưa về đến nhà đã hết nên phải giảm mua sắm quần áo, ăn uống cũng ít đi” (nhóm công nhân nhập cư tại phường Lãm Hà, Hải Phòng)

--- “Ít việc, tiền lương cũng ít nên phải cắt giảm chi tiêu hàng ngày như mua sắm đồ, quần áo và giảm chi tiêu ăn uống hàng ngày. Có tiền, mua sắm cá nhân có thể tới 300 – 400 nghìn/ tháng, nhưng bây giờ khó khăn thì chỉ mua đồ hết khoảng 100 nghìn thôi” (L.T.L, công nhân nhập cư tại phường Lãm Hà, Hải Phòng).

Tiền tiết kiệm và tiền gửi về nhà cũng giảm đi

Thu nhập hàng tháng không tăng đáng kể, trong khi các phí thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày như giá lương thực, thực phẩm, giá nhà, giá điện, nước, xăng xe đi lại... đều tăng sau kỳ nghỉ Tết nên việc chi tiêu của nhóm công nhân nhập cư gặp nhiều khó khăn. Số tiền tiết kiệm của nhóm công nhân cũng giảm đi, thậm chí nhiều trường hợp chỉ đủ tiền sinh hoạt phí trong tháng.

Phần lớn công nhân nhập cư đều coi việc tiết kiệm nhằm tích lũy cho bản thân và gửi tiền về nhà là hai trong những mục đích chính của việc lên thành phố kiếm việc làm. Tuy nhiên, cùng với việc giảm thu nhập và lo đối phó với giá cả sinh hoạt tăng, việc tiết kiệm và gửi tiền về nhà ngày càng khó khăn. Bảng 12 cho thấy, số công nhân có tiền gửi về nhà trong năm 2009 đã giảm đi so với năm 2008 (45% so với 59%). Những người có gửi tiền về nhà vẫn cố gắng duy trì mức tiền gửi, nên đa số chỉ giảm ít (dưới 25%) mức tiền gửi về so với năm trước.

BẢNG 12. Tiền tiết kiệm và gửi về nhà trong 12 tháng qua (%)

	Đông Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Có tiền tiết kiệm hàng tháng (sau khi trừ chi phí)	-	58	60	63	58	41	59	55
Gửi tiền cho người nhà trong 12 tháng qua	-	43	63	58	55	33	59	45
Mức độ giảm tiền gửi về nhà năm 2009 so với 2008								
Giảm ít (< 25)	-	58	46	66	74	0	65	62
Giảm tương đối (25-50)	-	0	15	14	4	0	8	9
Giảm mạnh (> 50)	-	0	15	0	0	100	5	2
Tạm thời không gửi tiền về nhà nữa	-	42	23	20	22	0	23	27

Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

2.1.5 Phương án chống đỡ

Có 3 phương án chống đỡ phổ biến trong thời khủng hoảng

Phương án chống đỡ thứ nhất là về quê, nhưng đa số chỉ là giải pháp tạm thời

Một số về quê đi làm cho doanh nghiệp gần nhà

Phương án chống đỡ của công nhân nhập cư kể từ khi cuộc khủng hoảng tài chính thế giới lan đến Việt Nam từ cuối năm 2008 khá đa dạng. Ba phương án phổ biến được nêu sau đây.

Phương án thứ nhất là về quê. Đây dường như là phương án "dễ" nhất, vì ở quê dù sao cũng có bố mẹ, gia đình, đa số gia đình ít nhất cũng đủ gạo ăn. Tuy nhiên, đây không phải là sự lựa chọn lâu dài của đa số công nhân nhập cư, mà chỉ là phương án tạm thời. Họ có thể về quê vào lúc khó khăn nhất vào những tháng cuối 2008 và đầu 2009 (thường về quê ăn Tết và ở lại nhà luôn), nhưng sau đó lại tìm cơ hội lên thành phố kiếm việc làm. Những người tính kế về quê lâu dài thường là công nhân nhập cư có con nhỏ, không có khả năng đưa người thân lên trông con hoặc không đủ tiền gửi con ở thành phố, hoặc những người có ý định về quê lập gia đình.

--- “Em tính sau khi nhận hỗ trợ xong sinh con rồi sẽ về quê sống chứ lương thế này không sống được vì phải đưa một người ở quê lên trông con. Xóm em có một chị bậc lương cao xấp xỉ 4 triệu, nhưng sinh con xong vẫn phải đưa bố mẹ đẻ, bố mẹ chống thay phiên nhau lên trông nhưng vẫn không để ra được đồng nào mà còn bị âm” (N.T.H, công nhân nhập cư tại Kim Chung, Hà Nội).

Một số người về quê để tìm việc làm tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp ở gần nhà. Mặc dù lương ở các doanh nghiệp gần nhà có thể thấp hơn, nhưng có thuận lợi là sáng đi tối về "ăn cơm nhà, ngủ nhà". Tuy nhiên, cơ hội việc làm trong các doanh nghiệp ở gần nhà cũng không có nhiều, hoặc công việc ở các doanh nghiệp ở gần nhà không phù hợp với mong muốn của thanh niên (ví dụ, thanh niên ở đồng bằng sông Cửu long không muốn về gần nhà làm

trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản). Suy nghĩ này cũng phù hợp với tâm lý muốn đi xa nhà, “bay nhảy, khám phá những điều mới lạ” của thanh niên trẻ.

--- “Về làm ở quê nhưng cũng phải đi cách xa nhà. Buổi tối đi về đường xá tối tăm, vắng vẻ. Đi lại cũng sợ nghiện. Hơn nữa công việc ở quê cũng không đều như ở đây. Các KCN mới xây dựng nên ít việc, công việc không có đều. Bạn em làm ở đó nên em biết, hay nghỉ lắm”

--- “Ở đây khí hậu trong này ổn định, thích hơn ở nhà. Và lại, nhiều khi đi làm 3-4 năm rồi mà chưa tích lũy được gì, về quê tay trắng thì không muốn về” (nhóm công nhân nhập cư phường 6, Gò Vấp).

Phương án thứ hai là bám trụ lại thành phố, đi làm thêm các việc tạm thời khác

Phương án thứ hai là bám trụ lại thành phố. Tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), thời điểm trước và sau Tết năm 2009 có hàng nghìn công nhân không có việc làm, trong đó ước tính khoảng 1/3 về quê, còn 2/3 vẫn bám trụ lại để tìm việc. Tại Gò Vấp, hầu hết công nhân mất việc làm đều không về quê, mà ở lại thành phố kiếm việc làm. Công nhân nhập cư chỉ có thu nhập vừa đủ sống nên tiền tiết kiệm không nhiều. Cộng với khoản tiền doanh nghiệp hỗ trợ khi mất việc, công nhân nhập cư chỉ đủ cầm cự trong một vài tháng. Họ thường phải làm nhiều nghề khác nhau để duy trì cuộc sống ở thành phố, như bán hàng rong, phụ hồ, phụ giúp nhà hàng... Tuy nhiên, thu nhập từ buôn bán nhỏ của nhóm công nhân nhập cư chuyển nghề thường không cao do chưa quen việc buôn bán hoặc do nhiều người dân địa phương hay mua tại các hàng quán quen. Trong khi làm các công việc tạm thời này, công nhân vẫn thông qua mạng lưới đồng hương, bạn trọ của mình để tìm việc trong các doanh nghiệp.

Phương án thứ ba là tiếp tục học văn hóa và học nghề, đây là một cách chống đỡ tích cực

Phương án thứ ba là tiếp tục đi học văn hóa và học nghề. Đây là một phương án tích cực, giúp thanh niên có thêm tri thức và kỹ năng để hy vọng sau này kiếm được nghề nghiệp ổn định hơn và có mức lương cao hơn. Cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua cũng có mặt tích cực là trở thành tiếng chuông cảnh tỉnh, một bài học kinh nghiệm cho nhiều công nhân nhập cư khi xác định tương lai nghề nghiệp cho bản thân. Nhiều công nhân nhận ra rằng nếu chỉ làm công nhân may mặc, giày da, lắp ráp điện tử... thì nguy cơ thất nghiệp, bị sa thải là rất lớn; nhưng nếu có trình độ tay nghề, có học thức thì có thể vừa có thu nhập cao mà công việc lại ổn định. Thực tế, số lượng công nhân vừa học vừa làm đã tăng lên đáng kể tại các điểm khảo sát. Trong thời gian vừa học vừa làm gia đình ở quê có thể hỗ trợ thêm kinh phí (gạo, tiền).

--- “Hiện tại em vừa làm vừa học để ôn thi đại học. Làm thế này nhưng không an toàn, dễ bị sa thải lắm, nhiều anh chị làm trước nói công ty khủng hoảng là mình dễ out lắm” (H.T.Y, công nhân nhập cư tại Kim Chung, Hà Nội)

--- “Em đang học thêm vi tính, Anh văn. Thấy làm công nhân lương bèo nhèo, sau này công ty giải thể thì mình cũng hết việc. Mình đi học thêm rồi hy vọng sau này có thể làm việc văn phòng”..... và “Em đang định đi học thêm nghề trang điểm cô dâu. Học hết 3 tháng thuộc nghề, nếu có điều kiện thì về quê mở tiệm, không cũng có thể kiếm việc khác ở đây” (nhóm công nhân nhập cư phường 6, quận Gò Vấp)

--- “Tháng 12/2008 công ty bị khủng hoảng kinh tế, không có việc làm nên thông báo ai có nhu cầu nghỉ thì được hưởng 2 tháng lương, trong đó 1 tháng được hưởng các chế độ Bảo hiểm, một tháng chỉ có lương cứng. Em nghỉ làm, chưa xin được việc mới nhưng không về quê, ở đây tập trung vào việc học vì hiện nay đang học ngành kế toán của trường Trung cấp kỹ thuật Bắc Thăng Long đến tháng 8/2009 sẽ xong. Tốt nghiệp có thể nhờ chị con nhà cậu xin việc ở Bình Phước cho. Tiền ăn ở bây giờ do bố mẹ, anh chị hỗ trợ.” (N.T.T, công nhân nhập cư tại xã Kim Chung, Hà Nội)

Vừa học vừa làm là lựa chọn của nhiều công nhân nhập cư, trong đó đa số là nữ giới

Có thể nói, cơn bão giá năm 2008 và cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2009 đã cùng cố sự lựa chọn học nghề và học văn hóa của một bộ phận thanh niên nhằm kiếm được công việc ổn định hơn và có thu nhập cao hơn. Nhiều công nhân nhập cư lựa chọn cách vừa đi làm vừa đi học trung cấp nghề, một số học tiếp liên thông lên cao đẳng hoặc đại học. Tại Phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM), số sinh viên các tỉnh học cao đẳng, trung cấp đến thuê trọ cũng đã tăng vọt trong năm 2009 so với năm 2008. Tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), số công nhân các

tỉnh vừa đi làm vừa theo học tại Trường trung cấp kinh tế-kỹ thuật Bắc Thăng long khá lớn trong 2 năm qua, trong đó đa số là nữ (Hộp 9). Đang rất cần một chương trình hỗ trợ người lao động nhập cư học nghề, đồng thời hướng nghiệp, tư vấn giúp người lao động có thể xây dựng kế hoạch dài hạn cho tương lai của bản thân.

HỘP 9: Trường trung cấp kinh tế- kỹ thuật Bắc Thăng Long: một địa chỉ tin cậy của công nhân nhập cư

Trường trung cấp kinh tế-kỹ thuật Bắc Thăng Long là một mô hình đào tạo nghề khá thành công với định hướng đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân, tập trung chính vào 2 ngành: Kỹ thuật công nghệ và Kinh tế - Du lịch. Học sinh của trường được tuyển chọn dựa trên kết quả học tập thể hiện trong hồ sơ Học bạ PTTH. Nhà trường còn tổ chức liên kết đào tạo với một số trường cao đẳng, đại học trên địa bàn Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho học sinh của trường nếu có nhu cầu, sau khi tốt nghiệp có thể học liên thông lên bậc cao đẳng, đại học bằng cách thi hai môn chính: Toán và môn chuyên ngành.

Với hai bí quyết: gắn bó cùng doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu của người học, năm học 2008-2009, số học sinh theo học trong trường có xu hướng tăng lên so với năm học 2007-2008, trong đó đa số là nữ công nhân nhập cư vừa học vừa làm.

	Năm học 2007-2008	Năm học 2008-2009
Tổng số học sinh, sinh viên của trường	5.298	5.484
Trong đó:		
<i>Hệ trung cấp</i>	3.779	4.373
<i>Hệ cao đẳng, đại học</i>	1.519	1.111
Tỷ lệ nữ (%)	75%	84%
Tổng số học sinh, sinh viên là công nhân	4.132 (chiếm 78% học sinh của trường)	4.496 (chiếm 82% học sinh của trường)
Tổng số học sinh, sinh viên là công nhân nhập cư	3.602 (chiếm 68% học sinh của trường)	4.113 (chiếm 75% học sinh của trường)

Để tạo điều kiện cho học sinh của trường có thể đảm bảo chương trình học tập tại trường (với 82% học sinh của trường là công nhân vừa học vừa làm), nhà trường đã linh hoạt thay đổi kế hoạch giảng dạy bằng cách: (i) tổ chức mỗi lớp dạy 2 lần/ ngày để học sinh có thể tự chọn buổi học (sáng, chiều) tùy theo thời gian làm việc (do đặc thù của nhiều doanh nghiệp trong khu công nghiệp Bắc Thăng Long chia thời gian làm việc 3 ca); (ii) tổ chức các buổi thi vào Thứ 7, Chủ nhật...

Từ giữa năm 2007, bộ phận Quan hệ Doanh nghiệp của trường đã thiết lập mạng lưới liên kết với nhiều doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh vừa đi học, vừa đi làm, đồng thời giúp các doanh nghiệp tuyển dụng được lao động có trình độ.

Hiệu trưởng trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Thăng Long chia sẻ:

--- “Nhận thấy việc sử dụng lao động tại các khu công nghiệp hiện nay còn nhiều bất cập như công nhân chủ yếu trong độ tuổi trẻ từ 18-25 tuổi, lao động phổ thông tại các xí nghiệp, nhà máy nhưng khi nghỉ việc, không tích lũy được nhiều kỹ năng, khó có thể làm nghề độc lập do chỉ quen với những thao tác kỹ thuật đơn giản, rời rạc trong một dây chuyền, nhà

trường đã đưa ra chủ trương tuyển các em làm việc tại khu công nghiệp đến học để các em có kỹ năng tự hành nghề. Sau khi tốt nghiệp bậc trung cấp hoặc học liên thông lên hệ cao đẳng, đại học, nhiều em đã kiếm được công việc tốt hơn, có thu nhập cao hơn. Nếu vẫn tiếp tục làm việc tại nơi làm việc hiện tại, sau khi học xong ở đây thu nhập của các em cũng được nâng lên theo trình độ. Học trung cấp cũng hơn thu nhập của một công nhân bình thường mấy trăm nghìn, học đại học lương lại cao hơn nữa”.

--- “Trong thời gian nhiều doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Bắc Thăng Long bị tác động bởi khủng hoảng, công nhân mất việc nhiều. Nhà trường lúc đầu cũng lo số lượng học sinh, sinh viên của trường sẽ giảm đi đáng kể. Nhưng sau một thời gian, đến nay (tháng 7/2009) nhìn lại thấy số công nhân bỏ học rất ít, nhà trường không bị ảnh hưởng mấy. Tìm hiểu mới biết học sinh của trường do có trình độ và ý thức, chịu khó học hỏi nên ít bị mất việc hơn. Số học sinh bị mất việc chỉ khoảng 1-2% số học sinh theo học. Nhiều học sinh mất việc vẫn chấp nhận ở lại để đi học. Bộ phận quan hệ doanh nghiệp cũng đã tăng cường giới thiệu các em tới làm việc tại các doanh nghiệp trong nước ít bị ảnh hưởng hơn.

2.1.6 Kế hoạch và nguyện vọng của công nhân nhập cư

Công nhân nhập cư mong muốn được giúp đỡ về tay nghề và kỹ năng sống

Bảng 13 cho thấy, nguyện vọng chủ yếu của công nhân nhập cư đang làm việc trong các doanh nghiệp tại 3 điểm khảo sát là được cung cấp thêm các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe (83%), pháp luật, quyền và nghĩa vụ (69%), kiến thức và cách phòng chống HIV/AIDS (69%), nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề (67%). So sánh giữa số liệu khảo sát hai năm 2008 và 2009 cho thấy, tỷ lệ công nhân nhập cư mong muốn được cung cấp các kiến thức về chăm sóc sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS tăng lên một cách đáng kể trong năm qua.

BẢNG 13. Mong muốn được giúp đỡ (%)

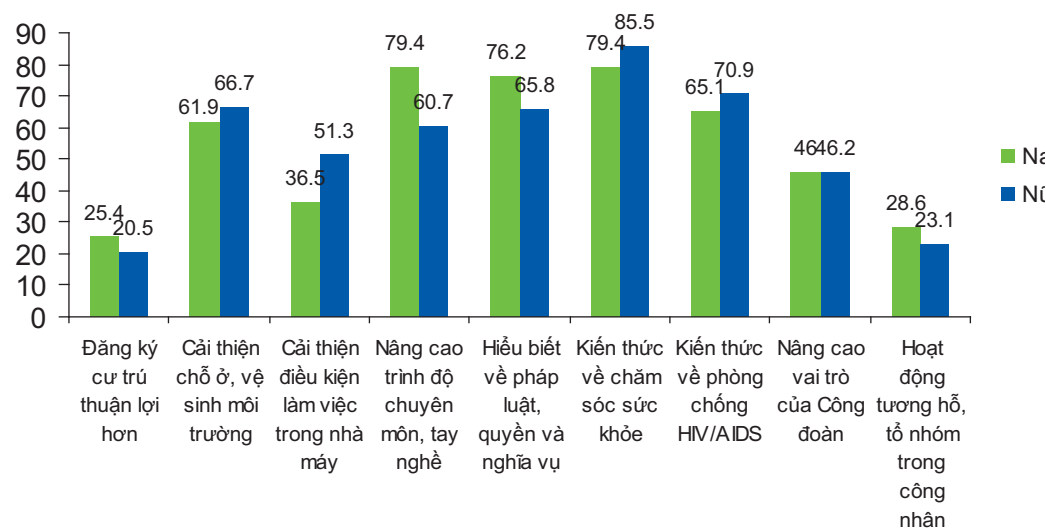
	Đồng Anh (Hà Nội)		Kiến An (Hải Phòng)		Gò Vấp (TP.HCM)		Trung bình	
	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009
Đăng ký cư trú thuận lợi hơn	-	12	25	5	17	50	21	22
Cải thiện chỗ ở, vệ sinh môi trường	-	72	33	60	55	63	44	65
Cải thiện điều kiện làm việc trong nhà máy		60	72	37	37	42	54	46
Nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề	-	55	85	70	30	77	58	67
Hiểu biết về pháp luật, quyền và nghĩa vụ	-	68	67	60	47	80	57	69
Kiến thức về chăm sóc sức khỏe	-	80	63	78	47	92	55	83
Kiến thức về phòng chống HIV/AIDS	-	58	63	87	28	62	46	69
Nâng cao vai trò của Công đoàn	-	45	63	47	12	47	38	46
Hoạt động tương hỗ, tổ nhóm trong công nhân	-	22	67	13	20	40	43	25
Những giúp đỡ khác	-	0	2	0	2	0	2	0

Nguồn: Phỏng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Nữ công nhân quan tâm hơn đến chăm sóc sức khỏe, điều kiện sống và làm việc so với nam công nhân

Khi so sánh mong muốn được giúp đỡ của công nhân nam và nữ, có thể thấy nữ công nhân nhập cư có nhiều quan tâm hơn đối với việc tiếp thu kiến thức về chăm sóc sức khỏe, kiến thức về phòng chống HIV/AIDS, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống, vệ sinh môi trường. Trong khi nhiều nam giới có nhu cầu được nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề và được cung cấp kiến thức về quyền và nghĩa vụ của người lao động cao hơn nữ (Hình 5).

HÌNH 5. Mong muốn được giúp đỡ xét theo góc độ giới, 2009 (%)



Nguồn: Phỏng vấn công nhân nhập cư, tháng 7/2009

Tỷ lệ công nhân nhập cư có ý định làm việc lâu dài tại doanh nghiệp không cao

Khi được hỏi “Bạn có ý định làm công việc hiện tại (tại doanh nghiệp) trong bao lâu nữa?”, có 62% công nhân cho biết là “chưa tính được”. Có 4% đang có ý định chuyển sang việc khác hoặc doanh nghiệp khác. Với những công nhân xác định tiếp tục ở lại làm việc, đa phần có ý định làm từ 1-3 năm. Tỷ lệ công nhân xác định gắn bó lâu dài với doanh nghiệp trên 3 năm rất thấp (Bảng 14).

BẢNG 14. Dự tính của công nhân về công việc trong tương lai, 2009 (%)

	Đông Anh (Hà Nội)	Kiến An (Hải Phòng)	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Tiếp tục làm việc này ít hơn 6 tháng	2	0	5	2
Tiếp tục làm việc này từ 6 đến 12 tháng	7	5	8	7
Tiếp tục làm việc này từ 1 đến 3 năm	30	18	12	20
Tiếp tục làm việc này trên 3 năm	2	7	8	6
Chưa tính được, cứ làm tiếp rồi tùy tình hình xem thế nào	53	68	63	62
Đang có ý định chuyển sang việc khác hoặc sang doanh nghiệp khác	7	2	3	4

Nguồn: Phỏng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Còn nhiều công nhân không tham gia Công đoàn

2.1.7 Vai trò của Công đoàn

Hơn 60% công nhân trong mẫu khảo sát năm 2009 có tham gia công đoàn trong các doanh nghiệp. Theo loại hình doanh nghiệp thì công nhân làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân có tỷ lệ tham gia công đoàn thấp nhất (Bảng 15).

BẢNG 15. Tỷ lệ tham gia công đoàn theo loại hình doanh nghiệp, 2009 (%)

	Loại hình doanh nghiệp				Trung bình
	Nhà nước	Tư nhân	Công ty 100% vốn nước ngoài	Công ty liên doanh	
Có	82	35	80	70	61
Không	18	65	20	30	39

Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 7/2009

Còn một bộ phận công nhân chưa thấy lợi ích cụ thể của việc tham gia Công đoàn

Lý do đa số công nhân không tham gia công đoàn phổ biến là do trong doanh nghiệp không có tổ chức Công đoàn (40%), nhất là trong các doanh nghiệp tư nhân. Ngoài ra còn các lý do khác như: không thuộc diện được tham gia (30%); không biết cách tham gia (19.%) và do không thích/ không thấy cần thiết (10%).

Với các công nhân đang là thành viên Công đoàn tại nơi làm việc, 46% cho rằng có ích lợi khi tham gia tổ chức Công đoàn, nhưng vẫn còn 16% người cho biết họ chưa thấy ích lợi cụ thể gì sau khi gia nhập Công đoàn (Bảng 16).

Nữ công nhân đánh giá cao ích lợi khi tham gia tổ chức công đoàn hơn nam công nhân (49% ở nữ so với 42% ở nam), có thể do lao động nữ nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ phía công đoàn về các chế độ như thai sản....

BẢNG 16. Ích lợi khi tham gia hoạt động Công đoàn, 2009 (%)

	Đông Anh (Hà Nội)	Kiến An (Hải Phòng)	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Có ích lợi	41	35	71	46
Bình thường	39	45	25	38
Chưa thấy ích lợi gì cụ thể	21	20	4	16

Nguồn: Phòng vấn công nhân nhập cư, tháng 6-7/2008 và tháng 7/2009

Hoạt động của Công đoàn chưa thực sự phát huy hiệu quả

Theo ý kiến của một số công nhân, Công đoàn chưa thực sự phát huy được hiệu quả, chưa thực sự bảo vệ nhiều quyền lợi cho người lao động nên họ không tham gia, điều này cũng là khó khăn cho hoạt động của công đoàn. Trên thực tế, với số lượng lớn công nhân làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức công đoàn khó có thể quan tâm hết đến nhu cầu, nguyện vọng của tất cả thành viên công đoàn nên hoạt động của công đoàn vì thế cũng gặp những khó khăn.

--- “Khi có ý kiến từ công nhân báo lên công đoàn nhưng tất cả đều như “gió thoảng mây bay” (N.T.H, công nhân nhập cư tại Phường 6, Gò Vấp)

--- “Công ty em có đội bóng đá rất mạnh nhưng em làm được gần 1 năm rồi mà chẳng có ai

báo cho bọn em đi xem. Thực tế bọn em chẳng biết đội bóng có những ai, bao giờ thi đấu và thi đấu với ai. Nói chung mình rất ít liên quan đến công đoàn, mình cũng muốn đi nhưng chẳng ai mời đi” (P.T.H, công nhân nhập cư tại Kim Chung, Hà Nội).

2.2 NHÓM BUÔN BÁN NHỎ

2.2.1 Đặc điểm nhóm

Người buôn bán nhỏ đa số là nữ giới, đã có gia đình

Nhóm buôn bán nhỏ gồm những người bán hàng cố định (thường là người dân địa phương) và những người bán hàng rong (thường là người từ các quận huyện lân cận đi về trong ngày, và những người ngoại tỉnh đến tạm trú). Tại các điểm khảo sát, hầu hết người buôn bán nhỏ là nữ giới, độ tuổi đa dạng (từ 15 đến 55 tuổi). Phần lớn người buôn bán nhỏ đã có gia đình và là lao động chính của gia đình. Đặc điểm chung này trong năm 2009 không có gì khác so với năm 2008.

Một số nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp nay chuyển sang buôn bán nhỏ

Xuất thân của người buôn bán nhỏ có sự khác biệt theo từng địa bàn. Người buôn bán nhỏ tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội) và tại phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng) hầu hết là người địa phương và từ các huyện, xã lân cận. Trong số đó có một số người vừa làm ruộng, vừa bán hàng để kiếm thêm thu nhập. Ở Kim Chung, đa số người buôn bán nhỏ là nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp không có việc làm nên chuyển sang làm buôn bán nhỏ. Riêng tại phường 6 (Gò Vấp, TP.HCM) người bán hàng rong đa phần là dân nhập cư, trong số đó rất nhiều người từ ngoài Bắc như Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hải Dương, Ninh Bình, Vĩnh Phúc vào thuê phòng trọ và kiếm sống.

Nhà nghèo, học vấn thấp, vốn ít là lý do lựa chọn nghề buôn bán nhỏ

Những người buôn bán nhỏ được phỏng vấn tại 3 địa bàn khảo sát phần đông là người nghèo, một số người trong gia đình có người ốm đau, bệnh tật. Trình độ học vấn thấp, quá tuổi xin làm công nhân, không có việc làm là lý do chính khiến nhiều người lựa chọn người bán hàng rong như một giải pháp sinh kế. Đây là một nghề dễ làm, vốn ít (có thể chỉ cần một vài trăm ngàn đồng) mặc dù công việc rất vất vả.

Một số công nhân bị mất việc làm chuyển sang nghề buôn bán nhỏ

Từ đầu năm 2009, tại cả 3 thành phố xuất hiện thêm một nhóm mới tham gia buôn bán nhỏ, đó là một số ít công nhân nhập cư bị mất việc làm tạm thời do tác động của khủng hoảng tài chính nên chuyển ra làm một số việc tự do như bán hàng rong, bán hàng quần áo hoặc giúp việc trong các cửa hàng để có thu nhập trang trải các chi phí cuộc sống ở đô thị. Đa số nhóm này coi buôn bán nhỏ là nghề tạm thời trong lúc tìm cơ hội việc làm mới và chờ giai đoạn khủng hoảng tài chính qua đi.

2.2.2 Điều kiện sống và hành nghề

Người làm nghề buôn bán nhỏ có thu nhập bấp bênh

Hầu hết người buôn bán nhỏ đều có thu nhập bấp bênh, không ổn định vì phải phụ thuộc vào lượng khách hàng, thời điểm bán hàng. Thời điểm người buôn bán nhỏ, bán hàng rong bán được nhiều hàng nhất là lúc công nhân mới được lĩnh lương. Ngoài ra, thứ 7, chủ nhật hay ngày tư rằm, mừng một, lượng hàng hoá cũng được tiêu thụ nhiều hơn ngày thường. Ngược lại, vào những ngày mưa lượng hàng hóa bán được ít hơn.

... và thời gian làm việc vất vả, ít có điều kiện giải trí

Thời gian làm việc của người buôn bán nhỏ rất vất vả. Tại Kim Chung, nhiều chị em phải dậy từ 2 hoặc 3h sáng sang tận chợ đầu mối như chợ hoa quả Long Biên hoặc chợ đêm ở Cầu Giấy, chợ vải Ninh Hiệp, cách nhà tới vài chục cây số để lấy hàng. Sau đó họ mang về bán đến 6 hoặc 7h tối, thậm chí có hôm đến tận 10h đêm. Tại Lãm Hà và Phường 6, người bán hàng rong tuy không phải đi xa tới vài chục cây số nhưng cũng phải dậy từ 4-5 h sáng. Đi lấy hàng đêm có thể gặp phải hàng xấu hàng hỏng. Do thời gian làm việc một ngày rất kín nên người buôn bán nhỏ gần như không có cơ hội vui chơi giải trí. Ngay cả tivi họ cũng ít xem vì trở về nhà là họ tắm giặt, ăn uống nghỉ ngơi.

--- “Đi mua rau từ 4h sáng, 7h sáng mới lên đến đây (chợ Lãm Hà). Đi xe thô rau thôi” (Nhóm buôn bán hàng rong phường Lãm Hà)

--- “Buổi sáng thường 5h là gánh hàng lên công ty bán, từ 7h đến 10 h là bán ở chợ. Chiều thì 3h30 lại gánh hàng lên công ty, từ 4h đến 6h bán ở chợ. Chưa kể trời mưa phải mang bánh về ăn hoài sợ luôn” (D.T.T, bán bánh, Phường 6)

--- “Hàng xấu rất nhiều, có khi mua 4 thùng thanh long mất một thùng, một thùng 20 cân mất 5 cân. Luật của chợ Long Biên nếu muốn mua loại hàng rẻ không được chọn mà được thùng xấu thì phải lấy, mở ra nói thối là bị đánh liến” (Đặng Thị A, bán hàng hoa quả)

--- “Đi bán hàng về muộn, mệt mỏi chỉ nằm ngủ thôi chứ có đi chơi ở đâu được. Tivi cũng thích xem nhưng mệt quá cũng không xem được nhiều” (D.T.T, bán hoa quả, xã Kim Chung)

Người bán hàng rong còn vất vả hơn do phải di chuyển nhiều, gặp mưa nắng thất thường

Những người bán hàng cố định thường là có cửa hàng hoặc thuê kiốt, chỗ ngồi ổn định. Với người bán hàng rong, địa điểm bán hàng thường là tại lề đường, quán nước, cổng công viên, cổng trường học hoặc tại cổng các khu công nghiệp, bến xe buýt, gầm cầu... Nhóm bán hàng cố định đỡ vất vả hơn do họ có điều kiện ăn uống tại cửa hàng, không phải lo lắng chuyện mưa nắng. Trong khi đó, những người bán hàng rong hầu như không về nhà nghỉ trưa mà ăn uống tại hàng quán ven đường, quán cơm bụi với định mức cơm trưa khoảng 10.000- 15.000 đồng/suất.

Bán hàng cố định thường có thu nhập cao hơn bán hàng rong, trừ những nơi công nhân nhập cư chuộng đồ rẻ

Thu nhập của người bán hàng cố định và bán hàng rong cũng khác nhau. Số tiền lãi của người bán hàng rong có thể tính rõ ràng sau một ngày làm việc; nhưng tiền lãi của những người bán hàng cố định khó ước lượng hơn, vì vốn còn tồn đọng do chưa bán được hàng. Tại TP.HCM và Hải Phòng, người bán hàng cố định thường kiếm được gấp đôi so với người bán hàng rong (tại Hải Phòng: bán hàng rong được 20.000-40.000 đồng/ngày, bán cố định được 60.000-120.000 đồng/ngày; trong khi tại TP.HCM bán hàng rong được khoảng 50.000 đồng/ngày, bán cố định được khoảng 100.000 đồng/ngày). Riêng ở xã Kim Chung, do khách hàng chủ yếu là công nhân nhập cư ưa chuộng đồ rẻ nên thu nhập của người bán hàng rong có xu hướng cao hơn người bán cố định, trừ một số người bán khoai luộc, bán rau cũng chỉ lãi được vài chục ngàn một ngày vì ế hàng và vốn nhỏ.

--- “Những người bán hàng rong không phải thuê kiốt thì bán được 50 ngàn một chiếc áo, còn mình phải trả tiền thuê kiốt mấy chục một ngày nên bán giá cao hơn 50 ngàn một chiếc. Sinh viên, công nhân thích mua rẻ nên mình cũng bán không chạy hàng lắm. Có khi cả tuần mới đi lấy hàng một lần” (nhóm buôn bán nhỏ xã Kim Chung).

Tiền tiết kiệm hầu như không có

Phần lớn người bán hàng rong là lao động chính, tiền kiếm được hàng ngày phải lo trang trải các chi phí của gia đình nên hầu như không có khoản tiền nào dành cho tiết kiệm, mà “làm ra đồng nào là hết đồng đó”. Đối với hộ bán hàng cố định có thể tích lũy được những số tiền nhất định, do điều kiện kinh tế gia đình của nhóm này thường khá hơn nhóm bán hàng rong.

--- “Kiếm được 20 ngàn sẽ cố gắng chi trong khoảng 20 ngàn, kiếm được 100 ngàn thì cũng chi hết 100 ngàn. Kiếm được ngày nào tiêu ngày ấy. Có khi tiêu cũng không đủ lấy gì mà tiết kiệm” (Nhóm buôn bán nhỏ xã Kim Chung)

Người nhập cư bán hàng rong còn phải chịu tiền thuê nhà, tiền điện giá cao

Tại phường 6, Gò Vấp (TP. HCM), nhiều hộ nhập cư bán hàng rong phải thuê nhà trọ từ 12-16 m2, có gác xép, vệ sinh khép kín, giá điện 3.000 – 3.500 đồng/1số nên cuộc sống rất khó khăn.

2.2.3 Tính dễ bị tổn thương

Tại thời điểm tháng 7/2009, số người người bán hàng rong tại các điểm khảo sát tại TP.HCM có xu hướng giảm đi, nhưng tại các điểm khảo sát ở Hải Phòng và Hà Nội lại tăng lên so với cùng kỳ năm 2008. Số lượng người bán hàng rong tại Phường 6 giảm chút ít, chủ yếu do một số người nhập cư không bán được hàng, phải thuê nhà trọ, đời sống khó khăn nên về quê sống. Trong khi đó, tại Kim Chung và Lãm Hà, người buôn bán nhỏ đa phần là người bán địa hoặc ở huyện lân cận sáng đi tối về nên không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục bán

Người bán hàng rong tại Hà Nội và Hải Phòng có xu hướng tăng lên

hàng. Một lý do khác, trong quý 1/2009, số công nhân khi bị thất nghiệp tại Hà Nội và Hải Phòng tăng mạnh, chuyển sang đi bán hàng rong, giúp việc trong các nhà hàng chờ cơ hội việc làm mới. Một số công nhân khác do mang bầu nên không thể tiếp tục xin việc mới khác mà nghỉ việc đi bán hàng rong làm tăng tính cạnh tranh của công việc.

--- “Trước có ít người bán thôi, sau tết số người bán quần áo, giày dép cũng phải tăng lên đến 45%. Lại có thêm nhiều người bán đồ đồng, phải tới khoảng mấy chục người bán đồ đồng, họ đứng dọc đường đi. Cảm thấy cuộc sống của mình càng khó khăn” (nhóm buôn bán nhỏ xã Kim Chung)

--- “Từ ngày công nhân giày da thất nghiệp họ đi ra chợ bán nhiều lắm. Từ năm ngoái đến năm nay tăng đến mấy chục người ấy. Trước đây thấy xuống đây chán lắm vì mình đứng ở cuối chợ nhưng bây giờ thì mình thành giữa chợ rồi” (nhóm buôn bán nhỏ phường Lãm Hà)

Thu nhập từ buôn bán nhỏ không tăng, thậm chí giảm trong năm 2009

Phần đông người buôn bán nhỏ, bán hàng rong đều cho rằng thu nhập của họ năm 2009 không tăng, thậm chí là giảm. Nhất là trong giai đoạn quý 1/2009 công nhân thất nghiệp về quê nhiều, những mặt hàng thường bán cho công nhân không chạy nữa buộc một số người phải tìm giải pháp đóng cửa, nghỉ bán hàng hoặc chuyển sang bán những mặt hàng khác.

--- “Cuối năm 2008 bán hàng được ít hơn mọi năm nhưng đầu năm 2009 còn vất vả hơn, người mua giảm hẳn nhất là công nhân nên hàng bán cũng được ít trước được 130 ngàn một ngày thì đợt khủng hoảng chỉ được 80-90 ngàn một ngày, Bây giờ thì cũng đỡ hơn rồi, mỗi ngày cũng được khoảng hơn 100 ngàn” (D.T.T, bán hàng hoa quả xã Kim Chung)

Biến động giá cả và chính sách của địa phương ảnh hưởng đến một số nghề buôn bán nhỏ

Ngoài ra, tại TP.HCM, thu nhập từ thu mua ve chai thấp hơn so với năm ngoái do giá cả biến động, ve chai thu mua được bán với giá thấp hơn (ví dụ như sắt năm 2008 là 7.000 đồng/kg, đầu năm 2009 thì 2.000-2.500 đồng/kg, đến tháng 7/2009 có tăng lên chút ít là 3.000 đồng/kg); ve chai năm trước các gia đình vứt đi, nhưng năm nay đời sống chung sút giảm do khủng hoảng tài chính nên họ gom lại để bán; do phường có chủ trương xóa bỏ những vỉa ve chai, giấy vụn để khỏi ô nhiễm môi trường nên người lượm ve chai phải đi xa bán (vì lượm phế liệu về phải phân loại thì mới bán cho vỉa được)

Hộp 10: Người bán hàng rong trong thời khủng hoảng

Chị N.T.T, 50 tuổi sống tại phường Lãm Hà (Kiến An) có hoàn cảnh rất khó khăn. Chồng chị bị liệt cách đây 15 năm nên không giúp được gì nhiều cho cuộc sống gia đình; con chị thì đang học đại học tại chức chi phí cũng tốn kém. Công việc chính của chị là bán bánh rán hàng ngày để kiếm sống và chăm sóc chồng, nuôi con ăn học.

Khủng hoảng tài chính vào giai đoạn cuối năm 2008 và đầu năm 2009 đã khiến cho kinh tế gia đình chị càng ngày càng eo hẹp. Thời điểm trước khi khủng hoảng chị ngồi bán bánh rán tại cổng Công ty da dày Niệm Nghĩa. Nhưng vào cuối năm 2008 do khủng hoảng kinh tế nên đã có rất nhiều công nhân nghỉ việc khiến cho lượng người ăn bánh hàng ngày của chị giảm đi rất nhiều. Do không có người ăn nên chị phải chuyển địa điểm về chợ Lãm Hà để bán. Chị cho biết “trước khi công nhân nghỉ việc bán được khoảng 300 chiếc bánh rán/ngày. Hiện nay chỉ bán được khoảng 100 chiếc/ngày”

Hiện nay chị không biết làm gì khác để kiếm sống, do chồng chị nằm liệt giường nên chị phải có mặt thường xuyên ở nhà để chăm sóc. Đối với chị nghề làm và bán bánh rán là nghề duy nhất để có thời gian chăm sóc cho gia đình. Nhưng với thu nhập hiện nay của chị đã khiến cho mọi chi phí trong gia đình phải giảm đi đáng kể. Chị tâm sự ngay cả khi hết khủng hoảng thì chị cũng không thể quay lại chỗ cũ để bán. Nguyên nhân là do khi chị rời đi thì đã có người khác thay thế chỗ, do đó muốn tìm lại một chỗ mới để bán cũng rất khó khăn..

Người buôn bán nhỏ còn phải chịu ảnh hưởng từ dư âm của cơn bão giá vào tháng 5-6 năm 2008 khiến chi phí đầu vào tăng lên. Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, khách hàng phải

Khủng hoảng tài chính năm 2009 tiếp nối cơn bão giá năm 2008 ảnh hưởng đến thu nhập của người buôn bán nhỏ

tiết kiệm và cắt giảm chi tiêu, cân nhắc thận trọng hơn về giá cả, đặc biệt muốn mua rẻ khiến người buôn bán nhỏ, hàng phải bán hàng với giá thấp, chịu ít lãi đi, bằng không sẽ chẳng có ai mua.

--- “Số lượng thịt bán năm nay giảm đi nhiều, dân làm được ít nên họ mua ít đi. Trước tết bán được 30 – 40kg/ngày, nay chỉ bán được khoảng 20 kg/ngày” (nhóm buôn bán nhỏ phường Lâm Hà)

--- “Công nhân muốn ăn rẻ nên mình cũng phải bán rẻ thôi không là ế mất. Nhưng bán rẻ thì làm gì có lãi vì thùng hoa quả đã bị thối nhiều rồi nên giải pháp an toàn nhất buộc phải cân non đi. Mình thuê người ta chính cân cho thiếu 2 lạng, Nếu ai mà không trả rẻ mình lại cân tươi tình cho họ” (Đ.T.A. bán hoa quả, xã Kim Chung)

--- “Năm nay hủ tiếu bán ế hơn năm ngoái, năm ngoái 5.000 – 6.000 đồng/1 hủ, năm nay 10.000 đồng/hủ do nguyên liệu tăng giá. Nhưng năm nay, công nhân ít lương mà giá bán cáo nên họ ăn ít đi. Mình thì bán 10.000 đồng/hủ nhưng nếu họ mua 5.000- 6.000 đồng cũng phải bán.” (nhóm buôn bán nhỏ, bán hàng rong phường 6)

Hộp 11: Khó khăn của quán bán cơm khi giá cả vẫn cao và công nhân nghỉ việc nhiều....

Với 10 năm thâm niên bán cơm trên địa bàn phường Lâm Hà, năm 2009 là năm mà ông N.T.D sống tại tổ dân phố 30, khu dân cư số 3 cảm thấy khó khăn nhất.

Nguyên nhân chính là do trong năm 2009, giá cả các mặt hàng lương thực, thực phẩm vẫn còn giữ ở mức rất cao. Các chi phí sinh hoạt như tiền điện, nước, chất đốt tăng vọt vào đầu năm 2009. Việc làm ăn của quán gặp rất nhiều khó khăn. Ông cho biết “Để nấu được một suất cơm đảm bảo cho người ăn thì chủ quán phải chi phí khoảng 9 - 10 ngàn tiền mua thực phẩm, chưa kể đến những chi phí khác như công, chất đốt, điện, nước.... Nhưng nếu tăng giá cơm lên quá cao (15 - 16.000đ/suất) thì không có người ăn. Nếu giữ giá ở mức 9 - 10.000đ/suất thì chất lượng của suất cơm không đảm bảo nên không ai muốn ăn”.

Lượng công nhân nghỉ việc nhiều do thất nghiệp và nhiều công nhân đã chuyển sang tự nấu ăn thay vì đi ăn quán nên số người ăn tại quán giảm đi rất nhiều. “Năm 2009 lượng người ăn giảm 2/3 so với năm 2008, năm 2008 bán được 100 suất cơm trên ngày thì sang đến năm 2009 chỉ bán được 30 - 40 suất cơm trên ngày”.

Bản thân ông Doanh cùng gia đình cảm thấy rất khó khăn trong thời điểm hiện nay. Để chống đỡ những khó khăn trước mắt, gia đình ông chỉ biết cắt giảm tối đa mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình mà chưa có một định hướng cụ thể nào cho công việc trong tương lai.

Tình hình khả quan hơn từ quý 2 năm 2009

Từ tháng 4/2009 trở lại đây, tình hình đã có vẻ khả quan hơn. Công nhân được quay trở lại làm việc, các doanh nghiệp tuyển thêm lao động mới nên số lượng người mua có tăng hơn giai đoạn đầu năm. Mặc dù vậy, người dân vẫn có tâm lý lo ngại và giữ thói quen tiết kiệm chi tiêu.

--- “Đời sống khó khăn hơn năm rồi, giá cả tăng vọt, buôn bán ít hơn năm rồi, do quá nhiều người bán, người mua thì hạn chế, và tiết kiệm chi tiêu. Trước mình bán thấy ham lắm, người ta mua được 10 cái luôn, nay ít người mua 10 cái luôn, nay chỉ mua 5-6 cái thôi.” (nhóm buôn bán nhỏ Phường 6, quận Gò Vấp)

Dễ bị tổn thương khi mâu thuẫn với chính sách quản lý đô thị, và cả vấn đề tâm lý

Ngoài rủi ro về chi tiêu và thu nhập, người bán hàng rong còn thường bị đuổi, bắt hàng khi đứng bán ở những chỗ sai qui định. Dù vậy, họ vẫn phải chấp nhận, không bỏ nghề vì cuộc sống mưu sinh. Khi gặp phải công an, thanh tra hay ban quản lý chợ đến "hỏi thăm" thì người bán hàng rong không có cách nào tốt hơn là “bỏ chạy”, sau đó lại đưa hàng ra bán. Người buôn bán nhỏ còn gặp rủi ro về tâm lý khi bị khách hàng coi thường, thiếu tôn trọng.

--- “Thỉnh thoảng gặp bạn bè cũ thấy tủi thân lắm. Có những người mua hàng họ coi thường mình là người nhà quê, dốt nát, nghèo hèn. Bản thân mình lúc đó thấy cũng buồn lắm nhưng nghĩ đến con lại thôi. Miễn sao là mình có tiền nuôi con nhỏ” (N.T.T bán khoai lang, xã Kim Chung)

2.2.4 Phương án chống đỡ

Cách chống đỡ phổ biến là tăng thời gian bán hàng và tiết kiệm chi tiêu

Với những người buôn bán nhỏ, cách chống đỡ khủng hoảng tốt nhất là tăng thời gian bán hàng “chịu khó đi sớm về muộn” và tiết kiệm chi tiêu.

--- “Ở nhà quê làm ra tiền nó khó, có tiền thì mua thịt, không có thì mua cá rẻ về ăn. Ở nhà quê không cứ là ăn thịt gì đâu, nếu con đóng học thì có khi phải ăn mắm” (nhóm buôn bán nhỏ Lâm Hà, Hải Phòng)

Vẫn giữ nghề bán hàng rong vì khó chuyển đổi sang nghề khác

Đa số người bán hàng rong khi được hỏi đều dự định gắn bó lâu dài với công việc này. Nếu có ý định chuyển đổi thì cũng chỉ là chuyển bán mặt hàng này sang bán mặt hàng khác. Do học vấn thấp, quá tuổi xin làm công nhân hoặc đi học, không có việc gì khác để làm khiến họ buộc phải chọn lựa công việc này để bảo đảm cuộc sống của gia đình. Hầu hết người bán hàng rong đều lo lắng nếu bị cấm triệt để tại các thành phố vì gia đình họ còn ít ruộng để làm, trong khi đó để kiếm được một việc khác rất khó.

--- “Nếu như cấm bán hàng rong thì chết vì đó là chỗ kiếm cơm của mình. Nhà có ruộng đâu người ta thu hết rồi chỉ còn hai sào thôi. Có phải ăn mỗi gạo đâu lại còn thức ăn lấy tiền đâu mà mua. Mình muốn tìm việc khác cũng khó lắm vì không có trình độ văn hoá” (D.T.T, bán hàng hoa quả xã Kim Chung).

2.3 NHÓM CHẠY XE ÔM

2.3.1 Đặc điểm nhóm

Người chạy xe ôm hầu hết là nam giới, trung niên đã có gia đình, không phù hợp với các nghề khác

Người làm nghề xe ôm thường có độ tuổi trung bình từ 30 – 55, không có tay nghề. Tại các điểm khảo sát ở Hải Phòng và Hà Nội đa số người chạy xe ôm là người sống tại địa phương, có một số đến từ những vùng lân cận sáng đi tối về. Trong khi nhóm xe ôm tại các điểm khảo sát ở TP.HCM có một số người địa phương và đa số là người nhập cư ở nhà trọ.

Riêng tại xã Kim Chung (Đông Anh, Hà Nội), làm nghề xe ôm còn bao gồm những người bị thu hồi đất ruộng để làm đường hoặc xây khu công nghiệp. Nhiều nam giới địa phương chọn nghề xe ôm sau khi đã thử sức ở các công việc khác như công nhân, xây dựng...mà không thấy phù hợp. Tuy nhiên người không hài lòng với công việc hiện tại của mình, nhưng đa số họ chưa có ý định bỏ nghề vì lý do đã quá tuổi để xin những công việc khác.

--- “Trước kia mình đi làm công nhân nhưng khi vợ mất mình bỏ ra làm xe ôm cho chủ động thời gian chăm sóc con. Hơn nữa ruộng đất cũng chẳng còn mà làm, Bây giờ con lớn rồi nhưng vẫn làm xe ôm vì mình có tuổi rồi cũng khó xin làm công nhân” (L.V.V, xe ôm xã Kim Chung)

Người trung niên, gia đình khó khăn thường gắn bó hơn với nghề xe ôm

Có trường hợp lớp trẻ làm nghề chạy xe ôm tạm thời một thời gian chờ khi có việc phù hợp là chuyển sang việc mới; hay người có chút vốn liếng quay sang công việc buôn bán nhỏ, kinh doanh phòng trọ. Người trung niên, hoàn cảnh gia đình khó khăn thường có xu hướng gắn bó lâu dài với nghề xe ôm hơn.

Thu nhập nghề xe ôm không ổn định

Do công việc không ổn định và số lượng người làm nghề xe ôm ngày càng tăng nên thu nhập bình quân của những người làm nghề xe ôm chỉ khoảng 1 – 1,5 triệu đồng/người/tháng tùy theo các lứa tuổi. Nhóm thanh niên sẽ có thu nhập tốt hơn so với những người có tuổi do có sức khoẻ nên nhận được khách đường dài hoặc làm việc muộn hơn. Phần lớn vợ, con của nhóm xe ôm cũng làm các công việc phổ thông như buôn bán hoặc thợ hồ... với mức thu nhập không cao.

2.3.2 Điều kiện sống và hành nghề

Nghề xe ôm thời gian làm việc vất vả

Thời gian làm việc của xe ôm không cố định. Thông thường xe ôm đi làm từ 5h sáng đến 6-7 h tối. Cũng có người tận đêm mới về tùy theo lượng khách nhiều hay ít và yêu cầu từ phía khách hàng. Một số xe ôm gần nhà trưa có thể về nhà nghỉ ngơi đến 3-4h chiều lại đi làm tiếp, một số người ở xa thì không về nhà mà ngồi tại một quán nước hoặc chỗ râm mát chờ đón khách.

--- “Thời gian làm việc không cố định. Cũng tùy thôi ai kiếm được nhiều thì về sớm còn ai chưa kiếm được khách thì về muộn hơn. Buổi trưa gần nhà thì về ăn cơm. Nhà xa thì tối mới về, trưa ăn tạm cái gì đó rồi ngồi nghỉ, có khách thì chờ” (nhóm xe ôm xã Kim Chung).

Người chạy xe ôm còn phải lo chi phí học hành cho con cái và nhiều khoản chi khác trong gia đình

Tại TP.HCM, phần lớn những người làm nghề xe ôm thường thuê nhà trọ giá rẻ có diện tích chật hẹp, điều kiện vệ sinh môi trường không đảm bảo. Tại Hà Nội và Hải Phòng, phần lớn những người chạy xe ôm không phải thuê nhà. Người xe ôm thường là trụ cột kinh tế của gia đình nên tất cả chi tiêu sinh hoạt, ăn uống, học hành của con cái, chi phí hiếu hỉ... chủ yếu do họ gánh vác, tiền tiết kiệm được rất ít.

--- “Bây giờ đi xe ôm tiền ngày nào xào ngày ấy, tiền cũng không đủ ấy chứ nói gì là tiết kiệm, phải chi tiêu thật khéo” (nhóm xe ôm xã Kim Chung).

Chưa quan tâm đến mua BHYT

Những người xe ôm tham gia trả lời phỏng vấn nhìn chung đã nhận thức được tầm quan trọng của BHYT nhưng họ không tham gia mua BHYT tự nguyện với lý do chính là không có tiền. Cũng có người không muốn tham gia BHYT vì bản thân không thích mua, theo họ BHYT không thể đáp ứng hết được nhu cầu chữa bệnh của người dân, hơn nữa thái độ phục vụ của y, bác sỹ còn nhiều hạn chế.

--- “Tiền ăn cũng chẳng đủ lấy đâu mua thuốc. Cũng muốn mua lắm vì mình bị bệnh, năm ngoái đi 6,7 lần bệnh viện vì bị vôi hoá cột sống , từ đầu năm đến giờ đi bệnh viện hai lần nhưng không có tiền mua. Mua ở ngoài còn mua chịu được” (N.T.P, xe ôm phường Lãm Hà)

--- “Mình đi xe ôm kiếm ăn vất vả nên không có điều kiện mua BHYT. Ngay cái BHYT và Bảo Việt cho con cũng phải tính từng đồng xem cái nào bỏ, cái nào đóng” (L.V.V, xe ôm xã Kim Chung).

--- “Không thích mua BHYT vì không có nhu cầu. Có bệnh thì đi khám đi chữa ở ngoài cho nó nhanh chóng, thuận tiện không cần thiết phải mua BHYT. Những trường hợp dùng BHYT mà đi khám chữa bệnh thì đa phần bị gây khó dễ, xếp hàng theo thứ tự chờ cả ngày và nhận được thái độ thờ ơ của bác sỹ” (L.V.C, xe ôm xã Kim Chung)

Ít tham gia các hoạt động cộng đồng

Do thời gian đi làm về muộn, nên đa số những người hành nghề xe ôm đều cho biết họ không có thời gian tham gia các buổi sinh hoạt cộng đồng hay hoạt động xã hội của khu phố. Đi làm về mệt, không muốn đi đâu nên họ cũng hạn chế với mối quan hệ bạn bè bên ngoài, chủ yếu là bạn bè cùng nghề, hay hàng xóm gần nhà.

--- “Không có thời gian sinh hoạt giải trí, vì nhiều hôm phải đón khách khuya mới về. Sáng sớm vợ đi lấy mồi hàng, tôi phải đưa con đi học. Cố gắng dành thời gian chỉ quan hệ với một số gia đình chung quanh, cũng có được đi sinh hoạt tổ dân phố, nhưng mà ít lắm” (L.T, xem ôm Phường 6, quận Gò Vấp)

Một số nơi đã hình thành nhóm xe ôm để chia sẻ khách hàng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống

Một số người làm nghề xe ôm đã tự thành lập nhóm với nhau để làm ăn thuận lợi hơn và cùng giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Điển hình là “nhóm xe ôm tự quản” gần bệnh viện Nhi Đức phường Lãm Hà. Khi có việc làm, nhóm xe ôm tại đây thường chia nhau ra để cùng làm và kiếm sống, bên cạnh đó khi có người trong nhóm gặp phải rủi ro, cả nhóm lại cùng nhau đóng góp để giúp đỡ. Tuy nhiên do kinh tế của các thành viên trong nhóm còn nhiều khó khăn nên sự hỗ trợ của “nhóm xe ôm tự quản” cũng không có gì nhiều, chỉ có một ít chi phí để thăm hỏi nhau khi gặp khó khăn, bệnh tật.

--- “Mỗi người đóng góp trong tổ khoảng 10 ngàn đồng hàng tháng để thăm hỏi nhau lúc ốm đau, bệnh tật” (nhóm xe ôm phường Lãm Hà, Hải Phòng)

2.3.3 Tính dễ bị tổn thương

Nghề xe ôm gặp nhiều khó khăn trong năm 2009 do lượng khách giảm và tính cạnh tranh tăng

Năm 2009 nhóm người làm nghề xe ôm chịu tác động của nhiều yếu tố, đó là: (i) do khủng hoảng tài chính dẫn đến thu nhập của công nhân giảm, nhiều công nhân thiếu việc làm, thu nhập giảm nên sử dụng xe ôm để đi lại ít; (ii) số lượng taxi, xe buýt ngày càng nhiều, với mức giá thấp đang cạnh tranh mạnh mẽ với lực lượng xe ôm; (iii) ngày càng có nhiều người lao động chuyển sang chạy xe ôm; (iv) dư âm của biến động giá cả trong năm 2008 khiến lượng khách sụt giảm.

--- “Taxi cứ dần dần tăng. Đời sống người dân bây giờ lên nhiều rồi. Bệnh nhân toàn là phụ nữ và trẻ em nên thường đi xe taxi. Taxi mua bến bãi ở viện rộ từ năm ngoái. Bây giờ số taxi trong bến còn nhiều hơn số xe ôm ở cổng viện, hiện nay xe ôm chỉ có khoảng 8 chiếc mà taxi đã có tới 10 chiếc... Từ năm ngoái đến năm nay khó khăn rất nhiều do hiện nay người ta mua được nhiều phương tiện để đi lại, các tuyến xe buýt cũng mở rộng hơn, chạy cả sang các huyện ngoại thành và các tỉnh lân cận.” (nhóm xe ôm phường Lâm Hà, Hải Phòng)

--- “Trước Tết có tăng mấy người đi xe ôm, đợt khủng hoảng đầu năm cũng có vài người đi làm thêm nữa, chủ yếu là dân quanh đây. Người tỉnh khác hầu như bây giờ không đi xe ôm nữa.” và “Trước anh không nghĩ đi xe ôm, giờ nhờ nhàn không có việc làm, bị lừa nộp tiền xin việc nhưng không được, chán nên đi xe ôm từ năm ngoái. Hiện nay thì hai bên anh đứng khoảng 16 xe. Người làm tầm trung trung tuổi, trẻ tuổi. Có mấy ông già về hưu thì ra tranh thủ kiếm ít tiền, rồi thì người học xong cũng ra tranh thủ đi, công nhân cũng có người đi làm xe ôm” (nhóm xe ôm xã Kim Chung, Hà Nội)

--- “Tôi chạy xe ôm từ năm 1991, 3 năm nay khó khăn đủ loại người ra chạy xe. Hồi xưa quanh chỗ mình đứng không có ai, giờ họ ra đứng, cũng chỉ vì miếng cơm manh áo” (nhóm xe ôm Gò Vấp, HCM)

Giá xăng dầu tăng cũng gây khó khăn cho người xe ôm

Ngoài khó khăn giảm lượng người đi lại, nhóm xe ôm còn gặp khó khăn khác đó là giá xăng dầu và chi phí bảo dưỡng xe vẫn rất cao. Mặc dù giá xăng có thời điểm tăng lên đột biến, nhưng nhóm xe ôm vẫn không tăng giá tiền chờ khách do sợ mất khách. Để có thu nhập ổn định hàng ngày nhiều người làm xe ôm đã phải tăng thời gian làm việc để bù đắp vào sự thiếu hụt khách hàng và sự tăng giá xăng dầu.

--- “Năm ngoái được 1,5 – 1,6 triệu, nay chỉ được 1,1 – 1,2 triệu. Người nào may thì có chứ không thì cứ ngồi không. Giờ không nghỉ trưa luôn, đói là phải lẹ mọ thôi. Năm ngoái còn được nghỉ một tí, năm nay cứ ngày nào ít khách là phải thông trưa ngồi chờ thôi. Cứ khoảng một nửa số ngày đi làm trong tháng là không nghỉ trưa” (nhóm xe ôm Lâm Hà, Hải Phòng)

--- “Thu nhập năm nay giảm 50% so với năm ngoái. Mọi năm được 1 triệu/tháng còn giờ chỉ được 500 ngàn thôi đấy là trừ xăng dầu đi rồi. Người dân có người biết, có người không. Xăng càng lên giá càng khó khăn vì người ta quen cái giá ấy rồi. Mình có muốn tăng cũng khó. Tăng giá là họ không đi” (P.C.B, lái xe ôm phường Lâm Hà – Hải Phòng)

--- “Nghề xe ôm thu nhập được đáng là bao nhiêu. Xăng có tăng giá đấy nhưng mình chờ khách mà tăng giá thì chẳng có ai đi. Thời điểm xăng lên 19 ngàn giá vẫn vậy, giá không tăng được. Chỉ có một cách là ăn ít lãi thôi, công thấp cũng chịu” (L.V.C, xe ôm xã Kim Chung, Hà Nội)

--- “So với năm 2008 thì nay chạy xe ôm khó khăn hơn, xăng lại lên giá nhưng tiền xe thì không tăng. Cùng một đoạn đường lúc trước xăng 11 ngàn/lít tiền xe ôm là 10 ngàn, sau xăng lên 15 ngàn/lít vẫn phải lấy 10 ngàn đồng nên thu nhập bắt buộc giảm” (N.N.C, xe ôm quận Gò Vấp)

Chi phí cho con ăn học là nỗi lo lớn nhất của người chạy xe ôm

Chi phí sinh hoạt của cuộc sống ngày càng tăng cũng tác động rất nhiều đến đời sống của những người làm xe ôm. Giá điện, nước sinh hoạt ngày càng tăng, giá lương thực, thực phẩm vẫn giữ ở mức cao. Chi phí đóng học cho con cái cũng chiếm một phần lớn trong nguồn thu nhập chính của những người làm nghề xe ôm. Chi phí cho con ăn học từ 500 ngàn đến 1 triệu đồng trên tháng chiếm tới trên 50% tổng thu nhập hàng tháng của họ. Mặc dù vậy họ vẫn coi việc học hành của con cái là ưu tiên hàng đầu.

Do không có tiết kiệm, nên người chạy xe ôm đôi khi phải vay nóng với lãi suất cao

--- “Bây giờ điện lên giá, nước lên giá, chi phí hiếu hỉ thì không bao giờ cắt được. Chỉ có cắt bữa cơm hàng ngày thôi” (nhóm xe ôm phường Lãm Hà, Hải Phòng)

--- “Con cái học là lo lắm, đầu năm học không có tiền lo cho con. Lo nhất bây giờ là cho con đi học thôi. Mình đã dốc rồi phải lo cho chúng đi học chứ. Thường đến lúc đóng học là phải vay tiền của anh em, người quen” (nhóm xe ôm phường Lãm Hà, Hải Phòng).

Do thu nhập không ổn định và công việc không đều nên những người làm nghề xe ôm thường không có tiết kiệm. Số tiền họ làm ra hàng ngày chỉ đủ để nuôi bản thân, gia đình và đóng góp các khoản chi phí hàng ngày. Khi cần những khoản tiền lớn hơn họ thường phải đi vay mượn, có khi phải vay nóng lãi suất rất cao.

--- “Nhà chú không bỏ ống được, có đồng nào thì tiêu hết luôn. Nếu đóng học cho con hay cần việc gì thì lại đi vay, vay thì mới tiết kiệm được” (N.V.B xe ôm quận Gò Vấp)

--- “Nói chung là chúng tôi không tiết kiệm được đâu, giỏi thì làm đến đâu ăn đến đấy mà còn phải thất lưng buộc bụng” (nhóm xe ôm phường Lãm Hà, Hải Phòng).

HỘP 12: Xe ôm thời khủng hoảng kinh tế

Giá cả hàng hoá tăng và khủng hoảng kinh tế đã tác động rất nhiều đến thu nhập và chi tiêu của nhóm xe ôm kể từ tháng 5, tháng 6 năm 2008 đến nay. Anh L.V.V, sinh năm 1969 tại xã Kim Chung đang hành nghề xe ôm tại bến xe buýt là một trường hợp điển hình. Giải pháp khắc phục khó khăn của gia đình anh là giảm chi phí ăn uống và tăng thời gian chạy xe.

--- “Thu nhập của mình vào khoảng tháng 6 năm 2008 là 100.000 đồng/ngày chưa trừ xăng. Đến giáp tết thu nhập có giảm hơn mọi năm, cụ thể là tết năm ngoái được 150.000 đồng/ngày nhưng năm nay chỉ được 100.000 đồng/ngày. Tháng 3-4 âm lịch thì hầu như không có khách. Có hôm được 30.000 đồng/ngày thì mất 2.000 đồng tiền thuốc Lào, 3.000 đồng tiền nước chè, 25.000 tiền xăng coi như chẳng có đồng công nào. Bây giờ nếu mình chăm chỉ đi sớm về muộn cũng được khoảng 70.000-80.000 đồng/ngày chưa kể xăng xe”.

Chạy xe ôm đôi khi bị nhắc nhở và bị phạt vì đỗ xe không đúng nơi qui định

Người hành nghề xe ôm tuy không gặp phải cản trở nào từ phía chính quyền địa phương nơi họ trực tiếp làm việc; nhưng vào ngày lễ tết thanh tra giao thông, công an vẫn đến nhắc nhở và bắt nộp phạt vì vi phạm hành lang bến đỗ xe buýt.

--- “Xã thì không vấn đề gì, chỉ thỉnh thoảng ngày lễ bên thanh tra giao thông, công an cơ động nhắc nhở dẹp, Có đợt chẳng thấy nhắc nhở gì đã tóm luôn lên xe, Cách đây một tháng có ông mất trăm ngàn vì vi phạm hành lang bến đỗ xe buýt” (nhóm xe ôm xã Kim Chung, Hà Nội).

Bệnh tật và rủi ro bị quỵ tiền là hai nỗi lo thường trực của người chạy xe ôm

Nhóm xe ôm còn gặp phải những rủi ro về vấn đề sức khoẻ do điều kiện làm việc không đảm bảo, mưa nắng thất thường. Những người làm nghề xe ôm rất sợ ốm đau, bệnh tật do họ không có tiết kiệm. Bản thân những người này cũng không có bảo hiểm y tế, đa số khi có bệnh thì đi mua thuốc hoặc khi bệnh nặng thì mới nghĩ đến việc chữa chạy nhưng rất hạn chế. Đôi khi không may mắn lại gặp phải những khách hàng lừa đảo, nghiện hút cướp xe, hoặc đi xe mà không trả tiền. Để khắc phục những rủi ro trên, nhiều người chọn giải pháp yêu cầu khách hàng mà họ nghi ngờ trả tiền trước lúc đi xe. Mặc dù giải pháp này hơi mất lòng khách nhưng cũng góp phần hạn chế được tính rủi ro của công việc.

--- “Làm nghề xe ôm khổ lắm. Khổ nhất là những ngày mưa, nắng, gió rét. Trong đầu lúc nào cũng nghĩ đến những trắc trở, tai nạn trên đường có thể gặp phải. Đó là chưa kể tới thành phần nghiện hút, bọn nó hay lừa mình chạy xe nhưng không trả tiền” (L.V.T, xe ôm phường Lãm Hà, Hải Phòng)

--- “Có một lần năm 2008, suýt bị bọn nó lừa. Nó bảo lên cao tốc, rồi lên Mêlinh plaza, nó định lừa qua nghĩa trang vào sân gôn nhưng mình thận trọng. Lúc ấy tầm 8h tối. Suýt nữa bị nó đập, may có người đến nên nó sợ chạy mất. Còn quyết tiền thì vẫn thường xảy ra nhiều lần” (T.V.K, xe ôm xã Kim Chung, Hà Nội).

2.3.4 Phương án chống đỡ

Cắt giảm chi phí là cách chống đỡ rủi ro phổ biến nhất

Phần lớn những người làm nghề xe ôm đều có tuổi và trình độ hạn chế nên mặc dù trong năm 2009 họ gặp rất nhiều khó khăn trong việc kiếm sống nhưng họ cũng không biết làm gì khác để chống đỡ. Phần lớn người chạy xe ôm được hỏi cho biết để chống đỡ lại những khó khăn hiện tại họ chỉ biết cắt giảm các chi phí trong cuộc sống như ăn uống, tiết kiệm điện, nước sinh hoạt hoặc giảm chi phí những chi phí cá nhân...vv để tiết kiệm.

--- “Chi tiêu từ đầu năm phải giảm đi nhiều. Nước giặt quần áo phải dung để rửa vệ sinh, tắm không dám 2 lần như trước chỉ có một lần thôi; Điện trong gia đình cũng hạn chế, chỉ bật chỗ nào cần thôi; Chi tiêu trong nhà bình quân 2 triệu/tháng cho 3 người nay chỉ còn 1,3 triệu/tháng” (P.C.B lái xe ôm, phường Lãm Hà, Hải Phòng)

--- “Mình có ý định chuyển nghề nhưng vẫn chưa kiếm được việc gì tốt hơn nên chưa chuyển. Sắp tới mà có hỗ trợ gì cho người mất đất 100% thì có lẽ mình cũng chuyển ra buôn bán thôi. Làm nghề này vất vả lắm”. (L.V.V, xe ôm xã Kim Chung, Hà Nội)

Lớp trung niên vẫn gắn bó với nghề xe ôm, lớp trẻ muốn chuyển nghề nhưng cũng gặp khó khăn

Người trung niên thì có xu hướng gắn bó với công việc xe ôm hơn do tuổi đã cao khó kiếm được việc làm. Đối với những người nhập cư còn ruộng ở quê, họ vẫn xác định làm nghề xe ôm ở thành phố đến khi không làm được nữa thì về quê làm ruộng. Một số người trẻ hơn, có điều kiện hơn thì có thể chuyển sang học lái xe ô tô để thay đổi nghề nghiệp nhưng cũng gặp khó khăn vì không có vốn và lo ngại đầu tư vào xe ô tô không thu hồi được vốn.

2.4 NHÓM XÍCH LÔ

Xích lô là nhóm đặc thù chỉ được khảo sát tại phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng), do có sự sinh sống tập trung của nhóm này tại một điểm quan trắc nghèo đô thị.

2.4.1 Đặc điểm nhóm

Người làm nghề xích lô còn kiêm nhiều nghề khác như bốc xếp, thợ hồ

Người làm nghề xích lô sống tập trung tại tổ 30, phường Lãm Hà (Kiến An, Hải Phòng). Bản thân họ có trình độ văn hoá hạn chế và không có tay nghề gì khác. Những người làm nghề xích lô thường tập trung chờ việc thành nhóm tại “chợ xích lô” (địa điểm gần trường Trung cấp Y - Hải Phòng). Khi có người thuê thì họ chia nhau ra để cùng làm. Ngoài việc làm nghề đạp xích lô nhóm này còn làm thêm các việc khác như bốc xếp, thợ hồ, vôi ve... để cải thiện thu nhập.

Đa số người chạy xích lô có đời sống khó khăn, bao gồm cả những gia đình có 2 vợ chồng chạy xích lô

Nhóm xích lô tại tổ 30 đa phần là những gia đình đến ngụ cư tại tổ 30 từ nhiều năm, đất ở vẫn chưa có “sổ đỏ” (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), sống trong những ngôi nhà cấp 4 chất lượng thấp. Trong nhà có vợ hoặc chồng đạp xích lô, hoặc cả hai vợ chồng đều tham gia. Cả tổ 30 có khoảng 20 phụ nữ làm nghề xích lô. Do có thu nhập tương đối thấp và công việc không đều nên điều kiện sống của những người làm nghề xích lô rất khó khăn. Tổng số xe xích lô trong tổ 30 đã giảm đi so với trước do số người lớn tuổi đã nghỉ dần (nay còn trên 30 nhà, trước trên 50 nhà).

2.4.2 Tính dễ bị tổn thương

Nghề xích lô thu nhập bấp bênh, nhiều ngày không có việc

Công việc của người đạp xích lô phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố thời tiết và các công trình xây dựng trên địa bàn. Do đó lượng công việc của nhóm này thường rất bấp bênh. Vào mùa khô, ít mưa từ tháng 1 đến tháng 6 có nhiều công trình xây dựng thì họ đi đạp xích lô chở vật liệu xây dựng. Vào mùa mưa khi mà lượng công trình xây dựng giảm xuống, họ thường đi làm thêm các việc khác như thợ hồ, bốc vác...vv, một số người không có việc thì ở nhà. Thu nhập từ việc đạp xe xích lô không đều, trung bình kiếm được khoảng 50 ngàn đồng 1 ngày sau khi đã trừ đi chi phí cho ăn uống, vì mất thời gian chờ việc, nhiều ngày không có việc.

--- “Nghề xích lô của mình không phải chở khách mà chỉ là chở vật liệu xây dựng, nhưng kiếm nghề để đổi rất khó. Trung bình ngày cũng được 50 ngàn sau khi ăn uống đi rồi. Tháng thì chơi là nhiều, trung bình chỉ làm được 15 ngày thôi. Từ tháng 7 trở đi là ít việc do có không có nhà xây dựng, lúc đó chỉ có đi dọn dẹp thôi. Nghề xích lô rất bấp bênh, thu nhập bất ổn” (nhóm xích lô tổ 30, phường Lâm Hà)

Các công trình xây dựng bị đình trệ hồi đầu năm 2009 khiến người đạp xích lô gặp khó khăn

Vào thời điểm đầu năm 2009 là thời điểm rất khó khăn với những người làm nghề đạp xích lô. Nguyên nhân là do có rất nhiều công trình xây dựng bị đình trệ bởi giá cả vật liệu xây dựng tăng cao, do tác động của khủng hoảng kinh tế. Thu nhập của người đạp xích lô đã giảm đi 20 – 30% so với cùng kì năm 2008. Bên cạnh đó thời gian có làm việc trong tháng cũng chỉ bằng một nửa so với các năm trước.

--- “Năm nay nghề xây dựng kém hẳn, nghề xích lô cũng kém theo. Người ta không xây thì mình chở cái gì. Năm ngoái nếu mùa xây dựng thì thu được 100 ngàn/ngày sang đến năm nay chỉ thu được từ 70 – 80 ngàn/ngày. Từ đầu năm đến giờ công việc cũng kém hẳn, nếu như năm ngoái số ngày có việc khoảng 20 ngày thì năm nay chỉ được 12 – 15 ngày thôi” (nhóm xích lô tổ 30, phường Lâm Hà)

Chính sách cấm xích lô vào thành phố ban ngày cũng khiến người chạy xích lô thêm vất vả

Chính sách hiện nay là cấm xe tự chế, xe xích lô, xe ba gác... hoạt động trong trung tâm thành phố từ 8h sáng đến 9h tối. Để làm việc trong các quận trung tâm thường người chạy xích lô phải làm việc vào thời gian sau 9h tối và có thể kéo dài đến tận khuya. Một số người chạy quá giờ qui định nên bị bắt, bị phạt dẫn đến bị thu xe hoặc mất đi nguồn thu nhập trong ngày.

--- “Chủ yếu là chở vật liệu xây dựng, sáng đi làm từ 6h30 – 7h. Nếu hôm nào không có việc thì 2h chiều về, hôm nào có việc thì 4 – 5h chiều về. Trong 1 tháng cũng có 3 -4 buổi làm việc buổi tối. Chủ yếu là những đoạn đường bị cấm không cho vận chuyển vào ban ngày” (P.T.D, có chồng đạp xích lô, tổ 30 phường Lâm Hà)

--- “Nghề xích lô năm ngoái còn cấm nhiều hơn năm nay. Từ 5h sáng đến 9h tối bị cấm. Nếu đi trộm qua ngã tư mà bị bắt thì mất 100 ngàn, nếu không có thì công an xích xe” (nhóm xích lô tổ 30, phường Lâm Hà)

Nghề xích lô ít việc vào mùa mưa

Từ tháng 7 đến tháng 12 là thời điểm mùa mưa nên việc vận chuyển vật liệu của nhóm xích lô cũng gặp nhiều khó khăn hơn. Vào thời điểm này những người làm nghề đạp xích lô thường chuyển sang làm các công việc khác như thợ hồ, vôi ve, bốc vác, dọn nhà... để kiếm thêm thu nhập. Tuy nhiên do khối lượng công việc thì ít mà lượng người tham gia lại đông nên thu nhập của nhóm đạp xích lô không có nhiều. Vào thời điểm này phần lớn những người làm nghề xích lô ở nhà nhiều hơn là đi làm. Do đó thu nhập của họ rất ít và gặp nhiều khó khăn chi phí cho cuộc sống.

--- “Mấy tháng cuối năm thì phải xoay việc, đi phụ xây, quét vôi ve, dọn nhà, làm nhà” (nhóm xích lô tổ 30, phường Lâm Hà)

Không có tiết kiệm, đôi khi phải vay mượn

Do thu nhập thấp cộng với công việc không đều nên những người làm nghề đạp xích lô không có tiết kiệm. Để chống đỡ lại những khó khăn trước mắt hay trong những thời điểm không có việc làm họ thường vay anh em, họ hàng hoặc phải vay nóng ở ngoài với lãi suất cao để trang trải chi phí.

--- "Cái nghề này chưa ráo mồ hôi đã hết tiền lấy đâu ra mà tiết kiệm; Bây giờ không có tiền ăn vẫn phải đi vay thôi. Giờ không có tiền vẫn phải vay lãi (5%) chứ anh em hàng xóm thì đều khó khăn lấy đâu ra" (nhóm xích lô tổ 30, phường Lâm Hà)

Ngại vay vốn ngân hàng, không có sổ đỏ để thế chấp vay vốn

Tâm lý ngại vay vốn ngân hàng do nghèo hoặc việc thiếu sổ đỏ để thế chấp cũng ảnh hưởng khá nhiều đến việc vay vốn của nhóm lao động này. Có một số người mặc dù được ưu tiên vay vốn qua các hội, đoàn thể nhưng cũng không dám vay vì không biết làm gì để trả nợ. Một số đối tượng khác muốn vay nguồn vốn lớn hơn để phát triển sản xuất nhưng do không có sổ đỏ nên cũng không được vay vốn.

--- "Vay vốn không được vì thiếu giấy tờ đất, 1-2 trường hợp đi đảo Cô Tô về thất lạc giấy tờ, nhiều trường hợp khác có tài sản ở quê không muốn mất nên họ giữ giấy thường trú tại nơi ở cũ", "Cũng có người muốn vay vốn mà không vay được, nhưng cũng có người sợ vay vì vay rồi không biết làm gì. Nhà chị có vay 5 triệu, Hội Phụ nữ cho vay 7 triệu mà mình không dám vay chỉ vay 5 triệu thôi. Vay nhiều không biết lấy tiền đâu mà trả" và "Vay vốn của Hội Phụ nữ được 5 triệu để bán rau hàng ngày nhưng không kiếm được bao nhiêu. Giờ cần có tiền, nếu mà có sổ đỏ đặt thì còn được vay mấy chục triệu thì mình còn có cơ sở mua cái xe tải nhỏ thay xích lô. Nhưng không có thì chịu" (nhóm xích lô tổ 30, phường Lâm Hà).

Ít quan tâm đến mua thẻ BHYT

Mặc dù biết mua thẻ BHYT sẽ tốt hơn, nhưng đa phần những người làm nghề đạp xích lô đều không tham gia do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Chỉ khi có người nhà bị ốm họ mới quan tâm đến việc mua thẻ BHYT.

--- "Dân nghèo đang khoẻ mạnh, ai bỏ ra 640 ngàn để mua thẻ BHYT, trong khi đó đằng sau còn bao nhiêu chuyện phải lo", và "Mẹ bị ốm, nhưng đi mua để mai đi viện khám người ta bảo không còn, phải tháng sau mới có thẻ nên thôi" (nhóm xích lô tổ 30, phường Lâm Hà)

Người chạy xích lô khó chuyển đổi sang nghề khác

Mặc dù công việc và thu nhập bấp bênh nhưng nhiều người vẫn gắn bó với nghề đạp xích lô do họ chưa thể tìm được công việc khác.

--- "Tôi làm nghề này từ năm 2005, trước đó đã làm qua các nghề phụ xây, thợ hồ. Nghề cũ thu nhập cũng thấp và ngày càng bấp bênh, nên chọn nghề xích lô vì dù công việc bấp bênh nhưng thu nhập cũng đỡ. Cũng vì sức khỏe nên không trèo cao hay làm các việc nặng để theo nghề thợ xây. Vì chưa tìm được việc làm nên tạm thời chọn nghề xích lô chờ cơ hội chuyển nghề" (anh V.H.D, làm nghề xích lô tổ 30, phường Lâm Hà).

PHẦN 3

KẾT LUẬN: HƯỚNG ĐẾN GIẢM NGHÈO ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

Sáng kiến theo dõi nghèo đô thị này nhằm cung cấp thông tin bổ sung cho các số liệu thống kê hiện có về nghèo, thông qua tìm hiểu những khó khăn, bất lợi của nhóm nghèo bản xứ và nhóm nghèo nhập cư. Một số nhóm xã hội đặc thù như công nhân nhập cư, người bán hàng rong, chạy xe ôm, xích lô được lựa chọn khảo sát nhằm thể hiện tính đa dạng của nghèo đô thị.

Trong năm 2009, tỷ lệ hộ nghèo theo các con số thống kê đã tăng đột biến do các thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tăng chuẩn nghèo của riêng mình. Một chu kỳ mới với những thách thức mới về chương trình giảm nghèo tại 2 thành phố này đã bắt đầu, vì khái niệm "hộ nghèo" đã thay đổi khi tăng chuẩn nghèo. Bên cạnh nhóm nghèo lõi (vẫn thuộc diện hộ nghèo từ trước đến nay), một số lượng lớn những người thu nhập thấp, bao gồm cả người về hưu, mất sức, công chức địa phương không có thu nhập gì khác, người buôn bán nhỏ, và nông dân ngoại thành bị thu hồi đất nông nghiệp thiếu khả năng chuyển đổi sinh kế đã rơi vào diện hộ nghèo. Riêng thành phố Hải Phòng vẫn áp dụng chuẩn nghèo chung của quốc gia nên tỷ lệ hộ nghèo đã ở mức rất thấp, rất khó giảm thêm.

Các số liệu nghèo đô thị vẫn chưa tính đến nhóm người nhập cư (riêng thành phố Hồ Chí Minh đầu năm 2009 đã cho phép đưa một số hộ tạm trú dài hạn vào diện bình xét nghèo). Tình trạng nghèo của người nhập cư trầm trọng hơn khi xem xét dưới góc độ "hòa nhập xã hội" (vị thế, tiếng nói trong các quan hệ xã hội và tiếp cận nguồn lực, dịch vụ) thay vì chỉ xem xét dưới góc độ "thu nhập" hay "chi tiêu".

Nghèo đô thị đa dạng và phức tạp còn do có nhiều nhóm xã hội đặc thù với những khó khăn, bất lợi riêng có của mình và rất dễ bị tổn thương trước các rủi ro và cú sốc. Tính dễ bị tổn thương cao của các nhóm nghèo đô thị càng thể hiện rõ trong bối cảnh Việt Nam đang chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới trong năm 2009, và tác động còn dai dẳng của giá cả tăng cao từ năm 2008. Nhiều người nghèo đô thị, bao gồm cả người bản xứ và người nhập cư, nhận thấy đời sống không được cải thiện đáng kể, một số còn thấy đời sống đi xuống trong năm qua. Nhóm công nhân nhập cư đã chịu những cú sốc lớn trong các tháng đầu năm 2009 khi các doanh nghiệp hướng về xuất khẩu gặp khó khăn.

Báo cáo nghèo đô thị năm 2008 dự báo rằng dòng người nhập cư đến các đô thị lớn có thể sẽ tăng chậm lại do mức lương thấp, chi phí cuộc sống ở đô thị quá cao, điều kiện làm việc khắc nghiệt trong các nhà máy, nhiều nơi ở nông thôn giờ cũng có cơ hội việc làm. Khảo sát trong năm 2009 cho thấy thực tế diễn ra đúng như vậy, dẫn đến tình trạng mất cân đối cung và cầu lao động trong nhiều doanh nghiệp thâm dụng lao động như giày da, may mặc ở các thành phố khi đơn hàng phục hồi.

Tuy nhiên, đến những tháng cuối năm 2009 và bước sang năm 2010, khi cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã lắng dịu, các doanh nghiệp đã bước vào giai đoạn phục hồi mạnh mẽ hơn, dòng nhập cư đến các đô thị lớn có thể sẽ tăng trở lại, dù có thể không mạnh như lúc trước khủng hoảng. Quá trình đô thị hóa luôn song hành với dòng người nhập cư. Những thách thức giảm nghèo đô thị như nêu trong báo cáo này có thể sẽ càng trầm trọng hơn, do đó cần được theo dõi chặt chẽ nhằm giúp đề ra những chính sách hiệu quả nhằm hướng đến giảm nghèo đô thị bền vững trong bối cảnh mới.

Những gợi ý thảo luận chính sách nêu trong Báo cáo nghèo đô thị vòng 1 năm 2009 vẫn có ý nghĩa. Một số gợi ý thảo luận chính sách hướng tới giảm nghèo đô thị bền vững trong bối cảnh

mới được rút ra từ đợt khảo sát vòng 2 năm 2009 như sau:

1. **Theo dõi chặt chẽ tác động của các rủi ro và cú sốc đến các nhóm nghèo đô thị:** Giảm nghèo đô thị trong bối cảnh có nhiều rủi ro và cú sốc (giá cả bất lợi, khủng hoảng tài chính thế giới, biến đổi khí hậu toàn cầu, và những thay đổi trong chính sách quản lý đô thị, qui hoạch sử dụng đất ảnh hưởng đến sinh kế người nghèo...) không thể thực hiện hiệu quả nếu không nhận diện đúng những khó khăn của người bản xứ và người nhập cư, không cập nhật các dòng di chuyển lao động và mối liên kết nông thôn - thành thị (ví dụ, tình trạng mất việc làm, giảm thu nhập trong các nhóm công nhân nhập cư và nhóm lao động phi chính thức). Cần cải thiện hệ thống điều tra thống kê về lao động-việc làm, xây dựng các điểm quan trắc liên tục về lao động tại từng địa phương, cải thiện việc báo cáo về tình hình lao động ở các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động, để có thể cập nhật tình hình chính xác, phát hiện nhanh các vấn đề nảy sinh, từ đó ứng phó kịp thời hơn với các rủi ro và cú sốc.
2. **Phân loại người nghèo để tập trung nguồn lực hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn đặc thù khi tăng chuẩn nghèo tại các khu vực đô thị.** Một số lượng lớn hộ gia đình đã rơi vào diện hộ nghèo sau khi các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM tăng chuẩn nghèo của mình từ đầu năm 2009. Trong bối cảnh nguồn lực có hạn, cần có sự phân loại người nghèo thành các nhóm khác nhau để có chính sách phù hợp với từng nhóm đối tượng. Cần tính đến người nhập cư trong việc bình xét nghèo lập kế hoạch hỗ trợ giảm nghèo tại các khu vực đô thị. Những kinh nghiệm của TP.HCM trong việc đưa nhóm nhập cư tạm trú dài hạn vào diện bình xét nghèo, tách nhóm nghèo nhất (có thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm, so với chuẩn nghèo 12 triệu đồng/người/năm) để có chính sách hỗ trợ mạnh hơn, và tách nhóm người nghèo do lớn tuổi, mất sức lao động, ốm đau bệnh tật... không có khả năng làm ăn vượt nghèo ra khỏi để án giảm nghèo của Thành phố để có chính sách bảo trợ xã hội riêng. Điều này rất đáng tham khảo cho các tỉnh, thành phố khác.
3. **Thực hiện các chính sách hỗ trợ đồng bộ cho các xã bị thu hồi nhiều đất nông nghiệp để xây dựng khu công nghiệp.** (ví dụ, bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp), trong đó chú trọng giải quyết những vấn đề nảy sinh về hệ thống thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và rác thải và các biện pháp hỗ trợ chuyển đổi sinh kế bền vững, bảo đảm an sinh xã hội cho những người bị thu hồi đất, người nghèo tại địa phương. Cần có qui chế rõ ràng để nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư các khu công nghiệp trong các chính sách hỗ trợ nói trên ngay từ khâu qui hoạch sử dụng đất, đánh giá tác động môi trường và tác động xã hội của dự án. Cũng cần đặc biệt lưu ý đến nâng cao năng lực quản trị địa phương (về trình độ cán bộ, lập và thực hiện qui hoạch/kế hoạch, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình) tại các xã ven đô thị đang trong quá trình chuyển đổi, qui hoạch và quản lý các dịch vụ nhà trọ cho thuê và dịch vụ dân sinh tại chỗ, mở rộng cơ sở trường học và y tế (phục vụ cả con em của công nhân nhập cư), xây dựng các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi lành mạnh và phòng chống sự suy thoái về lối sống.
4. **Xây dựng một chương trình bảo trợ xã hội cho người nhập cư tại các khu vực đô thị,** như mở rộng việc đóng các loại bảo hiểm (BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT) một cách linh hoạt đối với lao động nhập cư, hỗ trợ người mất việc làm do các rủi ro và cú sốc, hỗ trợ chi phí học nghề và học văn hóa (với những công nhân nhập cư vừa học vừa làm), tư vấn hướng nghiệp và tư vấn tâm lý, giúp người nhập cư tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội và các tiện ích hạ tầng (điện, nước) với giá hợp lý, cải thiện "vốn xã hội" của người nhập cư bằng cách tạo cơ hội tham gia nhiều hơn vào các hoạt động đoàn thể, sinh hoạt tổ nhóm, các hoạt động văn hóa, truyền thông về pháp luật và các kỹ năng sống... với sự tham gia tích cực của các bên liên quan (chính quyền, tổ dân phố, các đoàn thể, công đoàn, doanh nghiệp).
5. **Tăng cường vai trò của các nhóm tự quản tại cộng đồng** bao gồm cả người bản xứ và người nhập cư, là một biện pháp hữu hiệu để tăng vốn xã hội, tăng năng lực chống đỡ các rủi ro và cú sốc cho những người dễ bị tổn thương tại các địa bàn đô thị. Các nhóm tự quản có thể đảm đương một hoặc nhiều chức năng, như chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau, tiếp cận các chương trình hỗ trợ của địa phương và các nhà tài trợ/nhà hảo tâm, cải thiện tiếp cận các dịch vụ công, cùng nhau tổ chức thực hiện các dịch vụ phục vụ cộng đồng dân cư ví dụ như thu gom rác thải.



Oxfam Anh
22 Lê Đại Hành,
Hà Nội
Việt Nam
ĐT: 04 - 3945 4362
Fax: 04 - 3945 4365
Email: ogb-vietnam@oxfam.org.uk

Oxfam Hồng Kông
22 Lê Đại Hành,
Hà Nội
Việt Nam
ĐT: 04 - 3945 4406
Fax: 04 - 3945 4405
Email: oxfamhk-ohk.org.vn

Action Aid Vietnam
Tầng 5, tòa nhà HEAC
14 - 16 Hàm Long, Hà Nội
Việt Nam
ĐT: 04 - 3943 9866
Fax: 04 - 3943 9872
Email: mail.aav-actionaid.org